Mục lục

Vị Bá Tước Thứ Năm Của Giòng Họ Hauberk

Aldous Huxley

Giới Thiệu

Aldous Leonard Huxley sinh năm 1894 trong một gia đình nhiều đời làm công tác khoa học: ông nội và bố là những nhà sinh học lớn của nước Anh.

"Tuổi trẻ thất trận" (The Defaith of Youth - 1918) mở đầu sáng tác của ông, cũng là mở đầu cho "Thế kỷ đen" ở Anh. Loạt sáng tác kế tiếp trong nhiều năm vẫn nằm trong dòng tư tưởng bi quan: liệu những người tự cho là có trách nhiệm bảo vệ giá trị tinh thần và vật chất của loài người, họ có làm tròn nhiệm vụ không, hay ngược lại họ đang phá hỏng cái gia tài chung ấy? Ông không tin ở những món quà thế kỷ 20 mang tới. "Vàng mạ kền" (Crome Yellow - 1921) "Phản bác" (Point Counter Point -1928): những bức tranh châm biếm cái xã hội tứ chiếng, phè phỡn của châu Ẩu những năm 20. "Thế giới mới dũng cảm" (Brave New World - 1932) chỉ giễu tham vọng Mỹ hóa thế giới của các trùm tài phiệt và trùm văn hóa Mỹ. "Bình yên dưới đáy sâu" (1945) phê phán nếp sống gấp...

(Jouvence - tên tác phẩm của tập này) ra đời năm 1954. Bằng nhận thức sắc sảo, trí tuệ Aldous Huxley nhìn ra cái thế giới của Con Bò Vàng, ông mất năm 1963 ở California - Mỹ.

Tại vùng ngoại ô một thành phố miền Nam California, có một tòa lâu đài kỳ dị, cao đến 24 tầng, xây dựng trên đỉnh đồi. Bao quanh khu nhà là hai lớp tường, rồi một hào nước sâu, ra vào bằng một cái cầu treo kiểu trung cổ. Đó là trụ sở một siêu công ty kinh doanh từ xăng dầu, hầm mỏ, ngân hàng tới nghĩa trang, mồ mả. Tòa nhà có đủ cơ quan và phương tiện tối tân, có cả nhà thương làm phúc cho trẻ, thảo cầm viên, một viện nghiên cứu khoa học với các chuyên viên cực giỏi. Phần trên dành riêng cho chủ nhàn

và cô nhân tình với một bể bơi hiện đại cách một đất trên 200 mét. Nơi đây đã xảy ra một vụ án tình, kẻ giết người chính là Stoyte. Tỷ phú Stoyte có quá nhiều thú vui nên chỉ có một mơ ước: tìm ra phương thuốc trường sinh. Một học giả Anh có trong tay tài liệu của dòng họ Hauberk ở Anh từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 17 về phương thuốc. Vị Bá tước thứ năm của dòng họ này, cách đây trên trăm năm đã ứng dụng và ghi chép kỹ diễn biến trên cơ thể ông và một người tình cùng dùng thuốc với ông cho đến năm ông gần trăm tuổi. Có chứng cứ nói rằng hai người cho đến nay vẫn còn sống dưới hầm bí mật của một tòa lâu đài cổ đâu đó ở Bắc Anh.

Stoyte đang thất tình, đang bê bối trong vụ án bèn cùng với cô nhân tình và nhà khoa học tới nước Anh truy tìm hai con người bất tử kia. Họ còn sống hay đã chết? Câu trả lời phải dành cho ngòi bút trào lộng mà cay đắng của Huxley.

Người dịch

Vị Bá Tước Thứ Năm Của Giòng Họ Hauberk

Aldous Huxley

Phần I - Chương 1

Đôi bên đã thỏa thuận trước bằng điện tín: Jeremy Pordage phải nhận ra người tài xế da màu mặc đồng phục xám, khuy áo cài một bông hoa nhỏ; còn người tài xế phải tìm một ông Ăng lê đứng tuổi, tay cầm tập thơ Wordsworth. Ga đông người, nhưng họ dễ dàng nhận ra nhau.

- Anh là người tài xế của ông Stoyte?

- Ông Pordage đây ạ?

Jeremy gật đầu. Dáng dấp thảm hại trong bộ quần áo buồn cười, ông dang hai tay về phía người tài xế, dang nửa chừng như một con bù nhìn, nửa như muốn xin lỗi, nửa lại như muốn khoe cái mẽ xấu xí của mình. Dường như ông muốn nói: "Trông thảm hại nhỉ, nhưng chính là tôi đấy!".

Tự giễu mình chính là một kiểu tự vệ, một kiểu đề phòng quen thuộc ở ông. Ông dùng nó trong nhiều trường hợp khác nhau. Tự dưng ông lại nghĩ, trong cái xứ Viễn Tây này, không biết người ta có phải bắt tay tài xế không nữa? Nhất là đối với người da đen. Ông muốn tỏ rằng mình không phải là giống người thượng đẳng, rằng chính đất nước Anh của ông đã từng mang trách nhiệm nặng nề là phải bảo hộ người dân da màu.

Trong lúc ông đang phân vân như vậy thì anh tài xế ngả mũ, thực hiện vai trò là một kẻ đày tớ da đen kỳ cựu trên đất Mỹ. Hơi quá đáng một chút, anh ta khom người, cười toe toét đến tận mang tai và nói:

- Ông Pordage, kính chúc ông vui vẻ khi đến Los Angeles!

Và anh ta đổi giọng, chuyển từ long trọng sang thân mật:

- Ông không có quyển sách, tôi vẫn nhận ra ông mà!

Jeremy gượng cười. Một tuần trên đất Mỹ, ông đã thấy ái ngại cho giọng nói của mình, nó vốn là sản phẩm của Viện đại học Ba Ngôi Cambridge, mười năm trước chiến tranh: giọng nói êm nhẹ, gợi nhớ tới khúc kinh cầu chiều trong một ngôi nhà nguyện ở Anh.

Bên Anh, chẳng bao giờ ông chế giễu giọng nói ấy như ông từng chế giễu vẻ người hay tuổi tác của mình. Ở đất Mỹ này, thì lại khác. Chỉ cần gọi một tách cà phê hoặc hỏi nhà vệ sinh ở đâu (chán thật, họ cũng không gọi là "nhà vệ sinh" nữa!), chỉ vậy thôi là thiên hạ trố mắt nhìn ông như một thứ trò lạ ở khu giải trí.

- Anh khuân vác đâu rồi? - Ông ra vẻ bận rộn hỏi, gác lại vấn đề kia.

Vài phút sau, xe nổ máy. Ngồi đong đưa một mình đằng sau, xa tầm gạ chuyện của anh tài xế (ông hy vọng như vậy), Jeremy Pordage thích thú ngắm nhìn phong cảnh, chẳng còn muốn bận tâm tới chuyện gì nữa. Miền Nam California trải ra trước tầm nhìn.

Đầu tiên là khu ngoại ô ghẻ lở của người Phi châu, Nhật Bản, Mêhicô, Philippin. Cảnh xô bồ lai tạp của những màu da: Đen, Vàng, Nâu bát nháo. Và những người đàn bà trẻ trung (trang phục bằng tơ nhân tạo của họ mới đẹp làm sao!). Ông mỉm cười một mình.

Vùng ngoại ô lở lói dần dần nhường bước cho những dãy nhà cao tầng của khu thương mại.

Dân cư có vẻ Âu châu hơn. Mỗi góc đường một cửa hàng dược. Trẻ bán báo rao tin Franco đang tiến tới Barcelone. Phần đông các cô gái làm như vừa bước đi vừa lẩm nhẩm cầu kinh. Nhưng Jeremy phát hiện ra rằng các cô nhai kẹo cao su, nhai luôn mồm

như vậy. Kẹo cao su chứ không phải là Chúa.

Chiếc xe hơi bỗng chui tọt vào một đường ngầm và thoát ra một thế giới khác, thế giới ngoại thành với những cây xanh và bảng quảng cáo hỗn độn, những căn nhà thấp trong vườn cây...

Xe hơi chạy về phía Tây, ánh nắng chiếu xiên từ phía sau tới, rọi sáng trên mỗi khu nhà, mỗi tấm bảng quảng cáo như một chùm đèn cố ý soi để khách mới tới nhìn cho rõ những gì cần nhìn.

Hãy dừng xe, đổ thêm xăng Super Consol!

Điều lạ lùng, người tài xế dừng xe thật, anh nói:

- Năm chục lít Super - Và quay lại phía Jeremy anh khoe - Công ty của chúng tôi đấy - Ông Stoyte là giám đốc! - Anh chỉ tay sang tấm bảng bên kia đường:

Cho vay tiền mặt trong mười lăm phút. Hãy hỏi ý kiến Công ty Dịch vụ tài chính chúng tôi!

- những cái kia cũng là của chúng tôi đấy! - Anh tài xế hãnh diện nói.

Anh ta ngoái lại nhìn Jeremy và vẫy tay yề phía tấm bảng Beverly:

- Cả cái kia nữa, cũng là của chúng tôi đấy! - Anh ta có vẻ đắc thắng như con mèo đi hia liệt kê tài sản của Hầu tước De Carabas.

- Anh muốn nói cả cái Lăng Beverly?

Anh da đen gật đầu.

- Nghĩa trang đẹp nhất thế giới! - Và sau một lúc lặng im, anh ta nói - Ông có muốn xem qua một tí chăng? Ngay trên đường đi, chẳng phải rẽ đâu xa.

- Thú vị đấy! - Jeremy nói, bằng cái giọng lịch sự của tầng lớp thượng lưu Anh. Rồi lại nghĩ, có lẽ nên tỏ ra bình dân hơn. Ông e hèm, rồi dùng luôn cái danh từ mới học được, ông nói - Hết xẩy! - Phát âm bằng giọng đại học Ba Ngôi Cambridge. Câu ấy nghe mất tự nhiên đến mức làm ông đỏ mặt. May quá, anh tài xế bận tránh xe nên không để ý.

Chiếc xe chạy vòng quanh một đỉnh đồi trọc màu da cam và bỗng nhiên một hàng chữ khổng lồ xuất hiện giữa trời:

Lăng Beverly, nghĩa trang của các nhân vật xuất chúng.

Ở bên dưới, một phiên bản rất to của ngôi tháp nghiêng Pisa 1.

- Ông thấy chưa? Anh da đen xúc động nói - Tháp Phục sinh đấy! Hai trăm ngàn đô! Nó đấy! - Anh ta nói bằng một giọng trân trọng, dằn từng tiếng. Anh ta ấn vào đầu ông Ăng lê cái cảm giác như chính anh đã bỏ tiền túi ra xây cái tháp vậy.

Chú thích

(1)Tháp nghiêng Pisa - Thánh đường bảy tầng kiến trúc lộng lẫy cao 56 mét ở thành phố Pisa (Ý) xây dựng từ thế kỷ XI - bị lún nghiêng đến nay vẫn chưa đổ (ND).

Chương 2

Một giờ sau. Họ đã xem những gì cần xem. Những thảm cỏ nghiêng như những ốc đảo xanh trên vùng đồi trọc này. Những lùm cây, bia mộ trong cỏ. Nghĩa trang của những con vật thân yêu. Ngôi nhà Nguyện của Tu sĩ với ngôi mộ của Shakespeare thu nhỏ. Chầu nhạc lễ liên tục, giọng độc tấu thụ cầm của ban Wurlitzer Vĩnh cửu do hệ thống loa giấu kín trong nghĩa trang phát ra thường trực ở khắp mọi ngóc ngách.

Ngôi nhà Cô Dâu ở lối ra của Thánh đường. Người ta cử hành hôn lễ cũng như tang lễ của mình trong ngôi nhà thờ này.

- Ngôi nhà Cô Dâu, - Anh tài xế nói - vừa mới tân trang lại theo kiểu phòng ngủ của Hoàng hậu Marie Antoinette. Và cạnh ngôi nhà Cô Dâu, hành lang Tro Tàn tuyệt diệu bằng cẩm thạch đen đưa bạn tới lò thiêu. Ba kiểu lo thiêu hiện đại chạy bằng Mazut lúc nào cũng nổi lửa sẵn sàng phục vụ các bạn.

Đi tới đâu, hai người cũng được tiếng thụ cầm Wurlitzer Vĩnh cửu đưa theo bén gót. Họ đi xe tới ngọn tháp Phục sinh, họ đứng bên ngoài để ngắm vì ban quản trị Công ty nghĩa trang Viễn Tây đang làm việc trong đó. Họ đi ngang góc Trẻ thơ - khu nghĩa trang dành cho trẻ - đầy tượng Mục đồng với tượng Chúa Hài đồng, nhóm tượng trẻ con bằng cẩm thạch đùa với nhưng con thỏ vàng. Cái ao sen, và một cái máy đặt tên là Vòi nhạc cầu vồng phun nước cùng với những tia ánh sáng màu và những dòng nhạc không thể thiếu được của hãng Wurlitzer Vĩnh cửu. Rồi thì khu vườn Tĩnh Lặng, lăng Hoàng hậu Taj Mahan thu nhỏ, rồi mộ phần Hy Lạp cổ. Sau cùng, anh tài xế dừng lại bên cái lăng để giới thiệu. Coi như một bằng chứng hào hùng cho sự hiển hách của ông chủ.

Có thể nào chăng? - Jeremy tự hỏi - lại có thể có một cái vật như thế? Chắc không thể nào có được. Cái Lăng Bervely như không có thật, không thể nào ông tưởng tượng ra nổi. Nhưng bây giờ đây, khi nhớ lại nó, thì ông nghĩ rằng quả ông đã có trông thấy nó.

Ông nhắm mắt để khỏi bị ngoại cảnh quấy rầy và ông hình dung lại từng chi tiết cái thực tế khó tin là thực kia. Kiến trúc bên ngoài chép theo bức "Hòn đảo người chết" của Boecklin. Bản dập "Nụ hôn" của Rodin được những ngọn đèn giấu kín tô hồng. Những bậc thang mênh mông bằng cẩm thạch đen. Những dãy hành lang bất tận với những hàng mộ gắn bia. Bình thau, bình bạc đựng người chết hỏa táng, trông như loại cúp thể thao. Cửa kính màu tô hình thánh tích. Lời răn đạo tạc trên băng rôn cẩm thạch. Băng nhạc Wurlitzer Vĩnh cửu nghêu ngao. Điêu khắc ở khắp nơi.

Jeremy nghĩ đây là điều khó tin nhất. Điêu khắc cũng thường trực như nhạc Wurlitzer. Mắt nhìn bất cứ hướng nào cũng có tượng. Hàng trăm bức tượng mua sỉ ở một xí nghiệp cẩm thạch khổng lồ nào đó ở Carrare, ở Ý. Và chỉ có một loại tượng phụ nữ khỏa thân. Loại tượng người ta nghĩ có thể gặp trong phòng khách của một nhà chứa loại sang ở Rio de Janeiro.

Trên lối vào cửa mỗi hành lang, một khẩu hiệu bằng cẩm thạch có câu hỏi: "Hỡi thần chết, bây giờ đến lượt ai đây". Các bức tượng đã trấn an mọi người, lẳng lặng thôi, nhưng rất hùng hồn. Tượng phụ nữ trẻ, quần áo đơn giản bằng một sợi dây nịt. Tượng phụ nữ ngồi, phụ nữ làm điệu bộ thẹn thùng che đậy, phụ nữ vươn vai, vặn vẹo hoặc là nằm ngửa. Phụ nữ chơi chim, chơi với hổ báo, phụ nữ chơi với phụ nữ, mắt ngước lên trời để diễn tả sự thức tỉnh của linh hồn "Ta là Phục sinh của sự sống", khẩu hiệu viết: "Chúa trời là người chăn ta, cho nên ta chẳng thiếu thứ gì". Chẳng thiếu thứ gì, cả nhạc Wurlitzer, cả loại gái nịt thắt lưng rất chặt. "Cái chết tan vào trong chiến thắng" - Chiến thắng không phải của tinh thần mà là của thân xác, thân xác no nê, mãi mãi thanh tân,

dồi dào tình dục, Thiên đường của người Hồi có những cuộc giao phối kéo dài sáu thế kỷ. Trong cái thiên đường Cơ Đốc cải tiến này, nhờ khoa học tiếp tay, thời gian làm tình có thể kéo dài đến hàng chục thế kỷ, cộng thêm những cuộc đấu ten nít và khúc côn cầu. Ô to bắt đầu xuống dốc. Jeremy mở mắt, xe đã vượt qua đỉnh ngọn đồi, nơi thiết lập cái Lăng. Tới chân dốc, xe rẽ trái, lăng bánh trên con đường bê-tông, băng qua cánh đồng. Tài xế tăng tốc. Bảng quảng cáo trôi vùn vụt. Phòng tắm hơi. Ăn tối kèm khiêu vũ trong lâu đài Horolulu. Chữa bệnh tâm thần. Bánh mì thịt khổng lồ. Ngay từ bay giờ, bạn hãy mua ngôi nhà mơ ước.

Những đồn điền cam mênh mông, màu xanh thẫm xen vàng, diễu hành như những trung đoàn, rộng hàng cây số vuông, lấp lánh dưới ánh mặt trời.

- Tarzana - anh tài xế nói, vẻ quan trọng.

Đúng. Hàng chữ trắng xuất hiện bên đường "Viện đại học Tarzana".

- Ông Stoyte vừa cho xây một đại giảng đường ở đấy. - Anh tài xế nói.

Con đường bắt đầu lượng vòng, dường như nó hướng tới nơi hai dãy núi giao nhau. Bỗng nhiên ở khoảng trống giữa hai đồn điền cam, Jeremy trông thấy một khung cảnh lạ mát. Cách chân núi độ non cây số, có một ngọn đồi nhỏ lên trên cánh đồng, giống như một hòn đảo đối diện với ghềnh đá trên bờ biển. Trên ngọn đồi ấy, một tòa lâu đài vươn khỏi màn sương. Tòa lâu đài kỳ lạ, một thứ nhà chọc trời, nền dốc theo thế núi. Kiểu cách thái ấp, gôtic, trung cổ được lặp đi lặp lại nhiều lần. Trung cổ hơn bất cứ một tòa lâu đài nào của thế kỷ mười ba.

Jeremy bàng hoàng tới mức buộc miệng nói:

- Cái kia là cái gì vậy? - Tay chỉ lên cơn ác mộng dựng ở đỉnh

đồi.

- Cái kia? Đó là trụ sở của ông Stoyte! - Anh tài xế trả lời và lại mỉm cười, hết sức tự hào nói tiếp - Cũng là nhà riêng nữa.

Các đồn điền cam lại một lần nữa xuất hiện, che lấp quang cảnh. Jeremy dựa lưng vào đệm băn khoăn tự hỏi "Không biết mình lọt vào một chuyến đày ải nào đây?" Thù lao hậu hĩnh, công việc thú vị: phân tích hồ sơ gia phả của dòng họ Hauberk mà ông Stoyte vừa mua được ở Anh cho bộ sưu tập riêng.

Nhưng còn cái nghĩa trang rồi cái... cái vật kia, Jeremy lắc đầu. Giữa con người ấy với ông có một sự liên quan nào, một sự thông cảm nào về tình cảm, tư tưởng? Vì cớ gì ông ta lại mời mình. Chắc ông ta chẳng thèm thưởng thức sách của mình viết. Mà liệu ông ta đã có đọc bao giờ chưa? Ông ta hiểu gì về mình? - Jeremy nghĩ.

Tiếng còi xe cắt đứt dòng suy nghĩ của ông.

- Dân làm mướn. - Anh tài xế nói.

- Là thế nào?

- Dân làm mướn. Đám này ở miền Nam. Ở Kansas. Họ tới hái "rốn" ở chỗ chúng tôi.

- Hái rốn của các anh?

- Cam rốn, cam vỏ lúm ấy. Đang mùa. Năm nay cam rốn được mùa.

Lại ra khoảng trống. Và "cái vật" lại xuất hiện, đồ sộ hơn bao giờ hết.

Bên ngoài bức tường, có nhiều khu biệt thự. Mặt tiền ngôi nhà to nhất, mang dòng chữ mạ vàng: "Khu điều dưỡng Stoyte dành cho trẻ bệnh tật". Hai lá cờ treo hai bên. Một lá cờ sọc sao, lá kia

màu trắng với chữ S to màu đỏ, phấp phới trong gió. Anh tài xế hãm phanh, chiếc xe nhẹ nhàng dừng lại bên cạnh một người đàn ông đang rảo bước dọc theo lề cỏ.

- Mời ông lên xe, ông Propter! - Anh tài xế gọi.

Người kia quay lai, mỉm cười ra vẻ cảm ơn, rồi bước tới gần xe. Đấy là một ông già cao lớn, vai rộng nhưng hơi còng, tóc hung điểm bạc, một gương mặt tế nhị, thông minh, vừa kiên nghị vừa bình thản, hiền hòa.

- A! Georges đấy ư? - Ông ta nói - Anh đáng yêu lắm!

- Tôi rất thích ông. Ông Propter! - Anh da đen nói, rồi anh quay lại, mặt mày tươi rói, trịnh trọng vẫy tay về phía Jeremy nói - Xin được giới thiệu, ông Prodage từ bên Anh mới qua. Ông Pordage, đây là ông Propter.

Hai người siết tay nhau và ông Propter lên xe.

- Ông tới thăm ông Stoyte? - Ông ta hỏi khi anh anh tài xế cho xe chạy.

Jeremy lắc đầu. Không, ông tới làm việc. Ông tới để nghiên cứu những tập tài liệu viết tay, nói chính xác là những tập hồ sơ của dòng họ Hauberk.

Ông Propter chăm chú nghe, thỉnh thoảng lại nghiêng đầu.

Jeremy nhìn ông, dò xét:

- Ông có phải là ông William Propter không? Có phải ông đã viết quyển "Khái luận về chống cải cách"?

Ông ta gật đầu.

Jeremy sung sướng nhìn ông:

- Thật vậy sao? - "Khái luận" là một trong những quyển sách Jeremy yêu thích, một công trình mẫu mực.

Xe tiếp tục lăn bánh và Cái Vật 1 kia lại xuất hiện. Ông Propter chỉ tay nói:

- Tội nghiệp Jo Stoyte! Ông nghĩ xem, với cái quả tạ ấy buộc ở gót chân? Chưa nói tới nhiều quả tạ khác lê theo hắn. Bọn ta may mắn thật, chẳng có gì để thi thố, ngoài cái mác học giả. - Im lặng một lát rồi ông la lại nói - Tội nghiệp Jo, hắn hơi phách lối. Bởi người đời coi ông cao hơn hắn, nên hắn sẽ ra vẻ với ông. Ông ta nhìn Jeremy vừa có vẻ cảm tình vừa có vẻ giễu cợt - Chưa hết, ông thuộc loại người để cho người ta hành hạ. Tướng ông là tướng nạn nhân, dù ông có là học giả, là tôn ông đi nữa! Dễ dàng bị thiên hạ giết thịt.

Vừa bực vì sự suồng sã của ông kia, vừa cảm động vì giọng cởi mở, Jeremy lo lắng mỉm cười, ông Propler lại nói:

- Trong quan hệ với Jo Stoyte, ông nên nhớ rằng hắn luôn có mặc cảm cho nên hắn luôn tấn công trước. - Ông lại trỏ Cái Vật - Tôi và hắn đi học với nhau từ thời trẻ. Thời ấy chúng tôi gọi hắn là thằng "bụng mỡ", là "thùng nước lèo", vì cả trường chỉ có một mình hắn là to bụng. Nhiều khi tôi cứ tự hỏi tại làm sao người đời hay thành kiến với những thằng mập. Ví dụ trong số các thánh, chẳng có thánh nào mập cả, trừ Thomas d'Aquin 2. Chẳng có gì phải ngờ, cụ ấy thánh thật đấy, - hiểu theo nghĩa bình dân - nghĩa đúng nhất. Nhưng vì Vincent de Paul 3 là thánh, cho nên Thomas d'Aquin không được coi là thánh. Có lẽ do cái bụng phệ của cụ. Nhưng thôi, ta đang nói đến Jo Stoyte. Hắn mập, tôi đã nói, cho nên ở trường lúc đó, hắn đích thực là nạn nhân của chúng tôi. Chúng tôi trừng phạt cái tội mập và hắn đã chống đỡ một cách thảm hại. Tội nghiệp! Luật bù trừ đấy... Nhưng thôi, tới nhà rồi.

Chiếc xe dừng lại trước ngôi biệt thự màu trắng giữa một lùm trắc bá rậm rạp. Ông bắt tay Jeremy và nói:

- Thôi, để khi khác. Nhưng mỗi khi hắn lên mặt, hắn quá đáng quá, thì ông hãy nhớ cái ngày ở trường của hắn, và ông nên thương hại hắn, đừng chấp.

Chiếc xe lại lăn bánh. Cuộc gặp gỡ với tác giả "Khải luận" làm cho Jeremy vừa yên tâm lại vừa hồi hộp. Cái Vật đã ở gần bên. Ông chợt nhận ra quanh khu đồi có một hào nước sâu. Cách hào nước vài trăm mét, ô-tô vượt qua hai hàng rào sư tử đá. Có lẽ trong mắt chúng có đặt tế bào quang học, nên khi xe vừa qua khỏi, thì chiếc tàu treo phía bên kia hào từ từ hạ xuống. Xe vượt qua cầu, dừng trước một cổng chắn ghép kiểu răng bừa, cái bừa mạ kềnh từ từ giở lên, hai cánh cửa bằng thép inốc lập tức mở rộng. Ô-tô chạy thẳng vào, bắt đầu leo dốc.

Cánh cửa ở bức tường thứ hai cũng tự động mở ra lập tức khi chiếc xe tiến tới gần. Giữa bức tường và vách núi có một chiếc cầu bê tông rộng. Bên dưới cầu trong bóng râm, Jeremy nhận ra một hình thù quen thuộc. Lát sau ông mới nhớ: Đấy là phiên bản của động Laurdes 4.

Anh tài xế trỏ ngón tay về phía cái động nói:

- Cô Maunciple là ai vậy?

- Thì... một cô gái trẻ, có thể coi như là bạn của ông chủ đi. - Và anh lảng sang chuyện khác.

Chiếc xe tiếp tục leo dốc. Sườn đồi trồng toàn xương rồng. Con đường vòng về phía Bắc, xương rồng bắt đầu nhường chỗ cho cỏ non và cây cảnh. Giữa sân cỏ là một bệ đá hết sức lịch sự như được rút ra từ tờ "Thời trang", số đặc biệt dành cho các Thánh nữ. Trên bệ, một tượng thần bằng đồng của nhà điêu khắc Ý Bologne tạc một cô gái có bộ ngực trần nhẵn bóng, đôi vú phun ra hai tia nước. Xa hơn một chút là chuồng khỉ đông đúc đang chí chóe.

Xe tiếp tục lên cao, lại rẽ quanh và lần này đỗ hẳn trên một tấm

sàn bê-tông hình tròn. Anh da đen lại một lần nữa ngả mũ, cúi đầu chào khách và khuân hành lý ra khỏi xe. Jeremy tới cạnh lan can nhìn xuống. Sườn đồi gần như lao thẳng xuống vực ở chiều sâu ba mươi mét, ngoài kia là bức rào, hào nước, rồi khu đồn điền cam.

- Im dunklen. Lanh die gold nen Orengen Ginhen 5 - Jeremy khẽ ngâm và ông nghĩ đến một câu thơ tương tự của thi sĩ Marvell: "Người treo lên cành lá những quả cam vàng rực như ngọn đèn vàng trong bóng đêm xanh". Ông thấy nhà thơ Anh diễn đạt chính xác hơn Goethe.

Cam đã được ghi nhận, được đánh giá rồi, còn tòa lâu đài?

Ông quay lại, tựa lưng vào lan can, nhìn trời. Cái Vật ngự tít trên cao, đồ sộ, đe dọa. Chắc chưa có ai làm thơ về nó.

Một tiếng gầm kéo dài. Hai cánh cửa sắt của tòa lâu đài quay trên bản lề như một cơn bão giật, mở tung ra. Một người đàn ông cục mịch, mặt đỏ bừng dưới làn tóc trắng như tuyết vọt ra khỏi cửa, nhảy bổ về phía Jeremy. Gương mặt ông ta lạnh lẽo như một cái mặt nạ câng câng nhìn khách.

Chưa hề sống ở xứ sở tự do. Jeremy lập tức mỉm miệng cười trong khi người kia (ông đoán chắc là ông chủ) đang sấn đến chỗ ông. Đối chiếu với gương mặt sa sầm bất động kia, ông cảm thấy nụ cười trên môi mình không đúng chỗ, bộ mặt ông hẳn là bộ mặt thằng ngớ ngẩn. Hết sức bối rối, ông tìm cách điều chỉnh lại bộ mặt.

- Ông Pordage? - Người kia hỏi bằng một giọng ông ổng - Hân hạnh được biết ông. Tôi là Stoyte.

Hai người bắt tay nhau. Người kia vẫn nhìn ông trân trân, không buồn nhếch mép. Mãi một lúc ông ta mới nói:

- Tôi không nghĩ là ông già như vậy.

Lần thứ hai trong buổi sáng hôm ấy, Jeremy lại dang hai tay như một con bù nhìn đang xin lỗi. Ông xin lỗi thật. Ông nói:

- Như là cây trước gió, thưa ông, người ta tiến tới tuổi già. Người ta...

Stoyte cắt ngang:

- Ông bao nhiêu tuổi, hả? - Giọng xẳng xớm, như giọng cảnh sát hỏi thằng ăn trộm vừa bị tóm.

- Năm mươi bốn tuổi.

- Năm mươi bổn tuổi, không hơn? - Ông Stoyte lắc đầu - Năm mươi bốn tuổi lẽ ra phải cường tráng hơn nhiều. Cuộc sống tình dục của ông ra sao?

Jeremy tìm cách che đậy sự bối rối của mình, bèn cười trừ, vỗ lên vầng trán hỏi:

- Mon beau printemps et mon été ont fait le saut par la fenetre 6 - Ông nói bằng tiếng Pháp.

- Cái gì vậy? - Ông Stoyte cau mày - Đừng nói tiếng ngoại quốc với tôi. Tôi chẳng bao giờ học cái đó. - Ông ta bỗng cười ầm lên, tiếng cười như ngựa hí - Tôi cầm đầu một công ty xăng dầu ở đây. Tôi có hai ngàn trạm cấp xăng, riêng ở California này. Và không có một người nào trong bất cứ trạm xăng nào của tôi lại không tốt nghiệp đại học! - Ông ta lại hí lên một hồi cười đắc thắng - Ông hãy đi tìm họ để nói tiếng Tây!

Ông lặng im một lúc, liên tưởng chuyện gì đó rồi nói:

- Người đại diện của tôi ở Luân Đôn, thằng cha chuyên moi đồ cổ cho tôi ở bên ấy, mà cũng là người giới thiệu ông cho tôi, hắn nói ông là nhân vật cần thiết cho những cái... gọi nó là cái gì nhỉ? Những hồ sơ mà tôi đã mua kỳ hè vừa rồi. Roenuck? Hobuck?

- Hauberk - Jeremy nói - ông buồn rầu nhưng cảm thấy hài lòng: Đúng ông nghĩ không sai về con người này. Ông ta chưa hề đọc sách của ông, cũng chẳng biết có ông. Tóm lại có lẽ nên nhớ rằng ngày còn trẻ người ta gọi ông ta là "thùng nước lèo".

- Hauberk - Ông Stoyte nhắc lại vẻ khinh khỉnh - Người ta nói ông chính là người tôi đang cần. - Và ông ta lại hỏi luôn - Lúc nãy ông nói gì về vấn đề tình dục của ông, khi ông nói bằng tiếng Tây?

Jeremy có một nụ cười bối rối:

- Tôi có ý là nói cũng bình thường thôi, ở tuổi của tôi.

- Ông biết gì chuyện đó, bình thường ở tuổi của ông? Hãy nhờ bác sĩ Obispo bảo cho. Không tốn tiền. Bác sĩ Obispo là người làm của tôi. - Và chuyển ngay sang chuyện khác - Ông có muốn viếng cái lâu đài này không? Tôi cho người hướng dẫn.

- Ồ, ông chu đáo quá. - Jeremy nói. Và để tỏ ra đôi chút lễ độ, ông thêm - Tôi vừa mới thăm cái nghĩa địa của ông.

- Thăm nghĩa địa của tôi? - Ông Stoyte nhắc lại, vẻ nghi hoặc; vẻ nghi ngờ trở thành giận dữ. Ông Stoyte hét lên.

- Ông nói cái chó gì vậy?

Jeremy hốt hoảng nói rằng ông có tới thăm Lăng Beverly, rằng theo chỗ ông biết thì ông Stoyte đã bỏ vốn ra cho công ty nghĩa trang...

- À, được - Ông kia đã dịu giọng, trán vẫn còn nhíu lại - Tôi lại nghĩ là ông nói...

Ông Stoyte dừng lại giữa câu, để mặc cho Jeremy đoán xem ông nghĩ cái gì.

- Nào, mời ông. - Ông ta bỗng nói như sủa vào tai người ta và

nhào vào phía cửa lâu đài.

Chú thích

(1)Chỉ tòa lâu đài của Stoyte.

(2)Thánh Thomas d'Aquin (1225-1274.) tu sĩ Ý, lý thuyết gia lớn của Thiên Chúa giáo xuất thân quý tộc, sinh hoạt và tác phong trí thức.

(3)Thánh Vincent de Paul (1581-1660), tu sĩ Pháp xuất thân nông dân, sống khổ hạnh, giản đơn với người nghèo khổ.

(4)Động đá ở miền Nam nước Pháp, nơi một bé gái mười ba tuổi nhìn thấy Đức Mẹ hiện ra năm 1858. Sau đó trở thành địa điểm hành hương du lịch...

(5)Giữa vòm lá sẫm ngời lên những quả cam vàng (Goethe)

(6)Mùa xuân đẹp và mùa hạ của tôi đã nhảy qua cửa sổ, đi rồi.

Chương 3

Trong căn phòng số mười sáu của khu điều dưỡng, Stoyte dành cho trẻ bệnh tật, ánh sáng lọt qua rèm, êm dịu. Không khí yên tĩnh.

Có tiếng động ở bên ngoài. Cánh cửa phòng bật toang ra như trong cơn bão nổi, rồi có ai đó nhảy xổ vào. Cô y tá rùng mình ngẩng lên. Câu chuyện "Cái giá của một lần rùng mình" đang đọc dở cộng thêm cái rùng mình thật sự này làm có nghẹn thở. Cô nổi giận:

- Cái gì thế này? - Cô nhận ra kẻ vi phạm, gương mặt cô dịu lại ngay - Ồ! Ông Stoyte!

Nghe tiếng động, bọn trẻ ngừng nói chuyện, quay ra.

- Bác Jo! - Chúng liên tiếp kêu lên - Bác Jo!

Những đứa kia chợt tỉnh giấc cũng kên lên:

- Bác Jo! Bác Jo!

Cuộc tiếp đón nồng nhiệt làm ông Stoyte cảm động, gương mặt sa sầm ban nãy liền trở nên tươi tỉnh. Ông nở một nụ cười, làm ra vẻ phản đối, đưa hai tay bịt tai lại.

- Các con làm ta điếc tai mất! - Ông kêu lên đoạn nói với cô y tá - Những đứa bé tội nghiệp! Chúng làm tôi cảm động muốn khóc lên được! - Giọng ông nghèn nghẹn... - Chúng ốm đau như vậy... - Ông lắc đầu, bỏ dở câu nói, đoạn ông đổi giọng - Mà này - Stoyte vẫy bàn tay to bè về phía Jeremy Pordage đang theo ông bước vào phòng, vẻ mặt vẫn còn bối rối - Xin giới thiệu với các cô, ông...

ông... con khỉ! Tôi quên mất tên ông rồi!

- Pordage! - Jeremy nói và buộc lòng ông phải nghĩ thầm: thằng cha này ngày xưa có tên là "thùng nước lèo".

- Pordage, đúng rồi. Các cô cứ hỏi kỹ ông ta về sử, về văn học. - Giọng ông chủ vẫn đùa cợt - Ông Pordage thông thạo mọi thứ đó.

Jeremy cải chính là ông chỉ thạo văn học Anh thế kỷ 18. Stoyte nói át đi, quay trở lại với mấy đứa trẻ:

- Nào, đoán xem bác Jo đem cái gì đến cho các cháu đây?

- Kẹo, kẹo cao su, bóng bay, đường... - Lũ trẻ đoán.

Ông Stoyte tiếp tục lắc đầu. Cho đen lúc lũ trẻ cạn nguồn tưởng tượng, ông mới thò vào túi áo móc ra một cái còi, một cái kèn harmonica, một cái mõ bằng gỗ, một cái kèn bằng đồng và khẩu súng lục. Khẩu súng ông cất vội vào túi và ông chia đồ chơi cho lũ trẻ.

- Nào, bắt đầu đi. Một, hai, ba! - Hai tay bắt nhịp, ông cất giọng hát bài dân ca "Trên sống Swanee".

Gương mặt bối rối của Jeremy biến thành hoảng sợ.

Một ngày kỳ lạ; Buổi sáng tới ga; Anh tài xế da đen; Những khu ngoại ô bất tận; Lăng Beverly; Cái vật giữa vườn cam; Cuộc gặp gỡ William Propter và cái thằng cha Stoyte này quả thật là khủng khiếp. Rồi bên trong tòa lâu đài, bức Rubens 1 và bức Greco to ở phòng khách, bức Vermeer trong thang máy, tranh khắc của Rembrandt trên tường hành lang, bức Winterhalter trong phòng hầu bàn..

Rồi căn buồng kiểu Louis XV của cô Maunciple với tranh của Watteau, rồi hai bức Lancret rồi cái máy kem ẩn sau cánh cửa kiểu rococo và bản thân cô Maunciple nữa. Cô mặc bộ kimônô màu da

cam, ngồi uống kem xôđa ở quầy giải khát riêng của cô. Ông được tất cả giới thiệu, và ông từ chối ly kem. Như bị lôi kéo theo cơn lóc, trong dịp tham quan lâu đài phòng Thương Nghị bích họa của Sert. Thư viện với tủ sách do Grinling chạm trổ, nhưng các ngăn còn trống vì ông Stoyte chưa quyết định mua sách.

Ông Stoyte lẳng lặng bước qua tiền sảnh, Jeremy vẫn lẽo đẽo theo sau. Trong gian phòng La Mã tiếng chân bước vọng lên tận mái vòm, cao ba mươi mét; gian phòng xứng với tầm cỡ Vương cung thánh đường Durham. Dọc tường, bộ sưu tập giáp trận đứng Xếp hàng, lặng lẽ như những bóng ma bằng thép.

Ông Stoyte chẳng mảy may chú ý tới kho báu của mình, rảo bước băng qua phòng đọc của Hội khoa học Cơ Đốc dành để tưởng niệm hương hồn Stoyte phu nhân. Ông thầm rủa bà vợ quá cố bỗng gợi ông nghĩ tới cái chết.

Thang máy ẩn trong một hốc tối ở bức tường trong. Ông Stoyte đưa tay mở cửa. Đèn bật sáng, rọi lên bức tranh một phụ nữ Hà Lan mặc áo xa tanh xanh ngồi trước chiếc thụ cầm 2. Jeremy nghĩ: Ngồi giữa trung tâm một phương trình, giữa một thế giới mà cái đẹp với cái duy lý, hội họa với hình học giải tích chỉ là một. Ngồi làm gì nhỉ? Để diễn đạt bằng biểu tượng những chân lý nào về bản chất cuộc đời? Đấy là vấn đề. Về nghệ thuật mà nói, vấn đề luôn ở chỗ ấy.

Hầm rượu, nơi tàng trữ tư liệu Hauberk. Rồi hầm ngầm, nơi đặt máy phát điện, máy điều hòa nhiệt độ. Rồi nhà bếp, nơi ông bếp trưởng người Tàu khoe với ông Stoyte đám rùa mới đem từ Caraip về. Tầng 15 nơi Jeremy được giao một căn hộ và thế là đã tới giờ hẹn thăm viện điều dưỡng.

Trong căn phòng số 16, nhiều y tá, nhân viên đã tụ tập thêm để xem ông Stoyte điều khiển dàn nhạc trẻ.

- Trong ông thật giống một em bé khổng lồ đang đùa giỡn.

Một cô nói vui, không giấu vẻ âu yếm. Một cô khác có xu hướng văn chương hơn, bèn hỏi Jeremy có phải cảnh này giống một đoạn nào đó của Dickens không? Jeremy mỉm cười gật đầu không đám cãi.

Cô thứ ba, thực tế hơn thì nói cô tiếc không có cái máy Kodak trong tay để chụp "tại trận" ngài Giám đốc Công ty Xăng dầu Consol, Giám đốc Công ty Bất động sản và hầm mỏ California, Giám đốc Ngân hàng Thái Bình Dương, Giám đốc Công ty Nghĩa trang Viễn Tây...- Cô xướng danh ông chủ một cách nhiệt thành như một nhân vật triều đình xướng danh một đại quý tộc Tây Ban Nha.

Gương mặt đầy bướu của ông Stoyte vẫn còn nở nang phúc hậu như vậy khi ông rời căn phòng số 16.

Những bậc thang rộng đưa chân ông từ bậc thềm xuống sân. Bên chiếc Cadillac màu xanh của ông đỗ ở đấy, có một chiếc xe lạ. Gương mặt ông Stoyte tối sầm lại khi ông trông thấy nó. Bọn phục kích, bọn tống tiền, biết đầu đấy! Ông cho tay vào túi áo:

- Ai ở trong đó? - Ông rống lên, giọng giận dữ đến mức Jeremy tưởng ông đã quá rồ.

Một giương mặt to tròn, bự như mặt trăng mới mọc thò ra cửa xe. Một nụ cười nở rộng với điểm trung tâm là một điếu xì gà đang nhai dở.

- À, anh đấy ư, Clancy? - Ông Stoyte nói - Tại sao không cho tôi biết là anh đang ở đây?

Gương mặt ông đỏ bừng lên. Ông cau mày, thở thịt bên má ông giật giật, ông quát người tài xế của ông:

- Tôi không muốn có xe lạ đậu gần xe tôi, hiểu chưa! Nghe rõ chưa?

Rồi bỗng nhớ tới lời bác sĩ Obispo một hôm nói với ông, khi ông nổi cơn thịnh nộ: "Ông Stoyte, ông muốn chết sớm hay sao? Ông lại muốn bị một cơn xung huyết nữa sao? Một cơn nữa thôi, bảo đảm ông sẽ đi đời, không như lần trước đâu...". Giọng ông bác sĩ giễu cợt trong lễ độ.

Ông cố sức nuốt giận "Chúa là tình thương" ông tự nhủ. Phu nhân Prudence Mac Gladdry Stoyte là tín đồ thành kính của khoa học Cơ Đốc giáo "Chúa là tình thương" ông nói thêm một lần nữa. Nhưng nếu bọn kia đừng ngu ngốc quá như vậy thì ông đâu có nổi nóng. "Chúa là tình thương". Lỗi ở bọn họ.

Clancy đã bước ra khỏi xe, bụng to như cái thùng tô nô, cặp giò cà kheo bước lên bậc thang, miệng mỉm cười, mat nháy nháy.

- Chuyện gì thế? - Ông Stoyle hỏi, nghĩ bụng thằng cha kia lẽ ra không nên nhăn nhở như vậy - À, xin giới thiệu với anh... ông... ông...

- Pordage! - Jeremy nói.

Clancy nói rất vui thích được làm quen với ông. Bàn tay ông ta chìa ra cho Jeremy nhơm nhớp mồ hôi.

- Tôi có một tin vui dành cho ông. - Clancy hạ giọng, thì thào kiểu mưu sĩ, tay che miệng, dành riêng cho ông Stoyte hưởng mùi xì gà và cái tin vui - Ông còn nhớ Tittelbaum? - Trịnh trọng như diễn viên trên sân khấu tỉnh lẻ, ông cầm tay, dìu ông Stoyte bước ra xa mấy bước.

- Thằng cha ở sở công trình công cộng?

Clancy gật đầu:

- Một chỗ nhờ cậy đấy! - Và ông ta lại nháy mắt.

- Rồi sao? - Ông Stoyte hỏi, và tuy Chúa là tình thương thật đấy,

nhưng giọng ông đã thấy bực bội.

Clancy liếc nhìn Jeremy và nói khẽ:

- Ông có biết Tittelbaum nói gì với tôi hôm nay không?

- Làm sao tôi biết được hắn nói cái gì với anh, lạy Chúa!

(Khoan! Chúa là tình thương! Khoan nổi nóng!).

Clancy vẫn tiếp tục điệu bộ:

- Hắn cho tôi biết Hội đồng thị trưởng đã có quyết định về vấn đề... - Ông ta lại hạ giọng - về vấn đề thung lũng San Felipe.

- Vậy họ quyết định cái gì hở trời! - Một lần nữa ông Stoyte thấy hết chịu nổi.

Trước khi trả lời, Clancy rút mẩu xì gà đang nhấm trong miệng ra vứt xuống đất, rút từ trong túi áo gi-lê ra điếu xì gà khác, bốc vỏ giấy kiếng, đặt vào đúng chỗ điếu xì gà ngậm ở đấy, chưa chịu châm lửa.

- Họ đã quyết định - Ông ta nói chậm rãi, nhấn mạnh sự quan trọng của từng chữ - Họ đã quyết định dẫn nước tưới đến đó.

Cơn bực bội tan biến ngay lập tức, trên mặt ông Stoyte; thay vào đó là một sự chăm chú cực độ.

- Đủ nước tưới cho toàn bộ thung lũng? - Ông hỏi.

- Đủ nước tưới cho toàn bộ thung lũng. - Ông Clancy long trọng lặp lại.

Ông Stoyte im lặng một lúc rồi ông hỏi:

- Liệu chừng còn bao nhiêu thời gian?

- Tittelbaum cho rằng tin này không lộ ra trước sáu tuần.

- Sáu tuần? - Ông Stoyte do dự một phút và ông cả quyết - Đồng ý. Anh khởi động liền đi! Đem theo một số người. Mua riêng cho cá nhân, để chăn nuôi... Hiểu chứ? Mua hết. À mà giá cả thế nào?

- Trung bình mười hai đô-la một acre 3.

- Mười hai. - Ông Stoyte nghĩ bụng, giá sẽ tăng đến một trăm đô-la ngay khi thi công đường dẫn nước - Anh nghĩ là sẽ mua được độ bao nhiêu acre?

- Khoảng ba chục ngàn.

Gương mặt ông Stoyte tươi rói:

- Được. Hay lắm! Nhưng phải giấu tên tôi nhé! - Và đi thẳng vào vấn đề - Ta phải cho Tittelbaum bao nhiêu?

Clancy cười một cách khinh bỉ:

- Tôi sẽ thí cho hắn bốn hoặc năm trăm đô-la!

- Vậy là đủ sao?

Người kia gật đầu.

- Tittelbaum đang kẹt. Hắn không dám đòi hơn, chỉ cần từng ấy.

- Để làm gì? Cờ bạc hay gái?

Clancy lắc đầu:

- Để trả tiền thuốc. Con hắn bị bại liệt.

- Bại liệt? - Ông Stoyte hỏi, giọng thương xót thành thực, ông nói - Bảo hắn đưa thằng bé tới đấy. - Ông dang tay chỉ khu điều dưỡng - Cơ sở tốt nhất toàn bang đấy. Miễn phí cho hắn.

- Ông tốt quá! - Clancy nói.

- Ồ, không có gì! - Ông Stoyte bước vào ô-tô - Tôi rất vui lòng làm chuyện đó. Hãy nhớ kinh thánh nói những gì về trẻ em. Đến với lũ trẻ thấy như là nó ấm cái thùng này. - Ông nói và gõ gõ vào lồng ngực vồng lên như cái thùng tô nô. - Bảo Tittelbaum viết riêng cho tôi một cái đơn. Tôi cho thằng bé vào ngay.

Ổng trèo lên xe, đóng cửa lại, nhưng chợt trông thấy Jeremy, ông lại mở cửa ra, không nói gì. Jeremy cám ơn, chui vào xe và ông Stoyte đóng cửa lại. Ông nói với Clancy:

- Mai nhé! Bắt tay ngay vào vụ San Felipe. Nhanh lên! Tôi sẽ nhường anh mười phần trăm trên số diện tích vượt hai chục ngàn acre.

Ông ra lệnh tài xế cho xe chạy về phía lâu đài "Chúa là tình thương" ông nghĩ tới lũ trẻ, nghĩ tới khoản lãi vài triệu đô-la trong vụ. San Felipe "Chúa là tình thương" ông thì thào để cho người bạn đường nghe được "Chúa là tình thương". Jeremy thấy ngột ngạt hơn bao giờ hết.

Cây cầu treo hạ xuống khi chiếc Cadillac màu xanh tiến tới gần. Chiếc bừa mạ kền giở lên, hai cánh cổng thép inốc dạt sang hai bên, mở lối. Trên sân tennit, bảy đứa con của ông đầu bếp Tàu đang chơi patin. Ở bên dưới cái động thiêng có một tốp thợ nề đang làm việc. Trông thấy họ, ông Stoyte bảo tài xế dừng xe.

- Họ đang lập mộ cho mấy người nữ tu. - Ông nói với Jeremy khi hai người xuống xe.

- Mấy người nữ tu? - Jeremy ngạc nhiên hỏi.

Ông Stoyte gật đầu và cắt nghĩa là đám nhân viên của ông ở Tây Ban Nha có mua một bức phù điêu và cửa rèm cuốn của một tu viện cổ ở đấy. Tu viện bị bọn phiến loạn Franco phá hồi đầu cuộc

nội chiến.

- Họ biếu luôn xác mấy người nữ tu chôn trong tu viện. Xác ướp tự nhiên hay phơi khô, không biết nữa. Thật là một dịp may vì tôi cũng đã có cái để chôn họ. - Ông nói và đưa tay chỉ cái nhà mồ mà nhóm thợ nề đang gắn vào trong động.

Đấy là một chiếc quan tài La Mã to, nắp cẩm thạch chạm hình một vị thân vương và một phu nhân quỳ gối cổ đeo tràng hạt. Sau lưng họ là chín cô gái quỳ thành ba hàng dọc, tuổi từ thơ ấu đến trưởng thành, một công trình nghệ thuật thế kỷ 13.

- Tôi mua được cái này ở Anh, hai năm trước. - Ông Stoyte nói và hỏi đám thợ - Cái này bao giờ xong?

Họ trả lời:

- Ngay chiều nay!

- Vậy thì ta phải đưa các bà ra khỏi phòng lạnh. - Ông Stoyte nói.

Ô tô lại lăn bánh. Một con chim su vỗ cánh, im lặng treo mình trong không trung, hứng tia nước vọt ra từ núm vú bên trái của Nữ thần. Lũ khỉ đánh nhau chí chóe giành ăn, giành con cái. Ông Stoyte nhắm mắt lại, lẩm bẩm "Chúa là tình thương" ông cố kéo dài tâm trạng hân hoan do lũ trẻ đem lại và do tin vui Clancy đưa tới.

"Chúa là tình thương, không có sự chết". Ông chờ hơi nóng ấm dâng lên lồng ngực giống như hớp uytki uống kèm sau lời nguyện. Nhưng dường như bọn quỷ dữ hôm nay muốn khuấy phá ông. Thay vì nghĩ tới Chúa, ông lại nghĩ tới mấy bà nữ tu, những cái xác ướp nhăn nheo của họ, nghĩ tới chính cái của ông trong ngày phán xét.

Phu nhân Stoyte xưa là tín đồ Thiên Chúa ngoan đạo nhưng ông

thì lại theo tôn giáo Tin Lành Êcốt. Ngày bé, trên cái giường trẻ của ông trong túp lều ở Nashville, có câu châm ngôn ghê gớm này dán bằng giấy trang kim trên nền đen: "Điều kinh khủng nhất trong đời là rơi vào tay một vị Chúa hãy còn sống"...

"Chúa là tình thương và không có sự chết!" Ông Stoyte thều thào. Nhưng ông lại nghĩ, đối với những kẻ tội đồ như ông thì chỉ có dòi bọ đục thây là vĩnh viễn không chết.

"Nếu ông thấy kinh hãi khi nghĩ về cái chết thì chắc chắn ông sẽ mau chết. Bác sĩ Obispo có lần đã nói với ông. Cái sợ là chất độc và là loại chất độc không chậm lắm đâu, tiếc thay!"

Vùng lên trong một cố gắng quyết liệt, ông Stoyte bắt đầu huýt sáo. Ông huýt sáo bài:

- Tôi nằm trong đống rơm.

Trong ánh trăng.

Trong vòng tay cô bé...

Nhưng gương mặt mà Jeremy Pordage nhìn thấy là gương mặt của một con người nằm trong xà lim án chém.

Chú thích

(1)Tên người trong chương này là tên các danh họa Âu châu từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18.

(2)Đây là bức "Cô gái làng chơi" của Van Dermeer (tức Vermeer).

(3)1 acre bằng 0,4 hecta.

Chương 4

Nhìn từ bể bơi trên tháp cao này, phong cảnh quanh vùng tuyệt đẹp. Anh hãy thả mình trong làn nước trong veo, chỉ cần ngẩng đầu lên nhìn qua khu tường chắn là đủ thấy đồi núi, đồng bằng trong mọi sắc độ xanh, nâu, tím biếc. Thả nổi, nhìn, suy ngẫm - và nếu anh là Jeremy Pordage - anh sẽ nghĩ đến ngọn tháp huyền bí có nhiều phòng kín mà nhà thơ nhắc trong khúc Epipsy:

Nhìn ra khung trời phương Đông.

Ngang tầm gió mát trăng trong...

Còn về phần cô, thì Virginia Maunciple không hề nghĩ ngợi gì. Cô không nhìn ngắm, nghĩ ngợi gì cả, cô ực thêm một ngụm rượu gừng, trèo lên cầu nhảy phía trên cao. Cô dang tay nhảy, chúi mình xuống nước, đoạn cô trồi lên, bất ngờ túm lấy thắt lưng Jeremy dìm xuống nước. Jeremy trồi lên, nước sặc ra đằng mồm đằng mũi, thở hổn hển. Cô gái cười tỉnh bơ:

- Để cho ông cựa quậy tí chút, không thì ông cứ nằm im như bụt.

Và cô nghĩ: "Ô, cái lũ ngợm bác Jo khuân từ đầu về! Một ông Ăng lê đeo kính, đến để nghiên cứu các bộ giáp sắt; một ông ngọng để chăm sóc tranh tượng; một ông khác chỉ nói tiếng Đức để dòm ngó đám đồ cổ và lại đến ông Ăng lê ngớ ngẩn này, mặt thuỗn như mặt thỏ, giọng nói như một điệu nhạc không lời thổi bằng kèn xắc xô".

Jeremy Pordage chớp chớp cho đỡ cay mắt và vì ông bị viễn thị mà lại không có kính, ông trố mắt nhìn cô gái tơ đang cười ở sát

mặt ông, ngắm thân hình cô đang uốn éo chênh vênh trong làn nước. Ông nguôi cơn giận và ông cười với cô.

Cô Mauncipple vươn tay vỗ vỗ vào mảng hói trên đỉnh đầu Jeremy, cô nói:

- Này ông bạn, chỗ này bóng ghê quá! Bóng như một quả bóng bida. À! Tôi sẽ gọi bạn là Ngà voi nhé! Ngà voi. Tạm biệt, Ngà voi! - Cô quay lại, bơi tới cái thang, rời khỏi mặt nước. Cô lại gần bàn, uống nốt chỗ rượu, rồi cô tới ngồi lên mép đi-văng - Ông Stoyte đeo kính đen mặt quần đùi, đang nằm trên đó tắm nắng. Cô nói bằng giọng bông lơn âu yếm:

- Thế nào, bác Jo! Bác cảm thấy con tim thanh thản chứ?

- Tôi thấy sung sướng "Bé em ạ!".

Mà thật vậy. Mặt trời đã xua tan những suy nghĩ đen tối trong ông, giờ thì ông đang sống trong hiện tại, hiện tại ngọt ngào lúc ông tới thăm lũ trẻ ốm đau, lúc Tittelbaum mách cho món lợi hàng triệu đô-la, lúc trời thì xanh, nắng thì ấm, lúc mở mắt ra, người ta thấy bé Virginia cười, làm như bé thật tình yêu bác Jo vậy! Không, không chỉ yêu như cha chú, bởi nghĩ cho cùng thì tuổi tác là cái gì? Là do ta tự cảm thấy, tuổi tác hay không, là do hành động của ta. Riêng đối với "Bé em", ta có cảm thấy là ta trẻ khôngng nào? Ta có hành động trẻ không nào? Có đấy! Mà còn khá xuất sắc nữa kia!

Ông Stoyte mỉm cười với mình, nụ cười thỏa mãn của kẻ chiến thắng.

- Thế nào, Bé em? - Ông nói to, đặt bàn tay phốp pháp lên đầu gối cô gái.

Cô Mauncipple lim dim nhìn ông, cái nhìn bí mật lả lơi, đồng lõa. Cô khẽ bật cười, vươn vai.

- Mặt trời dễ chịu quá! Dễ chịu quá! - Rồi cô nhắm nghiền mắt,

đặt tay sau gáy, vươn vai. Kiểu ngồi ấy làm ngực nẩy, hông thót, và mông nở ra (Các quan thái giám thường bắt các cô gái lần đầu tới gặp Quốc vương Hồi giáo phải ngồi như vậy) Jeremy bất chợt quay lại nhìn thấy, và ông nhận ra đó chính là kiểu ngồi của bức tượng đặc biệt lẳng lơ trên lầu ba, Lăng Beverly.

Qua cặp kính mát, ông Stoyte nhìn cô với một cảm giác chiếm hữu vừa háo hức vừa che chở, Virginia là "Bé em" của ông, không chỉ ở nghĩa bóng mà ở cả nghĩa đen. Tình cảm của ông đối với cô xen kẽ: lúc là tình yêu bố con, lúc là tình dục cường bạo nhất.

Ông nhìn kỹ. Tương phản với mảnh xa tanh trắng trên người, nước da rám nắng của cô trông thật mặn mà. Đường nét mềm mại thanh thoát, vật thể rắn trong không gian, tròn trịa, không góc cạnh. Đôi mắt ông lần dò trên bộ tóc vàng, lần xuống cái trán dồ, đôi mắt cách quãng khá xa, cái mũi thẳng mà khiêu khích rồi cái miệng. Cái miệng này là nét đặc trưng nhất. Gương mặt Virginia trông ngay dại như trẻ con chính là do cái môi trên nó hơi ngắn.

Tính khí trẻ con ở cô bộc lộ ra bất cứ lúc nào. Khi cô kể những câu chuyện nhảm nhí hoặc khi cô thưa chuyện với ngài Giám mục, khi cô dùng trà ở một căn phòng sang trọng, khi cô uống rượu với lũ bạn lúc cô cùng với họ thưởng thức cái mà cô gọi là "cái thứ choai choai" hoặc khi cô chầu lễ ở nhà thờ.

Theo niên lịch thì cô là một phụ nữ hai mươi hai tuổi. Nhưng cái môi ngắn này lúc nào cũng cho cảm giác cô hãy còn là một cô bé chưa tới tuổi ưng chịu. Đối với ông Stoyte đã quá lục tuần, sự tương phản giữa gái tơ và ông lão, giữa lõi đời và thơ dại, tạo ra một sự hấp dẫn choáng váng. Theo cả hai nghĩa đen và bóng, Virginia là một em bé nhưng không chỉ có vậy, cô là một em bé thật sự từ trong ra ngoài.

Con người tuyệt diệu! Bàn tay đặt trên đầu gối cô nãy giờ bất động, bèn từ từ bóp lại. Giữa ngón cái lùn mập và bên ngón cứng cáp còn lại, đang diễn ra một sự co giãn ngọt ngào của da thịt.

- Jinny - Ông nói - Bé em của ta!

"Bé em" mở to đôi mắt xanh, buông xuôi hai cánh tay, toàn thân thư giản, đôi vú đang căng từ từ xuôi xuống như đôi chim đi vào giấc ngủ. "Bé em" mỉm cười nhìn ông.

- Tại sao lại véo em thế, bác Jo?

- Ta muốn ăn thịt Bé em. - Giọng bác Jo như muốn ăn thịt người thật!

- Em dai thịt lắm.

Ông Stoyte cười, hả hê nói:

- Tội nghiệp "Bé em" dai thit.

Em bé dai thịt cúi xuống ôm ông mà hôn.

Jeremy Pordage đang lửng lơ trên cái phao ngắm cảnh, thầm thì ngâm ngợi bài thơ, bỗng tình cờ quay lại. Ông ngượng đến mức chìm nghỉm xuống hồ. Ông trồi lên, bơi tới cái thang, chẳng kịp chờ ráo nước, cứ thế cắm đầu chạy vào thang máy.

- Ồ, lại thế nữa! - Ông nói và nhìn bức tranh của Vermeer. - Lại thế nữa!

o O o

- Sáng nay tôi vừa làm một cú áp phe. - Ông Stoyte nói khi "Bé em" ngồi thẳng dậy.

- Áp phe gì?

- Áp phe hời. Cú này trúng lắm. Thứ ngon, thứ thiệt.

- Bao nhiêu?

- Một triệu, có khi hơn.

- Bác Jo, em thấy bác cừ lắm! - Giọng cô rất thật. Quả cô thấy ông cừ lắm. Trong thế giới của cô, có một triệu đô-la là đạt tiêu chuẩn cừ. Cha mẹ, bạn bè, thầy giáo, báo chí, quảng cáo, truyền hình, kín hở đều nói vậy. Với lại Virginia rất yêu bác Jo của cô. Bác cho cô nhiều thì giờ nhàn rỗi. Và cô cảm ơn điều đó, ngoài ra cô thích yêu mọi người mỗi khi có dịp, cô thích làm vừa lòng mọi người. Làm mọi người vừa lòng là bé ngoan, dù họ có già một chút như bác Jo đây, dù đôi khi họ đòi cố phải làm những chuyện cô không thích.

- Em thấy bác cừ lắm. - Cô lặp lại.

Được cô gái khen, ông Stoyte thích lắm.

- Ồ chuyện ấy quá dễ! - Ông khiêm tốn nói và ông chờ đợi những lời khen tiếp.

Virginia đáp ứng liền.

- Dễ? Không đời nào! Em nói là bác cừ lắm. Vậy thì bác nên im đi!

Sướng quá, ông Stoyte bốp chặt mớ da thịt săn chắc trong lòng tay, âu yếm siết chặt lại.

- Ta sẽ tặng em một món quà nếu vụ này ăn chắc. Bé em thích gì nào?

- Thích gì hả? Em chẳng thích gì hết!

Cô không nói dối. Cô không thích khơi khơi như vậy. Khi cô thấy thích - một ly kem xô đa chẳng hạn - hay một "thú choai choai", hay một cái áo choàng lông thú chợt thấy ở cửa hàng, những lúc ấy cô thèm thật, cô thèm muốn điên, không thể chờ đợi được. Còn như những thèm muốn dài hạn, những thèm muốn phải

suy nghĩ trước, không, cô không thích những cái đó. Trong phần lớn cuộc đời mình, Virginia hưởng những phút giây hoan lạc nối tiếp nhau nào cô có đếm bao giờ. Còn nếu như buộc phải đếm thời gian thì cô không bao giờ vượt mức. Cái mức ấy là một tuần.

Ngay cả cái thời cô còn làm vũ nữ, lương mười tám đô-la một tuần, cô cũng chẳng bao giờ để ý chuyện tiền nong hay an toàn xa lộ. Cô chẳng thèm lo ngộ nhỡ gặp tai nạn chẳng hạn, thì đâu còn cặp đùi để mà phô trên sân khấu! Rồi bác Jo mò tới. Và từ đó, mọi sự trở nên tốt lành, mọi sự như mọc ra trên cây, một cái cây mọc ra bể hơi, mọc ra cốc tai, mọc ra đồ lót thượng hảo hạng. Chỉ cần với tay, điều ước muốn đã có trên cây, như một quả táo trong vườn hồi xưa, khi cô còn ở Oregon. Quà tặng để mà làm gì? Đòi làm gì? Với lại quá rõ là bác Jo thích cái tính ấy của cô. Làm cho bác Jo vui cô thấy mình rõ là bé ngoan.

- Em đã bảo mà, bác Jo, em không thích cái gì hết.

- Không thích gì hết? - Một giọng nói đằng sau lưng làm cho họ giật mình - Còn tôi thì tôi thích một chuyện.

Làn tóc đen nhánh, nhanh nhẹn, chỉnh tề, nước da mởn như người phương Đông, bác sĩ Sigmund Obispo nhanh nhẹn tiến đến bên cái đi-văng.

- Nói chính xác hơn, tôi muốn tiêm cho con người vĩ đại đây một liều Testerone một phết năm xăng-ti-lít vào tĩnh mạch. Vậy thì nàng tiên hãy biến đi!

Anh ta vuốt nhẹ vai cô gái với vẻ thèm thuồng không giấu diếm. Và khi cô nhường chỗ, quay lưng lại, anh ta vỗ luôn vào cái mông dán mảnh xa tanh trắng.

- Hốp! Dang ra!

Virginia quay ngoắt lại định bảo anh ta không được nhặng lên

như thế, nhưng khi đưa mắt nhìn từ tảng thịt lông lá của ông Stoyte tới bộ mặt điển trai kia, bộ mặt vừa đểu cáng vừa nịnh hót, thì cô liền đổi ý. Thay vì nói: Đừng có cà chớn! Cô chỉ bĩu môi rồi cô thè lưỡi, như một sự chấp nhận, như một cử chỉ đồng lõa, một cử chỉ không phải đối với bác Jo.

Tội nghiệp bác Jo, cô nghĩ, lòng tràn đầy thương cảm đối với ông già và xuýt nữa thì cô thấy mắc cở. Chuyện trớ trêu là bác sĩ Obispo đẹp trai quá, anh ta từng ghẹo cho cô cười: cô thích được anh ngắm, thích quát nạt để xem anh ta làm gì cô. Đôi khi cô mắng thật. Những khi anh ta sàm sỡ quá, điều anh ta vẫn thường làm.

- Làm như anh là Douglas Fairbanks con không bằng! - Nàng nói té tát và hết sức bệ vệ, bệ vệ tối đa trong hai mảnh xa tanh trắng dính trên người, nàng bước ra xa, tựa lên lan can nhìn xuống cánh đồng bên dưới. Những bóng người bé như con kiến xê dịch giữa vườn cam. Cô tự hỏi không biết họ làm cái gì dưới đó, rồi cô bỏ qua, trở lại với những vấn đề thú vị hơn.

Vấn đề Sig gã bác sĩ đẹp trai, bởi mỗi khi gần hắn cô đều thấy phấn khích lạ thường, ngay cả khi hắn nham nhở như vừa rồi. Một ngày nào đó; chuyện ấy rồi sẽ xảy ra trong lâu đài này... Ồ, chỉ để xem xem nó ra làm sao thôi. Tội nghiệp bác Jo! Nhưng lẽ ra bác phải nghĩ tới chuyện đó, ở tuổi của bác, và tuổi của cô nữa! Điều hiếm thấy là từ vài tháng nay, cô chưa làm bác nổi ghen, tất nhiên là không kể chuyện cô với hai con bé Enid và Mary Lou. Đấy chỉ là những chuyện qua đường, thú vị thật, nhưng chẳng có gì quan trọng. Còn đối với Sig, nếu "cái đó" xảy ra thì lại là chuyện khác. Bởi vì đối với người đàn ông như Sig, "cái đó" quan trọng hơn nhiều, mặc dù cô không muốn vậy. Đấy là lý do để cô lánh nó kẻo mắc tội. Nhưng sá gì lý do ấy, một người đàn ông hẳn hoi thế kia mà lại đẹp trai nữa (những chàng tóc láng, da nâu bao giờ cũng làm cô mê mệt). Và khi người ta đã uống hai ly, hay là ba ly và người ta thấy hơi rùng mình thì lúc ấy sá gì tội với lỗi. Với lại chuyện dây mơ rễ má, dắt díu vào nhau, trước khi biết nó là cái gì

thì nó đã xảy ra. Mà Đức Mẹ Đồng Trinh cũng tỏ ra thông cảm và sẽ tha thứ cho cô. Còn cha xứ Reilly hay xét nét cô nhưng cha lại tham ăn tục uống. Cái tội tham ăn với... cái kia có kém gì nhau.

- Thế nào, ông bệnh nhân ra sao rồi? - Bác sĩ Obispo ngồi xuống chỗ của bé em, nhại thái độ một thầy thuốc thăm bệnh cho thân chủ của mình. Anh ta vui vẻ cực độ. Công việc trong phòng nghiên cứu tiến triển tốt, loại thuốc mới điều chế tiêm cho ông chủ thấy có hiệu quả, cuộc tái vũ trang bộc phát làm tăng giá cổ phần trong các xí nghiệp của ông bố, và rõ là Virginia không còn tử thủ bao lâu nữa - Thế nào, sáng nay người tàn phế ra sao rồi? - Obispo nhại giọng Ăng lê (anh ta có làm việc một năm ở Oxford sau khi nhận bằng tiến sĩ).

Ông Stoyte gầm gừ cái gì nghe không rõ. Thái độ bông lơn của bác sĩ Obispo từa tựa như một câu chửi thề thoải mái, nó làm ông điên tiết, ông cảm thấy tuy làm ra vẻ bông lơn nhưng giọng điệu độc địa của Obispo thật ra là có tính toán. Máu ông Stoyte như sôi lên. Nhưng ông biết huyết áp đang lên theo, đời ông đang bị rút ngắn. Với Obispo ông không được nổi giận, hơn nữa, không thể tống khứ hắn đi, hắn là một cái ung nhọt cần thiết. "Chúa là tình thương và không hề có sự chết" nhưng ông Stoyte hoảng sợ nghĩ rằng ông đã già. Oliispo đã một lần cứu ông khi ông gần hấp hối, hắn hứa sẽ kéo dài cuộc sống của ông thêm mười năm. Nếu các phát minh của hắn thành công thì còn lâu hơn nhiều - hai mươi năm, ba mươi, bốn mươi. Đối với ông, thì sự chế không có chừng. Trong khi chờ đợi... ông Stoyte thở dài não nuột "Chúng ta ai cũng có nỗi khổ riêng, con ạ!..." Ông nhớ lời bà ngoại động viên, khi bà bắt ông uống dầu tẩy giun.

Bác sĩ Obispo đã tẩy trùng kim tiêm, dùng lưỡi cưa nhỏ cắt ống thuốc, hút đầy ống tiêm. Cử chỉ của anh ta thoải mái, chính xác như người biểu diễn. Anh ta vừa là người múa, vừa là khán giả, tự mua tự vỗ tay khen.

- Xong rồi! - Anh ta nói.

Ngoan ngoãn, im lặng, ông Stoyte lăn một vòng trên cái bụng bự như một con voi xiếc.

Chương 5

Jeremy mặc quần áo chỉnh tề ngồi trong căn hầm dưới lâu đài được tạm dùng làm bàn giấy. Mùi bụi khô ngái của đống hồ sơ cũ bốc lên đầu ông như một loại thuốc làm say choáng váng. Hàng nghìn tập tư liệu do biết bao thế hệ của họ hàng Hauberk để lại chất đống qua năm tháng. Hauberk chồng lên Hauberk, Nam tước chồng lên hiệp sĩ, thái ấp chồng lên công quốc, rồi Hầu tước Hauberk chồng lên Bá tước Hauberk, đến người cuối cùng, vị Bá tước thứ năm. Sau vị này, cơ đồ suy sụp chả còn gì. Chỉ còn những văn bản thừa kế, một ngôi nhà cũ và hai bà gái già ngày càng chìm nghỉm trong gia thế hãnh diện mà nghèo túng cuối cùng, nghèo túng hơn là hãnh diện - hai bà gái già tội nghiệp!

Hai bà đã thề là không bán kho gia phả này, nhưng cuối cùng cũng đành ưng thuận, nhượng lại cho ông Stoyte. Kho hồ sơ được gởi sang California. Bây giờ thì hai bà có thể yên trí hưởng hai đám tang linh đình của mình. Và đến đấy là chấm dứt sự nghiệp nhà Hauberk.

Một mâm cỗ thịnh soạn, một mảnh lịch sử Anh quốc.

Như đứa bé khua tay trong thùng cám để tìm món quà tặng mà nó biết là sẽ thú vị. Jeremy khui thùng đầu tiên, lấy ra một bọc và cắt dây buộc. Giấy má lộn xà ngầu. Một quyền sổ chi tiêu trong thái ấp năm 1576 và 1577; Câu chuyện của một người trong họ Hauberk kể về chuyến chinh phạt Alexandrette của Tôn ông Kenelm Digby; mười một bức thư bằng tiếng Tây Ban Nha của Miguel de Molinos 1 gửi cho phu nhân Anne Hauberk làm cho bà này bỏ đạo Tin Lành theo đạo Thiên Chúa (một vụ bê bối trong gia tộc); một tập đơn thuốc trị bệnh ghi bằng thứ chữ viết đầu thế kỷ

17; một tập khảo luận "Về cái chết" của Drelincourt; một quyển sách đã bị sứt gáy: tập "Felicia" hay là "Thời niên thiếu hoa nguyệt của tôi". Tác giả: Andred de Nerciatv.

Jeremy mở bọc thứ hai lục ra tập Di cảo của vị Bá tước thứ ba nhan đề "Những suy nghĩ trối lại về âm mưu của Giáo chủ vừa qua". Giữa xấp tài liệu có một lọn tóc đàn bà màu nâu sáng, Jeremy đang ngẫm nghĩ về lọn tóc thì có tiếng gõ cửa.

Ông ngẩng lên. Một người đàn ông mặc áo choàng trắng đang tiến tới. Người lạ mặt cười nói:

- Hy vọng không quấy rầy anh. - Thật ra thì anh ta đang quấy rầy - Tôi tên là Obispo. Bác sĩ Sigmund Obispo, thầy thuốc của "nhà vua" Stoyte đệ nhất, mà chúng ta hy vọng là Stoyte cuối cùng...

Anh ta cười vang tự thưởng thức câu khôi hài của mình, rồi thuận tay với luôn một bức thư của Molinos, điệu bộ khinh bạc như một nhà quý tộc giữa đống rác rưởi. Anh ta đọc:

- Ame a Dios come es en si y no come se lo dice y forma su imaginacionv.

Anh ta nhìn Jeremy mỉm cười:

- Yêu Chúa nơi Người! Nói dễ, làm khó. Yêu một người đàn bà nơi nàng đã khó, tuy rằng nàng đã có một cơ sở vật chất hẳn hoi, cơ sơ mà ta gọi là "đàn bà". Cơ sở đôi khi khá dễ thương. Chứ còn Chúa chỉ là tinh thần, nói cách khác do tưởng tượng thuần túy mà ra.

Jeremy mỉm cười, bối rối:

- Không cần phải để ý đến ý nghĩa của những câu ấy làm gì. - Và để khỏi tranh luận lôi thơi, ông chế giễu luôn công việc mình làm - "Lục lọi trong đống rác rưởi, kể cũng có nhiều cái thú đấy chứ!"

Bác sĩ Obispo cười xòa, đấm vào lưng Jeremy:

- Khen cho anh. Anh rất thẳng thắn. Anh nói công việc đối với anh chỉ là một thú vui. Tôi cũng vậy, tôi coi ngành sinh học bé nhỏ của tôi là một thú vui. Ngày xưa, cũng có thời tôi đã từng mê sách cổ.

Jeremy hắng giọng, đưa tay sờ đầu, mắt sáng lên, thưởng thức trước câu đùa sắp nói. Nhưng chàng bác sĩ không để cho ông có thì giờ, anh ta nhìn đồng hồ và đứng dậy.

- Tôi muốn giới thiệu với ông, phòng thí nghiệm của tôi. Từ giờ đến bữa ăn còn thừa thì giờ.

Jeremy muốn ở lại với cái kho báu của mình, nhưng tính vốn nể nang nên ông miễn cưỡng đứng dậy theo Obispo.

Ra tới cửa, bác sĩ mào đầu về chuyện trường sinh - chuyện ngành nghiên cứu của anh ta khi tốt nghiệp y khoa - nhưng lúc đầu vì sinh kế, anh ta không thể đeo đuổi. Các con bệnh thường giết chết những công trình nghiên cứu. Làm thế nào được khi phải dốc hết thì giờ để thăm bệnh, khám bệnh rồi trị bệnh. Anh ta nói bệnh nhân có ba loại: loại tưởng mình là mắc bệnh, thực ra không có bệnh gì hết, loại có bệnh và sẽ khỏi; loại có bệnh và tốt nhất là nên chết đi cho rồi... Đối với những ai có khả năng tiến hành các công trình dài hơi, thì đừng nên mất thì giờ ở phòng mạch. Nhưng "Sức ép kinh tế" đâu phải chuyện đùa. Anh ta chắc sẽ mòn đời trong con đường tắt tị ấy, thế rồi Jo Stoyte bỗng nhiên xuất hiện. Đúng là của trời cha.

- Chúa ban cho ta một món quà khủng khiếp! - Jeremy lẩm nhẩm câu thơ của Colleridge.

- Dạo ấy Stoyte đang thập tử nhất sinh, hai mươi kí lô thịt thừa, vừa bị một cơn xung huyết. Không nặng lắm, nhưng đủ để lão già xuẩn ngốc toát mồ hôi lạnh. Thế nào gọi là chết khiếp! Ha ha!

(hàm răng trắng dã của bác sĩ Obispo lóe ra như một con sói đang cười) Với lão Jo thì đó là một sự hoảng loạn. Lão gần như chết khiếp!

Nhờ vậy bác sĩ Obispo được hưởng lương hậu, có phòng nghiên cứu về trường sinh, có người giúp việc. Anh ta tiến hành nghiên cứu hóa sinh, ở nghĩa địa Berkeley. Những thí nghiệm trên loài khỉ ở Braxin, những chuyến nghiên cứu về rùa ở quần đảo Galapagos. Tất cả những gì cần cho một nhà khoa học, kể cả lão già Jo để làm vật thí nghiệm, ông ta sẵn sàng nhận mọi liệu pháp với hy vọng kéo dài tuổi thọ.

Thời ấy, Obispo chỉ cần làm thế nào ngăn không cho lão lên cân, tráng thận, kích dục bằng cách tiêm tinh dịch, theo dõi tĩnh mạch cho lão. Hiện giờ anh ta đang tiến tới hoàn thành một công trình mới, nhiều hứa hẹn. Trong vài tháng nữa, có thể là vài tuần nữa, và lúc ấy sẽ công bố kết quả.

- Hấp dẫn thật đấy! - Jeremy lễ phép nói. Họ đi dọc một hành lang hẹp quét vôi, ánh sáng lờ mờ.

Bác sĩ Obispo lại tiếp tục câu chuyện trường sinh.- Vấn đề này mới ở giai đoạn tiền khoa học thôi. Thống kê, khảo sát, chưa có một lý thuyết tổng quát; một mớ sự kiện vậy thôi. Nhưng mà là những sự kiện rất lạ, những dị chứng khác thường. Thí dụ tại làm sao mà một con ve sống lâu bằng một con bò mộng? Một con chim yến sống lâu bằng ba đời cừu? Làm sao mà lũ chó mới mười bốn năm đã già còn bọn két thì hơn trăm tuổi vẫn thanh xuân? Làm sao mà ở giống người chúng ta, đàn bà mới bốn mươi, năm mươi đã thôi đẻ, hả ông? Còn các mụ cá sấu thì đến ba trăm tuổi, vẫn đẻ sòn sòn. Lạy Chúa, làm sao mà một con cá chép sống đến hai trăm năm vẫn trẻ, còn cái lão Jo Stoyte nhà tôi...

Từ một ngóc ngách hành lang, hai người khiêng một cái cáng bỗng đổ xô ra, trên cáng là hai cái xác ướp của hai bà nữ tu. Họ đâm sầm vào Obispo.

- Đồ chó chết! - Bác sĩ Obispo hét lên.

- Chính anh là đồ chó chết!

- Các người không có mắt sao?

- Câm mồm!

Bác sĩ Obispo khinh bỉ quay người, tiếp tục bước. Hai người kia nói với theo:

- Anh là cái thá gì chứ?

Jeremy tò mò nhìn hai cái xác ướp.

- Nữ tu Cát minh chân đất. - Ông thì thầm. Thưởng thức một hình tượng văn chương thú vị, ông nhắc lại lần nữa - Cát minh chân đất! 4

Anh khiêng cáng đi sau hiểu lầm bèn trợn mắt quát:

- Chân đất đấy, thì sao?

Jeremy lẳng lặng chạy theo Obispo. Cuối cùng anh ta dừng chân lại trước một căn phòng, mở cửa bước vào:

- Tới nơi rồi! Ta vào thôi.

Mùi cồn lẫn với mùi chuột xông lên nồng nặc, Jeremy bước vào. Đúng là chuột thật, từng lồng chuột chồng lên nhau suốt một dãy tường đối diện. Bên trái ba cửa sổ đục thông qua triền đồi, trông ra cái sân tennít và viễn cảnh vườn cam cùng với đồi núi. Ngồi trước một trong ba cửa sổ ấy, một anh thanh niên nhòm qua kính hiển vi. Anh ta ngẩng lên, mái tóc vàng bù xù, quay lại nhìn hai người, vẻ mặt chất phác ngây thơ như trẻ con.

- A! Bác sĩ đấy ư? - Anh ta nở một nụ cười khả ái.

- Trợ lý của tôi, Peter Boone. - Obispo giới thiệu - Peter xin giới thiệu với cậu, ông Pordage.

Pcter đứng lên, người to cao như một lực sĩ. Khi nghe Jeremy gọi là ông Boone, anh ta cười nói:

- Xin hãy gọi tôi là Peter. Mọi người ở đây đều gọi tôi là Peter.

Jeremy ngẫm nghĩ xem có nên bảo Peter gọi mình là Jeremy không, nhưng vì ông chần chừ lâu qua nên bị lỡ dịp.

- Peter là một chàng trai thông minh - Bác sĩ Obispo nói bằng giọng che chở, ra điều âu yếm - Anh ta nắm vững khoa sinh lý, lại khéo tay nữa. Đây là nhà giải phẫu chuột giỏi nhất mà tôi được biết trên đời.

Peter mỉm cười, hơi ngượng, không biết phải trả lời sao cho phải.

- Có điều anh ta đề cao chính trị hơi quá mức. - Bác sĩ Obispo nói tiếp - Đấy là khuyết điểm duy nhất của anh ta. Tôi đã tìm cách chữa trị nhưng chưa có kết quả lắm, cho tới nay. Có phải không Peter?

Chàng trẻ tuổi lại cười:

- Vâng, không kết quả lắm - Và anh ta quay sang Jeremy - Ông đã biết tin gì về Tây Ban Nha chưa?

Jeremy lắc đầu.

- Thật là khủng khiếp. - Peter buồn rầu nói - Khi tôi nghĩ tới những con người ấy, không máy bay, không đại bác...

- Ồ! Vậy thì tốt nhất là đừng nghĩ tới, khỏe hơn! - Obispo khuyên.

Chàng thanh niên im lặng nhìn anh ta một lúc rồi rút đồng hồ ra

xem và nói:

- Có lẽ tôi lên bể bơi một chút trước giờ ăn. - Rồi anh ta bước ra cửa.

Bác sĩ Obispo lấy một cái lồng chuột dí gần sát mũi Jeremy.

- Đây là những con đực đã được tiêm tinh dịch. - Anh ta lắc cái lồng làm lũ chuột kêu chí chóe. Anh ta lại tiếp tục nói làm cho Jeremy thấy khó chịu - Bọn chúng quả có hoạt bát hơn, nhưng phiền một nỗi hiệu quả chỉ nhất thời. Anh đặt cái lồng vào chỗ cũ - Nhưng nhất thời dễ chịu còn hơn là nhất thời khó chịu! Vì vậy tôi đã dùng trị liệu Testerone đối với lão Jo. Không phải vì lão ta cần lắm đâu, với cô bé Virginia bên cạnh.

Nói tới đó bác sĩ Obispo cho tay lên bịt miệng, nhìn về phía cửa sổ:

- Lạy Chúa tôi! Hắn đã đi rồi. Tội nghiệp, thằng bé đang yêu! Hắn nghĩ cô bé Virginia là một thần tượng của nhà thơ, trong suốt như pha lê. Tháng rồi, có người nói xa gần rằng con bé ấy với lão già... Thế là hắn định đánh người ta. Hắn nghĩ con bé ấy làm gì ở đây chứ? Con bé nói chuyện với bác Jo về các dải thiên hà chắc? Và hắn thấy hạnh phúc. Ôi! Thôi mặc kệ hắn, chẳng cần nói nữa!

- Nhưng trở lại vấn đề bác Jo. - Anh ta lại tiếp, với nụ cười độ lượng - Cô gái ấy trong nhà cũng ngang với trị liện bằng tinh dịch đấy. Nhưng tiêm hormone, chỉ có tác dụng nhất thời. Brown - Sequart và Voronoff và nhiều ngưởi khác đã lầm. Họ cho rằng cường độ dục tính giảm là nguyên nhân lão hóa. Thật ra nó chỉ là một triệu chứng thôi. Sự lão hóa bắt đầu ở những nguyên nhân khác. Chính lão hóa ảnh hưởng đến bộ máy sinh dục, đến toàn bộ cơ thể. Trị liệu tinh dịch chỉ là kích thích, những ngọn roi dùng để quất vào các lão già. Nó chỉ giúp anh trong chốc lát, không ngăn được cái già đang xồng xộc theo sau anh.

Jeremy cố nén một cái ngáp.

- Ví dụ, - Obispo lại tiếp tục - tại làm sao nhiều giống thú sống lâu hơn người mà cứ sung sức. Không rõ loài người chúng ta mắc sai lầm về sinh lý vào lúc nào, vào bộ phận nào? Bọn cá sấu đã tránh được sai lầm đó, rùa cũng vậy, cả một số loài cá. Đây anh xem.

Anh ta bước tới vách kéo tấm màn che để lộ ra một bồn nước lớn bằng thủy tinh đặt âm trong triền đồi.

Trong làn nước lờ mờ, hai con cá chép khổng lồ ngậm môi nhau, mang phe phẩy nhịp nhàng, liên tục phun từng dòng bọt khí lên mặt nước, xung quanh chúng. Lũ cá bé thỉnh thoảng vọt lên, vẩy ngời ánh bạc. Đang mê mẩn khoái lạc, hai con cá khổng lồ chẳng thèm đếm xỉa tới ai.

- Hai con cá chép này sống dưới hồ một lâu đài cổ ở Franconie, tôi quên mất tên. - Obispo vẫn tiếp tục - Đâu như vùng Bamberg. Gia đình ấy đang sa sút, nhưng lũ cá là một gia tài quý, không thể nào mua được. Jo Stoyte bèn dùng một khoản tiền lớn, thuê người đánh cắp hai con cá đem ra khỏi xứ trong một cái bồn đặc biệt lắp dưới gầm xe. Mỗi con cân nặng ba mươi ký lô, dài một mét hai. Cái vòng gắn đằng đuôi đeo một đồng tiền bạc niên biểu 1761.

- Năm mở đầu thời kỳ của mình đây - Jeremy lẩm bẩm, bắt đầu chú ý câu chuyện. Một ngàn bảy trăm sáu mốt, năm Fingal ra đời. Ông cười một mình. Hai con cá chép với thi hào Ossian, nhà thơ yêu thích của Napoléon, hai con cá chép với những lời thầm thì mở đầu khổ thơ tuyệt diệu: "Hoàng hôn xứ Celtes". Đề tài hấp dẫn cho một bài tùy bút của mình. Hai mươi trang khảo luận uyên bác xen lẫn chuyện cá mú! - Jeremy mỉm cười.

Nhưng bác sĩ Obispo không để yên cho ông thưởng thức những ý nghĩ ấy. Anh ta lại bắt đầu:

- Vậy thì, hai con cá chép kia gần hai trăm tuổi, sức khỏe vẫn dồi dào. Không một triệu chứng lão hóa, không có gì chứng tỏ là chúng không sống thêm ba hoặc bốn thế kỷ nữa. Còn anh! - Obispo quay lại chỉ vào Jeremy như quan tòa buộc tội - Còn anh thì chưa qua tuổi trung niên mà đầu đã hói, mắt đã mờ, răng đã rụng ít nhiều. Không làm nổi cái gì dài hơi một chút; táo bón kinh niên, đúng không nào? Trí nhớ giảm sút, tiêu hóa thất thường, gân cốt mòn mỏi nếu không nói là hết cốt!

Jeremy gượng cười và ở mỗi câu dẫn tội ông lại gật đầu ra vẻ thú vị. Trong lòng, ông vừa cảm thấy buồn vì lời chẩn đoản quá đúng, vừa thấy giận ông thầy thuốc. Tự giễu mình già sớm là một chuyện, còn khi nghe kẻ khác nhận xét mình như một sinh vật thua kém bọn cá chép, đấy lại là chuyện khác. Nhưng ông vẫn tiếp tục mỉm cười gật đầu.

- Vậy thì một bên là ông đây, đằng kia là lũ cá. - Obispo tiếp tục - Vậy thì tại làm sao mà công việc làm ăn về đường sinh lý của ông chẳng ra gì? Hay, nói cho đúng, tại làm sao và bằng cách nào ông đã vi phạm cái điều sai lầm khiến cho ông rụng cả răng lẫn tóc về nó sẽ sớm đưa ông xuống mồ?

Anh ta khép tấm màn che lại, cầm tay Jeremy đưa tới trước dãy lồng chuột.

- Anh nhìn những con chuột kia.

Jeremy nhìn và chẳng thấy gì lạ cả, liền hỏi:

- Chúng làm sao?

Obispo cười:

- Nếu chúng là người thì chúng đều là những cụ ông, cụ bà ngoài trăm tuổi cả đấy.

Anh ta bắt đầu nói, giọng hăm hở, phấn khích về rượu béo, về

lông ruột 5 ở loài cá chép. Bí mật nằm cả ở đấy, chìa khóa của mọi vấn đề lão hóa trường sinh nằm cả ở đấy. Ở giữa các steror 6 và hệ mao mạch trong ruột loài cá chép.

- Ồ! Cái lũ steror ấy! - Bác sĩ Obispo chau mày, lắc đầu khi nhắc đến tên - chúng gắn liền với lão hóa. Trường hợp dễ thấy nhất là Cholesteron. Một sinh vẫt được gọi là già, khi nó tích lũy Cholesteron trên thành động mạch...

Anh ta kết luận: Một là rượu béo trong cá chép không tích tụ quá mức; Hai là Steror lành không biến thành Steror độc ở cá chép; Ba là sự miễn nhiễm ấy do tính chất hết sức đặc biệt của lông ruột ở loài cá chép. Cho nên một con chép có thể sống đến hai trăm năm mà vẫn thanh xuân.

Lòng ruột non ở cá có thể ghép vào ruột loài có vú?

Ngoài hành lang, một hồi chuông báo hiệu giờ ăn trưa đã đến. Hai người bước ra ngoài, xuống thang máy. Bác sĩ Obispo vẫn tiếp tục:

- Nhưng lũ chuột dường như có vẻ nản chí. Bây giờ tôi bắt đầu thử nghiệm ở những con vật to hơn. Nếu có kết quả ở chó và khỉ, thì tôi chắc cũng có kết quả ở bác Jo!

Chú thích

(1)Miguel de Molinos (1610-1697) Lý thuyết gia Thiên Chúa giáo. Bài bác giáo hội La Mã, bị bắt giam, chết trong ngục.

(2)Andred de Nerciat (1734-1801) Nhà ngoại giao, nhà văn Pháp. Tác giả nhiều quyển sách dâm loạn.

(3)Yêu chúa nơi Người, không như nơi hình ảnh ta nghĩ về Chúa.

(4)Dòng tu Carmel (Cát minh) thành lập từ giữa thế kỷ 15, theo

giáo lý khổ hạnh Nữ tu Cát minh đi chân đất, ở nhà tu kín. Còn trong giới quý tộc Âu châu thời ấy, cho mãi tới thế kỷ 18, đàn bà có thể để vai trần, nhưng để chân trần thì bị coi là "hở hang". Jeremy hẳn thú vị chuyện ấy trong đoạn này.

(5)Lòng ruột - Slore - cấu tạo của niêm mạc làm nhiệm vụ ngăn chặn dị thể xâm nhập vào nội tạng đồng thời hấp thu chất dinh dưỡng vào máu. Ruột non và tá tràng chứa khoảng bốn triệu "lông" trên diện tích 5 mét vuông.

(6)Steror: cấu trúc vòng kín của cáo loại rượu béo: Cholesterol, ergosterol... trong máu, phát kiến năm 1933.

Chương 6

Trong phòng ăn nhỏ, đồ đạc rập khuôn phong cách thời kỳ hoàng thân Georges trị vì. Bốn chân bàn là bốn con rồng sơn son. Hai con nữa ở hai bên lò sưởi "Phương Đông rực rỡ" như kiểu người ta quan niệm trong thời kỳ Nhiếp chính ở Anh.

Jeremy nhìn quanh quất tìm người nói chuyện.

Với ông Stoyte chăng? Không được. Cô Virginia cũng vậy, hai cô bạn của cô, đào ciné Hollywood cũng thế. Bác sĩ Obispo với Peter chắc thích chuột hơn là sách.

Có một người... Tiến sĩ Mulge, tiến sĩ triết học, thần học, hiệu trưởng Viện đại học Tarzana. Nhưng ông đang bận ca ngợi cái đại giảng đường mà ông Stoyte vừa lặng cho trường.

Peter Boone ngồi kề cô bạn Hollywood vì vậy anh phải nhìn Virginia qua một mái tóc nâu, một hàng lông mi giả, và một mùi nước hoa sơn chi nồng đậm tưởng như có thể sờ được. Anh chỉ muốn vượt qua chướng ngại, nhìn đôi môi ngắn ngủn của Virginia, cái mũi bé xíu nó làm cho anh muốn khóc lên vì nó xinh quả, hỗn quá, lố bịch mà đẹp như thiên thần. Anh yêu những cái đó ở cô đến đỗi thấy lồng ngực mình trống rỗng chỉ có cô mới đong đày được.

Hai cô nói chuyện về cuốn phim mới của hãng Cosmopolitan nhan đề "Hãy nói chuyện với đôi tất".

- Chuyện hay đấy chứ, phải không Peter? - Virginia khen.

Peter gật đầu, anh sẵn sàng gật đầu ưng chịu, khen mọi thứ cô

khen.

- Chuyện phim đó làm tôi nhớ tới Tây Ban Nha! - Virginia nói.

Jeremy ngẫm nghĩ xem cái gì trong phim dính líu tới Tây Ban Nha. Cosmopolitan, bọn Nazi, Franco, con nhà giàu, vũ khúc trần truồng hay hiện đại hóa? Virginia yêu cầu Peter thuật lại những gì anh đã làm về Tây Ban Nha. Peter ngập ngừng. Cô bạn Hollywood cũng nói vào... Peter chiều ý hai cô.

Anh ấp úng thuật lại thời kỳ anh tình nguyện gia nhập lữ đoàn Quốc tế trong những ngày tháng anh dũng năm 1937. Jeremy lắng nghe Peter nói qua dòng thác hùng biện ầm ào của tiến sĩ Mulge. Câu cú của Peter lủng củng xen lẫn những tiếng lóng dùng ngoài mặt trận, kiểu nói mà trí thức Anh, Mỹ ngày ấy ưa dùng để tỏ vẻ bình dân. Cầu chuyện thật cảm động. Jeremy thấy rõ tình cảm nồng cháy của chàng thanh niên đối với tự do và cũng là lòng dũng cảm của anh, tình yêu đồng đội ở anh thấy rõ rằng chàng Peter mặc dù bị cái môi ngắn cám dỗ, mặc dù bận rộn trong phòng thí nghiệm, nhưng anh vẫn còn nhớ tha thiết cuộc đời ngay ấy. Nhớ những con người gắn bó trong cùng một lý tưởng, cùng chia sẻ hiểm nguy, thiếu thốn, đối diện với cái chết luôn luôn có mặt. Nhớ Tây Ban Nha...

- Thế ý kiến của ông về lao động sáng tạo như thế nào, thưa ông Pordage?

Bị bắt quả tang về tội lơ đãng, Jeremy giật mình.

- Lao động sáng tạo ư? - Ông lúng túng kéo dài thời gian. - Lao động sáng tạo, ồ, vâng, tôi hoàn toàn tán thành ạ. Kiên quyết nhất ạ!

- Tôi rất sung sướng được nghe ông nói như vậy, - Tiến sĩ Mulge nói - Ở Tarzana, quý ông có biết điều tôi mong ước là gì không?

Ông Stoyte và Jeremy đều không trả lời nhưng ông Mulge vẫn nói cho họ biết:

- Đó là biến Tarzaua trở thành trung tâm sống động của nền văn hoá mới sẽ mở ra trên miền đất Viễn Tây này.

Giữa chừng câu chuyện, Peter chợt thấy chỉ có cô bạn Hollywood nghe anh nói thôi. Virginia kín đáo nghiêng ngóng rồi sau đó quay ngoắt sang câu chuyện thầm thì giữa cô bạn bên kia với Obispo.

- Các người nói chuyện gì vậy? - Virginia hỏi.

Obispo chồm về phía cô ta và bắt đầu nói lại. Ba mái tóc chụm vào nhau, cái thì đen bóng như tẩm dầu, cái thì màu nâu lượn sóng rất cầu kỳ, cái thứ ba vàng rực. Nhìn vẻ mặt họ, Peter đoán Obispo đang thuật một câu chuyện mất dạy.

Lúc được Virginia mỉm cười, bảo thuật chuyện Tây Ban Nha, Peter thấy nở nang lồng ngực. Giờ thì nỗi buồn lại bắt đầu chui vào khoảng trống rỗng ấy, một nỗi buồn rối rắm pha lẫn ghen tuông và sợ hãi. Sợ nàng tiên bị hủ hóa, hơn nữa, sợ nàng tiên chẳng còn gì để mà bị hủ hóa nàng tiên trong trắng không hề trong trắng như chàng tưởng. Câu chuyện đang tuôn chảy liền bị tắt. Anh im hẳn.

- Rồi sao nữa? - Cô bạn Hollywood nằn nì với thái độ nhiệt tình và cảm phục người anh hùng. Một anh bạn trẻ nào ở địa vị Peter hẳn lấy làm cảm động, nhưng anh lắc đầu:

- Cũng chẳng có gì!

- Thế còn đội tuần tra, đội tuần tra?...

- A, đội tuần tra thì có gì đáng nói?

Một trận cười ầm ĩ nổ tung, át cả câu nói của anh. Ba cái đầu

đồng lõa lập tức rời nhau, cái tóc đen, cái tóc nâu, cái tóc vàng rực rỡ. Peter ngẩng nhìn. Cười cái gì? Peter như người tử đạo, nghĩ lo thay, sợ thay sự sa đọa của nàng.

-... Trên tất cả, - tiến sĩ Mulge nói, - lao động và sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật, một trường Nghệ thuật xứng đáng với Tarzana, xứng đáng với truyền thống của...

Tiếng cười sặc sụa của đám phụ nữ tiếp tục, đủ sức chọi với sự nghiêm trang đạo mạo của quý ông. Ông Stoyte quay về phía ấy.

- Có chuyện gì vậy? (Nghi lắm! Ông sẽ không tha thứ bất cứ ai nói cho em bé nghe chuyện con heo. Ông không cho phép nói chuyện con heo trong một cuộc họp mặt có quý cô, bà), có chuyện gì mà các người ồn lên như vậy?

Bác sĩ Obispo phải trả lời. Ông nói ông vừa thuật lại cho quý cô, bà nghe một câu chuyện tục ở đài phát thanh. Giọng ông nghe lễ độ ngọt xớt. Ông muốn nói nay là ông Stoyte muốn nghe ông thuật lại câu chuyện ấy?

Ông Stoyte gầm lớn, quay mặt đi.

Chương 7

Sau cùng, bữa ăn cũng kết thúc. Tiến sĩ Mulge có một cái hẹn ở Pasadana với bà quả phụ một nhà sản xuất hàng cao su. Có thể bà ấy sẽ hiến ba mươi nghìn đô la đề trang bị một nhà nghỉ cho nữ sinh. Ông Stoyte đến Los Angeles dự phiên họp thường kỳ chiều thứ sáu của ban quản trị. Bác sĩ Obispo cần làm vài công việc phẫu thuật, ông xuống hầm chuẩn bị dụng cụ. Peter phải đọc một chồng thông bảo khoa học nhưng anh ta lợi dụng vài phút còn lại để ngồi với Virginia. Còn Jeremy thì tất nhiên hồ sơ Hauberk đang đợi ông.

Như vừa thoát gánh nặng, ông trở về căn hầm. Chưa đầy ba giờ sau, ông lại tìm được một tập thư của Molinos giữa đám sổ sách linh tinh cùng với tập thư số ba và số bốn của Nerciat và ôi, sung sướng! Tập Một trăm hai mươi ngày ở Sodome của ngài hầu tước thần thánh 1, tập sách hiếm nhất trong số tác phẩm của ông.

Của báu bất ngờ! Mà cũng chẳng bất ngờ lẳm ở cái gia đình Hauberk này. Ngày phát hành của quyển sách cho phép nghĩ nó thuộc về vị Bá tước thứ năm, người mang tước vị hơn nửa thế kỷ và chết trong tội lỗi lúc chín mươi tuổi, dưới thời vua Guillaume đệ tứ. Tính tình ông ta là vậy cho nên người ta không ngạc nhiên khi lìm thấy một trữ lượng văn chương con heo lớn như thế, có khi còn hơn thế nữa.

Loại sách ấy chắc còn nhiều nhiều, Jeremy tha hồ mà đọc, mà nghiên cứu và thưởng thức. Chợt nhớ lại phút ganh tị trên bể bơi, ông mỉm cười. Ông Stoyte có thể có tất cả những người đàn bà mà ông thích, nhưng một mẩu văn chương tuyệt tác loại con heo của thế kỷ thứ mười tám còn đáng giá gấp chục lần cô Maunciple! Ông gấp quyển sách lại, cầm nơi tay. Gáy sách bọc da, đẹp một cách

trang nhã, dòng chữ mạ vàng vẫn còn ngời chói: "Nhật tụng La Mã". Ông đặt nó lên góc bàn cùng với loại sách hiếm khác. Khi nào xong công việc, chiều nay ông sẽ đem tất cả về phòng ông.

o O o

Đã ba giờ chiều, mặt trời xuống thấp. Virginia mặc chiếc quần " soóc " trắng với chiếc áo cánh màu hồng, chân đi tất trắng, giày vải trắng, đầu đội chiếc mũ lính thủy. Cô tới xem người ta cho lũ khỉ đột ăn bữa chiều.

Chiếc xe gắn máy thấp màu hồng dựa bên đường, cô bước theo Obispo và Peter tới gần chuồng khỉ.

Trước mặt họ, trên hòn núi giả, một khỉ mẹ ngồi, trong tay bế một khỉ con đã chết rữa từ nửa tháng nay. Phía trên con khỉ mẹ, hai con khỉ đực tự dưng đánh nhau trước cửa hang. Phía bên phải, trên một hòn núi giả khác, một con khỉ già lẫm liệt.

Peter nhặt trong chiếc giỏ đem theo, ném về phía nó một củ khoai tây và một củ cà rốt. Khỉ già lập tức chổng mông nhảy xuống chộp củ cà rốt, vừa ăn vừa phồng má lên, nhét luôn củ khoai tây vào đấy. Rồi từ từ tiến về phía rào sắt vừa nhai vừa ngửng đầu đòi ăn nữa.

Chiến trường được giải toả. Con đực tơ đang bắt rận liền phát hiện tình hình. Nó vừa la chót chét vừa men tới con khỉ cái đang thu mình sợ hãi trên mỏm đá. Chỉ trong vòng mười giây, chúng đã ôm nhau làm tình. Virginia thích chí vỗ tay la lên:

- Ơ! Xem bọn láu cá kìa! Cứ như là người vậy!

Peter ngừng tay, nói là lâu quá chưa thấy cụ Propler tới chơi, và rủ mọi người tới thăm cụ.

- Từ chuồng khỉ tới tàu ngựa Propter, từ tàu ngựa Propter trở về nhà Stoyte và chuồng chó Maunciple. Cô em cảm thấy thế nào? -

Obispo âu yếm nói với Virginia.

-

Virginia nín thinh, ném khoai cho con khỉ già, tìm cách ném sao cho nó quay người lại, trở về với con khỉ cái trên mỏm đá, để nó nhìn xem cô em yêu quý làm gì khi vắng nó.

Để Peter ở lại cho khỉ ăn, hai người ngược dốc tới thẳng phòng làm việc của Jeremy. Virginia xô cửa gọi to:

- Ngà voi ơi! Bọn này tới quấy rầy Ngà voi đây!

Jeremy lẩm nhẩm một câu đùa ý nhị nào đó rồi ông bỗng dừng lại, chợt nhớ tới chồng văn chương độc đáo ở góc bàn. Đứng lên, cho vào tủ tức là gợi cho người ta chú ý. Cũng chẳng có tờ báo hay chồng sách nào để đậy lại. Ông đành để mặc thế, cầu mong cho mọi sự tốt lành.

Ngay lập tức mọi sự chẳng lành chút nào. Đang buồn tay muốn cựa quậy, làm một cái gì đó, Virginia vồ lấy tập thơ của Nerciat, lật lia lịa và rơi vào đúng một trang minh họa nét vẽ hết sức tỉ mỉ. Cô chăm chú xem mở to mắt, lại chăm chứ xem nữa rồi cô hét lên, ngạc nhiên kích động. Bác sĩ Obispo chúi mũi vào xem va cũng hét to lên, rồi cả hai rống lên cười.

Jeremy ngồi nguyên, hết sức bối rối. Ông mỉm cười khi hai người kia hỏi rằng suốt ngày ông ngồi đọc loại văn chương như vậy chăng? Và đó là lĩnh vực nghiên cứu của ông chăng? Ông nghĩ bụng thiên hạ sao mà quấy rầy, sao mà kém tế nhị!

Virginia thong thả lật tập sách cho đến khi cô tìm được một tranh minh họa khác. Một lần nữa, hai người lại kêu lên thảng thốt, khoái trá, và lần này họ có vẻ ngờ vực.

- Có thể nào như vậy chăng? Chuyện đó có thể làm được sao? Cô hỏi rồi cô đánh vần lời ghi chú bên dưới: "Niềm khoái lạc tới

với muôn nhà". Cô lắc đầu quầy quậy. Cô không hiểu nghĩa.

Jeremy bỗng nảy ra một sáng kiến: Sao ông lại không dịch cho cô nghe nhỉ? Dịch từng câu, đọc to lên như người phiên dịch ở một phiên họp Hội đồng Liên hợp quốc? Ông đang nghĩ nên nói thế nào thì bác sĩ Obispo cầm luôn cuốn sách trên tay cô gái, vơ luôn hai tập còn lại cùng với quyển "Người gác cửa tu viện" và quyển "Một trăm hai mươi ngày ở Sodome" 2. Anh ta tỉnh bơ luồn tất cả vào túi áo vét tông.

- Đừng buồn cô em ạ. Tôi sẽ dịch cho cô nghe. Bây giờ ta trở lại chuồng khỉ kẻo Peter lại lo. Nào ta đi đi, ông Pordage.

Jeremy nghĩ bực cho mình và giận thằng cha bác sĩ xàm xỡ, ông lẳng lặng theo họ bước ra cửa.

Peter đã cho khỉ ăn hết giỏ khoai. Anh tựa người vào chấn song, chăm chú quan sát từng cử động của bọn chúng. Khi mấy người kia đến gần, anh quay lại, gương mặt trẻ trung phấn chấn. Anh nói với Obispo:

- Này, bác sĩ! Tôi thấy là có kết quả đấy!

- Cái gì kết quả? - Virginia hỏi.

Nụ cười của Peter gửi cho cô chứa chan hạnh phúc. Vâng anh đang hạnh phúc. Hai lần, ba lần hạnh phúc. Virginia tỏ ra ân cần với anh sau vụ bỏ rơi anh để nghe những chuyện nhảm nhí, thế là đủ cho anh thấy hạnh phúc. Với lại chắc đâu là chuyện nhảm nhí, bởi khi cô quay lại nhìn anh, thì gương mặt cô giống in gương mặt cô bé trong quyển sách ở gia đình. Gương mặt ngẩng nhìn lên, biết bao ngây thơ trong trắng khi Chúa Jésu nói: "Nước trời là như vậy đấy". Nguyên nhân nữa làm anh sung sướng là việc cấy lông ruột cá chép cho lũ khỉ do anh tiến hành quả là hiệu nghiệm. Anh nói:

- Tôi thấy chúng hoạt bát hơn, lông chúng dường như cũng láng

hơn.

Điều đó làm anh hết sức hài lòng, cũng ngang với sự có mặt của Virginia, trong nắng chiều rạng rỡ, ngang với sự ân cần của cô. Càng hài lòng hơn khi anh nghĩ rằng cô hoàn toàn trong trắng. Rồi anh lại lẩn thẩn nghĩ rằng, giữa sự phục trang của lũ khỉ với cung cách duyên dáng chiều nay của cô gái có một mối liên quan sâu sắc không chỉ giữa hai người mà đồng thời với đất nước Tây Ban Nha trung thực, tới cuộc đấu tranh chống phát xít... Có một khúc hát anh học ở trường ngày bé - thế nào nhỉ?

Anh không thể yêu em đến thế

Nếu như anh không yêu... cái gì nhỉ?

Lúc này làm sao anh nhớ nổi! 3

Chẳng có cái gì anh yêu hơn Virginia được. Nhưng vì anh yêu khoa học và yêu công lý - yêu say mê, nên công tác nghiên cứu bây giờ và các bạn ngày xưa ở Tây Ban Nha càng làm cho anh yêu Virginia say đắm hơn, có thể nói là đặc biệt hơn.

- Ta đi chứ? - Anh hỏi mọi người.

Bác sĩ Obispo nhìn đồng hồ:

- Tôi quên mất. Tôi còn phải viết mấy bức thư trước bữa tối. Để khi khác vậy!

- Ồ, chán quá! Peter làm ra vẻ tiếc, thật ra anh thấy thích. Anh thầm phục bác sĩ Obispo, anh coi ông như một nhà nghiên cứu tài năng nhưng không phải là loại người thông dụng để một cô gái ngây thơ như Virginia có thể tin cậy. Anh sợ cho cô. Obispo, một con người nhẫn tâm, chó má nữa là khác. Với lại, ông ta cứ đâm sầm vào mối liên hệ giữa anh và Virginia. - ồ chán quá! - Anh nhắc lại một cách khoái chí và anh chạy ùa trên đường, chạy nhanh tới mức tim đập loạn lên. Ôi, cái chứng thấp khớp tệ hại!

Bác sĩ Obispo nhường bước cho Virgnia và nháy mắt vỗ nhẹ vào túi. Virgnia cũng nháy mắt lại và đi về phía Peter.

Lát sau, bác sĩ Obispo đi ngược lên, những người kia đi bộ xuôi xuống dốc. Nói chính xác hơn thì Peter và Jeremy đi bộ còn Virginia vốn không hề nghĩ đôi chân dùng để đi, cô leo lên chiếc xe gắn máy lùn sơn màu kem mận, cô vịn vai Peter, thả cho chiếc xe lăn từ từ.

Tiếng khỉ chí choé im dần đằng sau, họ qua khúc quanh đi ngang bức tượng nàng tiên của Jean Bologne. Nàng tiên vẫn phun nước bằng đôi vú trần nhẵn bóng, phun hoài không nghỉ. Virginia dừng câu chuyện kép xi-nê đang nói dở với Peter và bằng giọng bất kính của một nữ đội viên "Đội bảo vệ văn hoá", nói:

- Thật không hiểu sao bác Jo lại cho để cái này ở đây? Tởm quá! Tởm! - Cô gắn giọng nhắc lại:

Cô phật ý vì bức tượng không mặc quần áo? Jeremy nhớ lại hai mẩu xa tanh cô mặc trên bể bơi, ông nghĩ nó cũng chẳng khác gì bức tượng.

Cô lắc đầu quầy quậy:

- Không, tôi nói cái kiểu xịt nước kìa! - cô nhăn mặt như người ta nếm phải một cái gì chát chúa - Kinh quá!

- Mà lại sao? - Jeremy cố gặng.

- Tại vì nó kinh quá! - Cô chỉ cắt nghĩa được có vậy.

Đứa con của thời đại, được nuôi bằng sữa bò quen nhẵn các biện pháp kỵ thai, cô không thể chấp nhận được cái hình mẫu kém tế nhị của một thời cổ lỗ kia.

Kinh quá! Cô chỉ nói được có vậy và quay lại với Peter, cô tiếp tục câu chuyện kép xi-nê.

Virginia dựng xe trước lối vào động thờ. Đám thợ nề đã gắn xong ngôi mộ, động vắng người. Virginia cung kính sửa lại chiếc mũ lính thủy, cô đội nghiêng trên đầu rồi cô chạy ùa lên bậc thềm. Cô dừng lại trước sàn, làm dấu thánh, rồi cô bước vào động, quỳ trước bức tượng thờ. Hai người kia đứng chờ ngoài đường. Một lúc, cô trở lại và nói với Jeremy:

- Mùa hè năm ngoái tôi bị viêm mũi. Nhờ Đức Mẹ phù hộ tôi khỏi bệnh ngay, tôi bèn nói với bác Jo cho lập cái động này. - Cô quay lại Peter, -Nhớ không, Peter, lúc Đức Giám mục tới ban phước, hết xảy nhỉ?

Peter gật đầu.

- Từ ngày có Đức Mẹ ở đây, tôi hết bệnh, không hề bị sổ mũi nữa là khác.

Virginia nói và lại trèo lên xe. Mặt mày cô rạng rỡ chiến thắng; mỗi chiến thắng của Đức Mẹ trên trời cũng là một chiến thắng của Virginia Maunciple. Bỗng dưng chẳng hiểu ất giáp gì, giống như ở xưởng quay phim khi đạo diễn ra lệnh phải rã rời xây xẩm, cô đặt tay lên trán, thở dài thườn thượt và cô nói:

- Sao chiều nay tôi thấy mệt quá. Chắc tại vừa ăn xong đã ra nắng. Có lẽ tôi phải về nằm nghỉ một lát.

Peter nhanh nhẩu đề nghị cùng quay về lâu đài với cô, nhưng cô âu yếm và cương quyết từ chối. Cô quay xe, mỉm một nụ cười đặc biệt duyên dáng, gần như đắm đuối với Peter. Cô nói:

- Về nhé, " bé Peter "!

Cô mở ga cho xe vượt lên dốc, càng lúc càng nhanh, càng lúc càng ầm ĩ, và cô mất hút sau một khúc quanh.

Năm phút sau, cô đã ở trong phòng khách của cô, sửa soạn một ly sôcôla đá để uống trước quày giải khát. Bác sĩ Obispo ngồi trong

chiếc ghế bành mạ vàng, lót sa tanh màu đùi tiên nữ. Ông mở quyển "Một trăm hai chục ngày" ra đọc to và từ từ dịch từng câu trong phần một.

Chú thích

(1)Bá tước François de Sadè (1740-1814) thường được gọi là Hầu tước Sadè, nhà văn Pháp chuyên viết truyện bạo dâm.

(2)Sodome: thành phố sa đoạ (Cựu Ước)

(3)Bài "Khi ta ra trận" - một ca khúc phổ biến ở Anh:

Anh không thể yêu em đến thế

Nếu như anh không yêu danh dự?

Chương 8

Ông Propter ngồi trên chiếc ghế ngựa dưới cây trắc bá to nhất. Về phía tây, dãy núi chỉ còn là một vết đen in trên nền trời, nhưng trước mặt ông, về phía bắc, trên những triền núi cao, ánh sáng và bóng tối vẫn còn đang tranh chấp, ửng hồng trên bề mặt, tím sẫm ở những vùng sâu. Ngang tầm mắt, tòa lâu đài được bao bọc trong một ánh hào quang rực rỡ, lãng mạn không thể tưởng.

Ông nhìn tòa làu đài, nhìn ngọn núi, rồi nhìn lên bầu trời mờ nhạt trên cao qua tán lá. Ông nhắm mắt lại nghĩ tới câu Đức Hồng y Beruile trả lời câu hỏi "Con người là gì?".

Nghĩ lan man một lúc, rồi ông trở lại những chuyện làm ông bận rộn trong ngày. Ông nhớ lại buổi nói chuyện ban sáng với Hansen, viên quản lý bất động sản của Jo Stoyte. Hansen lợi dụng tình trạng nhân công thừa ế để bóc lột họ. Trong các đồn điền ông ta quản lý, trẻ em phải làm việc suốt ngày ngoài nắng với đồng lương hai ba xu một giờ. Tối đến, người làm trở về những túp lều dựng ven sông, Hansen thu tiền thuê mỗi căn lều như vậy một tháng mười đô la.

Mười đô la một tháng để chết cóng vì rét, ngủ trên phản đầy rận rệp, dễ bị kiết lỵ, thấp khớp. Chuyện ngược đời là Hansen không phải là người xấu. Thấy ai đánh chó, ông bất bình, ông nhảy tới bênh vực một đứa trẻ bị ức hiếp, một người đàn bà bị hành hạ.

- Đấy là chuyện khác. - Ông ta nói.

- Khác ở chỗ nào? - ông Propter vặn.

Đó là chuyện khác còn đây là do bổn phận của ông. Hansen nói

vậy. Nhưng bổn phận gì mà lại coi người lao động như nô lệ? Hansen nói đây là bổn phận của ông đối với đồn điền. Ông không làm cái gì xấu để thu lợi cho ông cả.

Làm điều xấu vì kẻ khác và làm điều xấu vì chính mình nào khác gì nhau? Ông Propter hỏi. Kết quả vẫn thế. Người lao động không bớt đau khổ khi anh làm cái chuyện mà anh coi là bổn phận hoặc cái chuyện làm lợi cho riêng anh.

Nói chung, với Hansen, kết quả chả đi đến đâu. Ông Propter nghĩ chắc ông phải thử lần nữa với Jo Stoyte. Thường thường Jo chẳng chịu nghe nói rằng đồn điền là chuyện của Hansen. Thật là tiện lợi. Hắn chẳng dễ gì để cho thiên hạ gỡ gạc.

Từ Hansen tới Jo Stoyte, ông nghĩ lan man sang cái gia đình của gã làm thuê tỉnh Kansas mà ông cho ở nhờ sau bếp... Nghĩ tới ba đứa nhỏ suy dinh dưỡng, răng đã bắt đầu sún, tới người đàn bà gầy còm yếu đuối chẳng hiểu do những loại bệnh gì, đến anh chồng cục súc, buồn thảm, đầy hậu thù đối với chính bản thân.

Ông ngẩng đầu. Có tiếng chân bước tới. Peter Boone và anh chàng Ăng lê gặp trong ô tô đang tiến về phía ông dưới lùm trắc bá. Ông Propter giơ tay mỉm cười. Ông quý Peter. Anh ta có trí thông mình thiên bẩm, tấm lòng tốt thiên bẩm, tế nhị, hào hiệp, ngay thẳng yêu ghét. Những đức tính đẹp, dễ thương. Nhưng rủi thay, do kém định hướng, những đức tính ấy không đủ sức làm nên điều thiện, không đủ sức đạt được cái mà người ta thường gọi là sự giải phóng. Vàng ròng đấy, nhưng còn ở dạng quặng, chưa cô đặc. Sẽ tới một ngày nào đó anh chàng này học được cách sử dụng kho vàng của mình. Anh ta phải có ý thức học. Học để nhớ và để quên, phải quên đi nhiều thứ. Học đối với chàng này cũng khó như với anh chàng ở Kansas, có điều nó khó do những nguyên nhân khác nhau...

- Nào, Peter! Lại đây. Cậu còn đưa cả ông Pordage đến nữa. Hay lắm! - Rồi ông ngồi dịch ra giữa ghế nhường chỗ cho hai người

ngồi hai bên. Trỏ tay về phía lâu đài, ông hỏi Jeremy:

- Thế là anh đã làm quen với con Chằn tinh?

Jeremy nhăn mặt gật đầu nói:

- Tôi nghe lời ông, nhớ lại cái tên của ông ta ở trường. Quả có thấy dễ chịu hơn.

- Tội nghiệp Jo! Những người mập cứ bị coi là những người sung sướng! Nhưng có ai bị người đời chế giễu mới biết điều đó. Cái kiểu vui cười, kiểu tự đùa cợt, chẳng qua chỉ là một cách trách né, một vấn đề phòng bệnh. Họ tự tiêm ngừa bằng cái chất lố bịch giữa họ để khỏi bị dị ứng khi người ta chế giễu họ.

Jeremy mỉm cười. Ông biết quá rõ chuyện ấy, nói:

- Đó là cách gỡ bí hay nhất khi người ta mập...

Ông Propter gật đầu:

- Nhưng rủi thay, Jo không dùng cách đó. Jo là loại mập hù dọa người, bịp người. Loại hành hạ anh và làm ra vẻ che chở anh. Loại thích chơi trội, mời các cô gái ăn kem, dù có phải ăn cắp mười xu trong ví của bà ngoại. Loại bị lật tẩy và tiếp tục khoác lác. Tội nghiệp Jo! Suốt đời hắn là một thằng mập loại ấy.

Ông lại chỉ về phía lâu đài, nói với Peter:

- Kia là ngôi đền hắn dựng lên để thờ chất xám suy thoái. Về vấn đề chất xám, công trình của cậu tới đâu rồi?

Peter đang triền miên trong những ý nghĩ về Virginia. Hàng trăm lần anh đặt câu hỏi vì sao cô ta lại bỏ rơi anh, hay anh đã làm điều gì không phải, hay cô ta mệt thật- hay vì nguyên do nào khác? Nghe đến tiếng "công trình" anh ngước lên và gương mặt anh lập tức sáng rỡ.

- Rất tốt! - anh nói và bằng những lời nồng cháy. Vắn tắt, anh báo cho ông Propter biết những kết quả thu được ở chuột và bắt đầu ở cả chó và khỉ nữa.

- Vậy nếu thành công thì chó của các anh sẽ ra sao?

- Thì tuổi thọ của chúng kéo dài chứ sao!

- Biết rồi, nhưng tôi muốn hỏi chuyện khác kia. Một con chó, tức là một con sói chưa phát triển hoàn chứ gì? Nó giống cái bào thai sói hơn là giống một con sói, đúng không?

- Peter gật đầu.

- Kể cũng đáng ngại đấy. Lũ chó của các anh đi thụt lùi trong quá trình trưởng dục.

Peter cười nói:

- Lúc ấy thì lũ chó Bắc Kinh mà các bà quận chúa già ôm trên tay sẽ trở mặt, đuổi cắn các bà. Khôi hài đấy nhỉ!

Ông Propter tò mò nhìn Peter, chờ anh ta đi sâu thêm vào vấn đề nhưng thấy anh ta lặng thinh, ông nói:

- Tôi thấy anh tìm được hạnh phúc trong công tác khoa học. Xin có lời mừng anh! - Và quay sang Jeremy ông nói:

- Nếu tôi nhớ không lầm thì loài người đâu có nhờ to xác dần, như cái cây mà trở nên hoàn mỹ phải không anh?

- Cũng không phải nhờ sống lâu, sống ba trăm năm như một gốc thông! - Jeremy trả lời.

- Sống đến ba trăm tuổi, chúng ta sẽ làm gì hả ông? - Ông Propter hỏi - vẫn còn là "Tôn ông và học giả" chứ?

Jeremy húng hắng ho.

- Chắc chẳng còn là tôn ông được. Ngay từ bây giờ, đã bắt đầu rồi đây này! Lạy Chúa! - Và ông sờ tay lên cái đầu hói.

Chương 9

Buổi họp chiều thứ sáu của ông Stoyte hoàn toàn thuận lợi. Nhật Bản đề nghị mua thêm một trăm nghìn thùng dầu. Bentonit vẫn bán chạy. Đơn xin vay vốn ngân hàng có giảm chút ít, nhưng trận dịch cúm tuần qua làm cho thu nhập của Lăng Beverly tăng vọt hẳn lên.

Buổi họp tan trước một giờ. Trên đường về, ông ghé qua chỗ Hansen để nắm tình hình, nhưng chỉ sau vài phút, ông đã vùng bỏ chạy, nhảy bổ lên ô tô, đóng sầm cửa lại và ra lệnh:

- Đến đằng ông Propter!

A! Cái thằng Propter chó chết này lắm chuyện thật! Hết bọn công nhân hoả xa giờ tới bọn hái cam.

Ông Stoyte có mối thù đặc biệt đối với bọn khố rách, còn đặc biệt hơn mối thù của chủ đối với người làm thuê, bởi vì trước đây ông từng là kẻ khố rách. Sau khi bỏ nhà sang California, trong vòng sáu năm, ông đã từng hiểu được cái chữ nghèo. Ông căm thù hoàn cảnh làm cho người ta nghèo, đồng thời ông khinh những kẻ hoặc quá ngu, quá yếu đuối hoặc là quá rủi ro không thoát ra khỏi cảnh nghèo khó được.

Kẻ nghèo van xin tình thương, mà ông thì không cho. Ông muốn quên quá khứ mà họ lại nhắc ông nhớ quá khứ. Ông thấy kẻ nghèo là quá tởm lợm. Logic của ông Stoyte là như vậy. Thế mà cải lão Propter này thì đòi tăng lương cho bọn người làm ở đồn điền cam, đòi cất nhà ở, đòi... Chiếc xe tiến êm đềm dưới vòm lả xanh, ông Stoyte nắm chặt bàn tay phải thỉnh thoảng lại đấm vào lòng bàn tay trái trong khi suy nghĩ.

Năm mươi năm trước, mặc dù lớn tuổi hơn và khỏe hơn, Bill Propter là đứa trẻ duy nhất trong trường không bắt nạt Stoyte. Sau này để trả ơn, phần để tỏ ưu thế mới, đã lấy lại thăng bằng giữa hai người, Stoyte tặng ông nhiều cổ phần trong công ty xăng dầu Consol, nhưng ông không nhận. Stoyte vẫn chưa có dịp sử dụng ưu thế mới, chưa thể ngang hàng Propter được và điều càng cáu tiết hơn nữa, là ông cảm thấy Propter hơn. Chính vì vậy ông đã chọn mảnh đất gần nhà Propter trong thung lũng này để xây lâu đài. Propter có những đức tính mà ông không có: quả là một sự thách thức. Vì thế lý do làm ông yêu Propter cũng đồng thời làm cho ông ghét Propter.

Xe dừng. Tài xế chưa kịp mở cửa xe, ông đã vọt ra như một mũi tên, chạy đâm sầm vào nhà.

- Jo đấy ư? - Từ dưới vòm trắc bá một giọng quen thuộc vọng ra.

Ông Stoyte chăm chú nhìn trong bóng tối, rồi ông nhanh nhẹn tiến về phía chiếc ghế có ba người ngồi, họ chào ông. Peter lễ phép đứng lên nhường chỗ. Chẳng để ý tới chuyện đó cũng như chẳng để ý tới anh, ông Stoyte nói luôn với Propter:

- Trời ơi, anh không để cho người làm của tôi được yên sao?

- Người làm nào, Jo?

- Bob Hansen chứ còn ai! Khi vắng tôi anh tới đó làm cái gì?

- Thì tôi đã tới gặp anh trước, anh bảo hỏi Hansen!

Quả có thế thật. Ông Stoyte chỉ còn biết gầm lên:

- Chõ mũi vào chuyện của người ta! Gớm thật!

- Peter mời anh ngồi kìa. - Ông Propter nói. - Hoặc nói cách khác, đằng sau lưng anh có một cái ghế sắt đấy, Jo!

- Tôi không ngồi! - Ông Stoyte hét, - Tôi bắt anh trả lời. Anh nghĩ thế nào mà lại làm như vậy?

- Nghĩ thế nào? Chuyện xưa như trái đất, phải tôi bịa ra.

- Anh không trả lời được sao?

- Được chứ! Người lao động là người, không phải là sâu bọ.

- Tất cả chúng nó đều là một lũ khố rách.

Ông Propter quay sang bảo Peter ngồi xuống cái ghế bỏ không.

- Tụi khổ rách đó, tôi đã nói là tôi không cho phép!

- Ồ anh vô lý quá! - Ông Propter nói.

- Tôi vô lý? Anh hãy cứ nhìn cái nhà tôi đang ở với cái chòi của anh em ở đây. Anh sẽ thấy ai có lý.

- Đúng là vậy. Nhưng anh quá "mơ hồ" Jo ạ. Mơ hồ tới mức cho là người ta không cần ăn cũng làm việc cho anh được.

- Anh định tập cho họ làm "cộng sản" hả?

Tiếng "cộng sản" làm cho Stoyte giật mình đồng thời cho thấy ông là người có lý.

Giọng ông run lên:

- Anh là một thằng cộng sản! - ông lặp lại với giọng của một hiệp sĩ thập tự chinh - Là một thằng xách động cộng sản, hiểu chưa?

- Tôi tưởng anh đang nói về cái ăn của người lao động.

- Thôi đi!

- Ăn, ở và lao động đúng không?

- Tôi phải chịu đựng anh quá nhiều rồi đấy, vì nghĩ đến tình bạn của chúng ta. Nhưng bây giờ thì quá đủ. Trời ơi, nói chuyện cộng sản với lũ khố rách ấy! Biến cả vùng này thành một vùng nguy hiểm. Người tử tế làm sao chịu được!

- Người tử tế? - Ổng Propter định cười to lên, nhưng ông nghĩ dồn Stoyte nhiều quá dễ nguy hiểm.

- Tôi sẽ tống cổ anh ra khỏi vùng này! - ông Stoyte gầm lên. - Tôi sẽ... - Ông dừng lại giữa câu, đứng nguyên như vậy, lặng thinh, mồm há hốc, mắt trợn trừng. Ông thấy ù tai mặt nóng bừng - nó đấy, cơn xung huyết. Bác sĩ Obispo, cái chết. Cái chết và câu châm ngôn rực lửa trong ngôi nhà cũ. Điều khủng khiếp khi bị rơi vào tay vị Chúa còn sống không phải vị Chúa của phu nhân Stoyte mà là vị Chúa khác kia, Chúa thật sự của cha ông, của bà nội ông.

Ông Stoyte thở hắt ra rút khăn lau mặt, lau cổ, rồi không nói nửa lời, ông quay ngoắt lại, bỏ đi thẳng.

Ông Propter vội đứng lên, chạy theo và mặc dầu Stoyte vùng vằng giận dữ, ông vẫn nắm lấy cánh tay sánh bước đi cùng ông ta và nói - Tôi muốn chỉ cho anh xem cái này Jo ạ. Chắc anh sẽ thích.

- Tôi không muốn xem! - ông Stoyte rít giữa hai hàm răng giả.

Ông Propter chẳng thèm để ý, cứ dắt ông ta ra phía hàng hiên.

- Đây là một loại thiết bị mà Abbot ở viện Smithsonian 1 nghiên cứu ít lâu nay. Một cái máy sử dụng năng lượng mặt trời. Năng suất khá hơn những cái trước.

Ông gọi hai người kia cùng tới xem rồi ông nói tiếp:

- Thiết bị này có công suất hai mã lực, dùng cho sinh hoạt hằng ngày rất tiện lợi.

Ông Stoyte vẫn lặng thinh để tỏ cho biết mình vẫn còn đang

giận nhưng cái máy và nhất là những ý định lung bung của Propter làm cho ông chú ý. Ông hỏi:

- Mà anh cần hai cái mã lực ấy đề làm gì?

- Để phát điện.

- Thế còn điện thành phố để làm gì? Họ không cấp điện cho anh sao?

- Có chứ, nhưng tôi thử độc lập đối với thành phố xem sao.

- Độc lập để làm gì?

Ông Propter cười nhẹ:

- Để thực hiện nền dân chủ giống như Thomas Jeffersonv định nghĩa.

- Trời ạ, cái máy thô lỗ này dính líu gì tới Jefferson chứ! - Ông Stoyte lại nổi cáu. - Anh cứ xài điện thành phố và vẫn cứ tin ở Jefferson không được sao?

- Đây mới là chỗ éo le! Gần như là không được!

- Thế là thế nào?

- Thế là thế đấy. - Ông Propter thong thả nói.

- Như tôi đây. Tôi cũng tin ở Jefferson vậy!

- Nhưng có điều này. Tôi biết và anh cũng biết rằng anh là ông chủ, ông chủ lớn không ai dám cãi.

- Cho là vậy đi.

- Có một chữ khác để định nghĩa "không ai dám nghĩ". Đó là "Độc đoán".

- Rồi sao nữa?

- Rồi như thế này. Anh tin ở dân chủ, nhưng anh cầm đầu một bộ máy độc đoán và người làm của anh phải cúi đầu trước anh để kiếm cơm - Dân chủ ở chỗ nào?

Peter gật đầu tỏ ý tán thành. Anh nói:

- Về phần tôi thì tôi ủng hộ quyền làm chủ tập thể các phương tiện sản xuất.

Lần đầu tiên anh dám nói câu ấy trước mặt ông chủ và anh lấy làm khoái chí.

- Còn tôi thì tôi không muốn chấp nhận bất cứ ông chủ nào. Càng có nhiều chủ càng mất dân chủ. Nhưng vì là thiên hạ chẳng ai tự lo liệu, tự tức được mọi thứ nên vẫn phải có một ông chủ nào đó. Thành thử càng tự túc ít chừng nào, càng hưởng ít dân chủ chừng nấy. Thời của Jefferson, mỗi người dân Mỹ đều có thể tự túc. Họ hoàn toàn độc lập về kinh tế. Độc lập đối với chính phủ. Độc lập đối với mọi tổ chức kinh tế. Hiến pháp từ đó mà ra.

- Thì cho tới nay, hiến pháp ấy vẫn còn.

- Vẫn còn đó. Nhưng nó thích hợp với Liên hiệp thép Hoa Kỳ. Với Tổng Công ty Dịch vụ, với Liên hiệp Điện cơ General Motors với Công đoàn vàng của Lewis. Thực ra chúng ta đang sống dưới một thể chế mới, Hiến pháp chỉ còn là hình thức. Muốn thực sự sống trong hiến pháp, ta phải tạo ra những điều kiện sống của cái thời mà Hiến pháp ra đời. Cho nên tôi quan tâm tới cái máy này. Ít ra nó cho ta được độc lập về phương diện năng lượng, về chất đốt.

Ông Stoyte hơi cau mày rồi ông hỏi:

- Thế thôi ư? Còn các phương diện khác. Giao thông vận tải. Chế biến. Hàng hóa... Anh là một thằng lẩm cẩm Propter ạ. Xưa nay vẫn là một thằng lẩm cẩm. Làm sao anh đẩy cái xã hội này lùi

về thế kỷ 18 được! Mà thôi, chiều nay nếu rảnh, mời anh qua tôi dùng bữa nhé!

Ông Stovte nhẹ nhõm bước ra xe. Ông thấy thắng Propter một điểm. Ông thấy Propter vẫn yêu mến ông. Ông thấy sung sướng, ông huýt sáo mồm rất to trên ở tô.

Vẫn để nguyên mũ trên đầu, vẫn huýt sáo, ông bước vào vòm cửa gôtic của tòa lâu đài qua tiền sảnh (ông vẫn giữ thói quen, tỏ vẻ bình dân trong tòa lâu đài cực kỳ sang trọng) ông rảo bước qua gian phòng La Mã lên thang máy, bước thẳng vô phòng khách của Virginia.

Khi ông mở cửa, hai người ngồi cách nhau khoảng năm mét: Virginia trước quày giải khát, trầm ngâm nhấm nháp ly socôla đá. Bác sĩ Obispo ngồi bảnh chọe trên chiếc ghế bành lót sa tanh hồng, châm lửa một điếu thuốc lá.

Ông Stoyte như bị đấm vào giữa ngực: ông nghi ngờ, ông ghen, mặt ông nhăn như cái bị rách. Mà nào ông đã thấy gì đâu, chẳng có cử chỉ nào, dấu hiệu nào, nét mặt nào khả nghi cả. Bác sĩ Obispo hoàn toàn tự nhiên thoải mái còn nụ cười em bé gửi cho ông thì quả là nụ cười ngây thơ của thiên thần.

- Bác Jo! - Cô chạy ào tới trước mặt ông, vòng tay qua cổ ông. - Bác Jo!

Giọng hồ hởi của cô, làn môi êm ái của cô có tác dụng ngay. Bác Jo xúc động, bác đạt tới đỉnh cao của danh từ ở cả hai nghĩa đen và bóng. Em bé của tôi! - Bác hổn hển hồi lâu, bác cảm thấy xấu hổ. Cô bé này người thơm và ấm, da thịt vừa mềm vừa chắc lẳn, cô bé trong trắng thơ ngây! Nghi ngờ cô dù trong một phút, cũng là bậy! Ông cảm thấy ân hận thêm trước thái độ của bác sĩ Obispo. Anh ta đứng dậy và nói:

- Lúc trưa, sau bữa ăn, tôi hơi ngờ ngợ thấy ông ho. Cho nên tôi

đã lên đây để gặp ngay ông, khi ông trở về. - Anh ta cho tay vào túi, lôi ra đến quá nửa một quyển sách gáy da giống như quyển kinh nguyện. Anh ta ấn vội vào rồi rút ra một cái ống nghe. - Phòng bệnh hơn chữa bệnh. Nhỡ ông lại lây cúm...

Nhớ lại tuần lễ cúm đặc biệt nhiều lợi tức ở Lăng Beverley, ông Stoyte hơi hoảng:

- Không, tôi không làm sao cả. - Ông nói - Ho hắng như vậy là thường, chỉ có cái bệnh cũ... Anh đã biết, viêm phế quản

- Có lẽ cũng chỉ có thế. Dù sao cũng xin ông cho khám.

Bác sĩ đeo ống nghe lên cố bằng một cử chỉ nghề nghiệp, nhanh nhẹn.

- Anh ấy nói có lý, bác Jo ạ. - Em bé nói.

Cảm động vì bao nhiêu sự chăm sóc và cũng hơi chán cái bệnh chất tiệt kia, ông Stoyte cởi áo vét tông gi-lê và bắt đầu mở ca vát. Một loáng sau, ông đã giương bộ ngực trần, đứng dưới ánh sáng ngọn đèn treo Virginia thẹn thò len ra phía sau quầy giải khát.

Bác Obispo cho hai đầu ống nghe vào tai:

- Thở sâu vào! Anh nói và rà vòi nghe trên ngực ông Stoyte - nữa! Ho! - Bác sĩ nhìn qua cái thùng thịt lông lá, mơ màng để mắt lên bức tranh trên tường. Những người cư trú trong cái thiên đường buồn rượi của Waileau đang chuẩn bị ra khơi, có lẽ để đến một thiên đường khác buồn hơn

- Đếm: Ba mươi ba... - Bác sĩ ra lệnh và ông tiếc rẻ rút lui khỏi "Cuộc hành trình tới Đảo mơ" 3 đi trở về với bộ ngực và cái bụng của ông Stoyte.

- Ba mươi ba. - ông Stoyte đếm. Ba mươi bốn, ba mươi lăm...

Dốc hết lương tâm nghề nghiệp, bác sĩ Obispo ra cái vòi hết điểm này đến điểm khác trên khối thịt lùm lùm hình trụ trước mặt ông. Tất nhiên chả có gì. Chỉ là loạt khò khè, cò cử hàng ngày. Để được long trọng hơn, có lẽ nên đưa ông lão xuống lầu, tới trước máy rọi quang tuyến. Nhưng thôi, trò hề này là quá đủ.

- Ông ho thêm.- Bác sĩ lại đặt dụng cụ vào mớ lông lá hoa râm trên vú trái ông Stoyte. Trong lúc ông ta giả ho, bác sĩ nghĩ là chưa tới các cái khác ở trên người ông ta, riêng cái bịch đồ lòng này cũng đã thấy khó ngửi. Chuyện một cô gái, bất cứ cô nào bất cứ vì lẽ gì, vì tiền đi chăng nữa, lại ngửi được cái này thì thật hết chỗ nói. Thế mà trong đời này khối cô ngửi được, lại còn thích nữa là khác.

"Thích" có lẽ không đúng lắm, bởi không nêu hiểu nó ở nghĩa đen, nghĩa sinh lý. Các cô thích bằng lý trí chứ không phải bằng thân thể. Các cô yêu những cái bịch đựng đồ lòng kia bằng cái đầu, các cô yêu vì địa vị xã hội của các cái bịch ấy, hoặc vì sự uyên bác của nó, tên tuổi của nó. Các cô không ngủ với nó mà ngủ với một tên tuổi, các cô nhân cách hóa cái bịch ấy.

Một số cô còn thích thêm công tác từ thiện, công tác xã hội, thậm chí thích ra mặt trận nữa. Không những số cô này thích ngủ với một tên tuổi, hoặc một đấng đạo đức, một nhiệm kỳ thẩm phán hoặc một ủy thác thương mại chẳng hạn, mà các cô cũng thích ngủ với một thương binh, một thằng bé đần độn, để đổi món ăn thôi hoặc một... Obispo liếc mắt về phía quày giải khát. Con bé kia là nó dám làm tất! Nhưng ngược lại Jo Stoyte cũng chính là một "Bé em" của cô, đồng thời cũng là một Lincoln cá nhân, Lincoln riêng của cô và may thay, đấy cũng là một kẻ có tấm séc đút túi - quan trọng đấy, tập séc. Nhưng nếu chỉ có thế thì Virginia cũng chưa thật hạnh phúc. Cái tập séc kia chịu nằm trong tay một nàng tiên, để nàng âu yếm nó và thay li cho nó. Hấp dẫn ở chỗ đó.

- Xin ông quay lại!

Ông Stoyte làm theo lời bác sĩ Obispo, cảm thấy cái lưng đỡ tởm hơn phía trước. Có lẽ vì nó ít cá tính hơn.

- Thổi sâu vào. - Obispo nói và bắt đầu diễn lại màn kịch - Thêm lần nữa. - Obispo nghĩ tới món hàng hấp dẫn đang nấp đằng sau quày giải khát. Chắc chắn món hàng sẽ ưng thuận thôi, miễn là mình phải kích thích nó. (Chắc chắn nó sẽ đòi mình nâng nó lên tượng đài, nhưng không, ai ngu gì, bọn đàn bà con gái do phú ông nuôi thường quá dễ... Bọn phú ông...)

- Đếm thêm đi! Ba mươi ba...

- Ba mươi ba! Ba mươi bốn!

Bọn phú ông thì chín mươi chín phần trăm mù tịt. Ái tình với họ chỉ là một sự thỏa mãn nhu cầu.

- Ba mươi lăm, - ông Stoyte tiếp tục đếm - Ba mươi sáu!

Obispo nghĩ: Riêng phần mình thì mình buộc đối phương phải ưng thuận, như vậy thích hơn.

Nhưng không nên đi xa quá, ép buộc quá, mất thú. Đối phương phải là loại nghiệp dư, loại cho rằng vừa đê mê vừa phải có ái tình, có con tim hòa hợp viết bằng chữ hoa cơ!

- Ba mươi bảy, ba mươi tám. - Ông Stoyte tiếp tục đếm với một sự kiên nhẫn lạ lùng.

- Có thế thôi, ông ạ! - Bác sĩ Obispo nói và nhìn về phía quầy rượu giải khát.

Chú thích

(1)Viện nghiên cứu khoa học ở Washing ton thành lập năm 1838 theo chúc thư của nhà hoá học người Anh Smithson. Hiện là viện nghiên cứu quan trọng của Mỹ về vật lý vũ trụ, thiên văn,

nhân chủng.

(2)Thomas Jefferson (1743-1826) - một trong những nhà khai sáng Hợp chủng quóc ở Mỹ. Người thảo Tuyên ngôn Độc lập và Dự thảo Hiến pháp Mỹ.

(3)"Hành trình tới đảo Cythère", Bảo tàng Louvres sáng tác đã đưa Watteau vào Hàn lâm viện Pháp năm 1917

Chương 10

Ba người yên lặng đi về phía lâu đài. Peter nói trước!

- Đôi khi tôi nghĩ không biết có nên sống bằng đồng tiền của lão ta không? Ông nghĩ thế nào ông Propter?

- Nghĩ thế nào? Cứ tiếp tục làm công việc nghiên cứu. Nhưng coi chừng! Công việc ấy có lợi hay có hại? Phải thực dụng trong các vấn đề đó. Như Bentham 1 chẳng hạn.

Tội nghiệp Bentham? Jeremy nói khi nghĩ đến chuyện mình trùng tên với ông ta, cái tên hết sức thiểu não 2.

Ông Propter mỉm cười:

- Bentham, tội nghiệp thật! Con người quá hiền lành, thông minh biết bao, đồng thời cũng sai lầm biết bao! Ông ta không nghĩ rằng cái thiện là cái có rất ít tiền trên đời này.

- Vậy thì về mặt thực dụng, ông nghĩ thế nào về công trình nghiên cứu của tôi? - Peter hỏi.

- Tôi cũng không biết nữa. Tôi chưa nghĩ kỷ về vấn đề này, cũng chưa nhìn rõ kết quả để có thể kết luận. Có điều, nếu tôi làm công việc của cậu, tôi sẽ cẩn thận. Hết sức cẩn thận.

- Thế còn tiền? Tiền trong túi một anh nhà giàu như vậy, tôi có nên nhận không?

- Mọi thứ tiền ít nhiều đều bẩn. Không hiểu tiền của Stoyle có bẩn hơn các thứ tiền khác không Cậu, thì chắc cậu nghĩ là bẩn hơn. Nhưng tiền ở các viện nghiên cứu, các trường đại học là do

hắn chu cấp cả đấy... Chỉ tại lần đầu tiên cậu trông thấy cái nguồn của nó, nên cậu tởm. Đây này, cậu như lũ trẻ con ở thành phố, quen uống những chai sữa bò lấy từ trong ô tô ra, sạch sẽ, trắng tinh. Rồi một ngày nào đó cậu về quê, cậu thấy sữa được vắt từ trong vú bò ra, chuồng bò thì hôi hám...

- Vậy cứ tiếp tục như bây giờ là đúng?

- Phải. Đứng ở chỗ nó không xấu hơn chuyện khác. - Propter nói và bỗng nhoẻn cười. - Nghe nói tiến sĩ Muige trưa nay lại được Stoyte tặng thêm ba chục ngàn đô la nữa. Tôi rất mừng. Một món tiền lớn cho Viện Nghệ thuật Tarzana. Bọn nhà giàu cũng có ích chỗ đó - bảo trợ trí thức. Bởi vì bọn chúng chịu một áp lực khá lớn của xã hội. Chúng vừa xấu hổ vừa tự hào nghĩ, ít ra chúng cũng là ân nhân của xã hội. Với tiến sĩ Mulge, thì bọn giàu có thể yên chí. Có thể lập ở Tarzana bao nhiêu trường nghệ thuật cũng được. Còn nếu tôi mà yêu cầu hắn bỏ ra ít tiền để tài trợ cho việc nghiên cứu kỹ thuật phát huy dân chủ chẳng hạn, hắn sẽ mời tôi đi chỗ khác chơi. Tại sao? Tại vì nguy hiểm chứ sao! Hắn thích nghe, thích diễn văn về dân chủ. Nhưng hắn không thích ai phát minh ra những sáng kiến thực hiện dân chủ. Cậu đã thấy hắn nổi khùng lên với cái máy be bé của tôi. Bởi vì trong lĩnh vực nhỏ nhoi ấy, nó cũng gợi ý đến chuyện đó.

Đúng lúc ấy, một luồng sáng cực mạnh đập vào mặt ba người.

- Cái gì vậy? - Jeremy giật mình kêu lên.

- Cái chùm đèn đó thôi. Lâu đài sợ bọn cướp - Peter nói.

- Cá tính của triệu phú Stoyte biểu hiện ra đấy.

- Ông Propter nắm tay Jeremy, - Nói cách khác hắn công bố cho mọi người biết là hắn sợ. Hắn sợ là vì hắn cầm quyền, là vì trong chế độ này, kẻ cầm quyền có một tiềm năng sợ rất lớn. Bọn ta hãy cố làm cho ra một chế độ trong đó, những kẻ khốn khổ như Jo đỡ

thấy sợ.

Cái bừa mạ kềnh giở lên, hai cánh cửa chạy dạt sang hai bên để đón họ. Ông Propter tiếp tục nói:

- Phải làm một chế độ làm giảm tới mức tối thiểu cái tiềm năng hiện có về sợ hãi, băn khoăn, đau khổ, đồng thời với sự khao khát quyền lực. Nghĩa là về mặt kinh tế, con người phải được bảo vệ khá an toàn để xóa đi nguồn lo lắng ấy, có vừa đủ của cải để không bị kẻ giàu bắt nạt nhưng không để ai bóc lột kẻ khác...

- Giống như trong ruột xã hội nông dân thời cổ...

- Cộng thêm chút ít máy móc, chút ít năng lượng... Nhưng cộng đồng tự túc.

- Thế ai làm ra các cái khác? Những nông dân khác ư?

- Những cái khác thì cứ để như bây giờ, cho là một phần ba của cái xã hội đi. Hai phần kia làm ở nhà, làm tại chỗ...

- Ông nghĩ là mọi người vui lòng trở về nhà sao?

- Đấy, đấy! Tôi cũng đã nghĩ tới chỗ đó - Ông Propter cười - Thực thà mà nói, tôi biết rõ họ không rời bỏ thành thị, tôi cũng không chờ họ thôi đấu đá lẫn nhau, thôi làm cách mạng. Tới chỉ hy vọng sẽ có đôi ba người hưởng ứng...

- Chỉ đôi ba người thôi? Sao ông không nghĩ tới số đông? Phải nghĩ tới số đông chứ, bằng cách này hay cách khác.

- Cách này hay cách khác, đúng. Nhưng có những lúc chẳng làm gì được cả. Ta chỉ làm được khi người ta muốn hoặc người ta có thể cộng tác với ta. Hiện tình bây giờ là thế này. Dân chúng ở tất cả các nước phát triển đều bị đe dọa, tất cả đều muốn thoát ra khỏi hiểm hoạ treo trêu đầu.

Nhưng họ không muốn thay đổi cách nghĩ, cách làm. Nói cách khác, họ không thể cộng tác với ta, họ không chịu thay đổi...

- Vấn đề lại tắc tịt! -Peter cười và anh ngoảnh lại nhìn bức tượng nàng tiên của Bologne vẫn nhẫn nại phun hai tia nước lấp lánh qua nền trời đen như nhung.

Chú thích

(1)Jeremie Bentha (1748 - 1832) triết gia thực dụng Anh. Khẩu hiệu của ông: "Hạnh phúc tối đa cho số đông tối đa".

(2)Tiên tri Jeremie viết khổ thơ "Than khóc", sau trở thành Thánh ca trong mùa lễ Trọng.

Vị Bá Tước Thứ Năm Của Giòng Họ Hauberk

Aldous Huxley
www.dtv-ebook.com

Chương 11

Tòa lâu đài lủng củng những tranh tượng với giáp sắt. Một chiếc quách cổ bằng đất nung của dân Etrusque được dùng để cắm dù ngoài tiền sảnh 1. Jeremy cảm thấy vui vui như ở trong nhà mình. Giống như một bà gái già kỹ tính, ông phân loại của nả trong nhà: Hy l.ạp, Mehicô, mông đàn bà, thánh giá, cơ giới cổ đại, Georges đệ tứ, Thích ca mâu ni, khoa học, khoa học Cơ Đốc, khoa tắm hơi... tất cả cái gì cũng có tên gọi. Và mặt hàng này chẳng có liên quan gì tới mặl hàng kia. Ông xoa tay, nhắm mắt sau cặp kính dày, ông nói:

- Lúc đầu thấy khó chịu, nhưng bây giờ thì tôi thấy thích. Được sống trong nhà một thằng khùng.

- Tôi cũng vậy, - ông Propter nói - Kiểu sống này rất phổ biến.

Jeremy thấy buồn lòng. Ông nghiêng đầu về phía bức tranh Greco:

- Loại này đâu có nhiều.

- Đúng là không nhiều. Đâu dễ gì tạo ra một lâu đài cho những thằng khùng bằng bê tông và trang trí bằng những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời như thế này.

Họ bước vào thang máy. Thang máy dừng. Peter mở cửa. Ba người bước ra khoảng hành lang hẹp quét vôi ở tầng hầm thứr ba của lâu đài. Họ đi dọc hành lang. Ông Propter nói:

- Nếu anh thích sống yên tĩnh, sống vô trách nhiệm thì không gì bằng sống trong thế giới của những thằng ngu". Miễn là anh làm

quen được với cái ngu. Nhiều người không quen được. Họ bèn trở thành học giả, thành giáo sĩ... À, các anh làm việc ở đây ư?

Jeremy gật đầu mở cửa.

- Cái kia là hồ sơ Hauberk đấy ư? Họ ấy dường như không còn tước vị gì nữa thì phải! - Propter tiếp.

Jeremy gật đầu nói:

- Cả gia đinh ấy cũng chẳng còn gì. Chỉ còn mỗi cái nhà có ma với hai bà gái già không một xu dính túi. Hai người đàn bà cụ tộc sa sút... Họ đành phải bán lại kho gia phả.

Jeremy bước tới bàn, lấy ra một tập hồ sơ. Ông Propter liếc qua rồi kêu lên:

- De Molinos!

- Tôi nghĩ là ông say cái này.

Ông Propter mỉm cười:

- Say! Đây không phải là thứ rượu tôi ưa dùng. Ông ở Molinos tội nghiệp này, có một cái gì đó dở hơi. Một thoáng - nói thế nào nhỉ - một thứ đa cảm ngược chiều. Ông ta thích đau khổ, đau khổ về đường tinh thần, thích cõi đêm đen tối của linh hồn... Ame o Dios... Yêu Chúa...

- Yêu Chúa nơi Người. - Jeremy nói.

- Hiểu thế nào được Chúa. Khi nghĩ, chúng ta nghĩ theo kiểu người, không cao hơn, không thấp hơn. Cho rằng ta có thể hiểu bằng trực giác những gì cao hơn tầm người, nhưng làm sao nói lại cho người khác hiểu? Về Chúa, về tâm linh, và vĩnh cứu...

Jeremy e hèm, tay sờ lên đỉnh đầu:

- Trong khi đó, ta có thể diễn tả khá rõ những vấn đề... Những vấn đề hơi riêng tư thuộc và bản chất động vật của con người...

- Tôi nghĩ con người xưa nay vẫn có xu hướng thích hành động, thích cảm xúc hơn là thích tìm hiểu. Hãy ngẫm lại ngôn từ mà loài người thừa hưởng. Chúng hết sức hiệu nghiệm để gợi lại những cảm giác kích động sử dụng chúng để tìm hiểu những vấn đề khách quan rất khó. Cho nên trong nhiều lĩnh vực, phải tạo ra một ngôn ngữ riêng để dùng, như trong toán học, khoa học, kỹ thuật chẳng hạn, nó chính xác hơn và nhất là nó không bị cảm xúc quấy rầy. Còn văn chương thì lại khác. Người ta đọc văn chương để sống lại những cảm giác, tình cảm đã qua.

- Những kinh nghiệm trong thời gian - đọc bằng ngôn ngữ ta có. Dùng chúng để diễn đạt những kinh nghiệm ngoài thời gian thì rất hạn chế...

- Thí dụ? - Peter hỏi.

- Lấy một từ đơn giản nhé: Tình yêu. Tình yêu ở tầm cỡ con người là... là cái gì cũng được. Từ mẹ ta cho tới Hầu tước Sade. Chúng diễn đạt vô số trạng thái tinh thần khác nhau, những xử sự khác nhau. Chỉ giống nhau ở một điểm: bao giờ chúng cũng khơi dậy những kích động giác quan, những ý nghĩ thèm thuồng. Dùng chúng trong những trạng thái cao hơn thật hết sức bất tiện. Cho nên, khi nói tới tình yêu lý tưởng, tình yêu tổ quốc hay tình yêu Chúa, chẳng hạn lẽ ra ta phải dùng từ: Tình yêu X về cái gì đó để người nghe có dịp cân nhắc.

- Ông lại nói đến thần học. Người ta tạo ra được một loại ngôn ngữ khá dễ hiểu ở đó. - Jeremy nói.

- Không. Hoàn toàn không. Cũng giống như khi nói về cái đẹp trong nghệ thuật, ta đừng nên nhắc tới các nhà phê bình chuyên nghiệp.

- Bởi họ chẳng hiểu gì về chuyện họ nói?

Ông Propter mỉm cười:

- Tôi không nói như vậy. Chỉ nói rằng những điều họ biết chẳng có gì đáng nói cả.

- Như vậy ta không có lối thoát sao, cả ngôn ngữ, cả về sự cảm nhận nghệ thuật? - Peter hỏi.

- Có đấy. - Ông Propter cười lớn thành tiếng,

- Lối thoát đó rất thực tế: bằng kinh nghiệm trực tiếp.Anh muốn biết bức "Đóng đinh Thánh Pie" của Greco nói cái gì chứ gì? Hãy dùng thang máy lên lầu mười bốn. Chỉ tiếc một điều trong trường hợp ngôn ngữ và nghệ thuật thì không có thang máy. Anh phải lội bộ lên và số bậc thang phải leo là kinh khủng.

◦

Bác sĩ Obispo ngẩng lên, tháo ống nghe cho vào túi, để nó nằm chung với Một trăm hai mươi ngày ở Sodome.

- Không việc gì chứ? - Ông Stoyte lo lắng hỏi.

Bác sĩ Obispo lắc đầu mỉm cười:

- Không phải cúm. Hãy biết thế. Phổi ông hơi rè một tí. Tối nay trước khi đi ngủ tôi sẽ tiêm cho một mũi.

Mặt mày ông Stoyte nở nang:

- Tôi rất hài lòng - Ông nói và quay sang đống quần áo chất dưới bức Watteau.

Từ sau quày giải khát, Virginia hét lên một tiếng:

- Hay quá - và đổi giọng: - Bác Jo biết không, ông bác sĩ làm em

hết hồn. Bác ho làm em lo quá!

Bác Jo nhăn nhó vì niềrn vui chiến thắng. Bác đấm ngực thùm thụp làm cho chỗ thịt lông lá có khối lượng tương đương một bộ ngực đàn bà rung lên như những tảng thịt đông.

- Cái thùng còn chắc lắm! - Bác khoe.

Virginia nhíu mày nhìn bác Jo qua miệng chiếc cốc cầm trong tay. Gương mặt thơ trẻ ấy là một gương mặt hoàn toàn bình thản, nhưng sau đôi mắt xanh, đầu óc cô đang sôi sục.

- Hú vía! Hú vía! - Cô lặp đi lặp lại. - Chỉ còn bằng chân tơ kẽ tóc!

Cô nhớ lại tiếng cửa thang máy bị xô bật, tiếng chân hối hả dọc hành lang. Cô nhớ, người cô run bắn lên, vừa sợ, vừa sung sướng, hồi hộp xen lẫn chiến thắng, cảm giác ngày bé khi cô chơi trò ú tim trong bóng tối. Vâng, chỉ một tẹo nữa! Và Sig mới tỉnh táo làm sao. Cái ống nghe trong túi. Sáng kiến tuyệt vời. Không có cái ống nghe ấy xem, bác Jo sẽ nổi một cơn ghen khủng khiếp! Mà ông ta có quyền gì cơ chứ? Virginia cảm thấy đạo đức của cô, giá trị của cô bị xúc phạm. Cô chẳng nghĩ chuyện gì bậy cả. Những câu chuyện cổ đọc to, thế thôi. Một phụ nữ trẻ

không có quyền đọc những cái đó sao? Mà lại bằng tiếng Pháp. Bác Jo để ở đâu ra cơ chứ? Nổi khùng lên với người ta vì một chuyện kể ngộ nghĩnh, thế còn ông ta thì suốt ngày làm cái gì? Nói là tám giờ về, rồi mới bảy giờ mười lăm đã lừng lững bò về. Rình cái gì? Không dễ đâu. Cho đáng kiếp. Sig đọc đúng câu chuyện đó! Cho đáng kiếp lão già. Rình rập hả. Định chộp cô hả, cô có làm gì đâu! Đã thế cô sẽ bảo Sig mỗi ngày tới đây đọc một cbuyện. Mà cái ông Hầu tước kia làm thế nào tài kể nhỉ. Một trăm hai mươi ngày, nghĩa là một trăm hai mươi ngày đêm. Khiếp thật! Có những chuyện thực ra cô không dám bắt chước. Những chuyện nhói tim, nhức nhối! Chết cười nữa! Cái đoạn bắt Sig phải đọc lại hai ba lần

ấy. Sig binh thật, chơi cho lão già một vố sau bữa trưa. Rồi cái đoạn người đàn bà...

- Này, Bé em! - ông Stoyte cài chiếc cúc sau cùng trên áo gi-lê, ông nói:

- Này, Bé em! Sao bé im lặng thế, không nói gì cả. Bé em đang nghĩ gì vậy?

Virginia hếch cái môi ngắn ngẩu lên mà cười, cái môi làm cho quả tim ông Stoyte tan ra thành những niềm âu yếm, những thèm khát tràn trề. Cô nói

- Em nghĩ tới bác Jo!

Chú thích

(1)Thời thượng cổ, dân Etrusque có tục chôn ngồi.

Chương 12

Jeremy nhìn đồng hồ. Đã nửa đêm, 12 giờ kém ba phút. Ông gấp tập thơ Wordsworth đặt lên đầu nằm - ông tiếc là tập Felicia bị Obipso tước mất. Ông gỡ kính. Đôi mắt không còn được sáu diop rưỡi hỗ trợ, liền trở thành một thứ tuyệt vọng của cơ thể. Không còn kính, đôi mắt ông giống như đôi cá lờn nhờn bị vớt ra khỏi mặt nước. Rồi đèn tắt và ông có cảm giác đôi cá lại được một bàn tay nhân từ thả vào bể nước.

Jeremy ngáp dài dưới tấm chăn. Qua một ngày kỳ lạ! Bây giờ thì tạ ơn Chúa, cái giường này chính là thiên đường đây. Giấc ngủ, nàng tiên sủng ái của thượng đế đang thò đầu qua chiếc giường vàng. Nhưng chiếc chăn lại là chăn vải, chứ không phải là chăn len. Hơi tồi so với cung cách ngôi nhà này. Ngôi nhà này đầy những Greco mà chăn thì là chăn vải. Bức "Đóng đinh Thánh Pie" quả là một cái máy dễ sợ. Đẹp không thua bức "Lên trời" giữ ở Tolede - tiện thể nói luôn là đã bị một quả bom phát xit tiêu diệt. Để chứng minh rằng khi người ta quan trọng hoá cái gì thì y như rằng cái đó hỏng. Nhưng dù sao, ông gi à Propter cũng có lý. Con người ấy trông oai thật! Nhiều đường nét của người thuỷ thủ gi� 1. Ông sẽ viết thư kể cho mẹ nghe về ông già này, người khách hay đấm ngực trong ngày lễ cưới 2, có lẽ ông ta nên đấm ngực nhiều hơn nữa khi ông vung ra những ý nghĩ hết sức táo bạo của ông "Tiện nghi tối thiểu và bất tiện nghi tối thiểu" (kiểu bất tiện nghi trong các tập dâm thư Felicia và "Một trăm hai mươi ngày". Giọng nói của ông quà có sức thuyết phục. Người thủy thử già không những thôi miên người bằng ánh mắt mà còn bằng chiếc kèn đồng của ông ta. Tất nhiên người đời không dễ dàng để cho ông lật đổ những thuận tiện và bất tiện trong cuộc sống động vật của họ,

không để ông đưa tôn giáo qua ngưỡng cửa gia đinh. "Nhà ở của người Ăng lê là lâu đài của họ". Thế mà lạ thay, cái lâu đài của một anh chàng Mẽo lại trở thành ngôi nhà của ông già Ăng lê này. Ngôi nhà trí tuệ. Cũng giống nó, tư tưởng của ông ta không có lối ra, nó ngoằn ngoèo như con sâu đo, nó như… Jeremy thiếp đi trong giấc ngủ nhẹ nhàng.

o O o

Trong một căn buồng khác của lâu đài. Peter Bonne cũng đang thức. Anh ta không muốn ngủ. Anh ta đang phân tích về khoa học và cụ Propter, về công bằng xã hội, về sự vĩnh hằng, rồi về Virginia, về chính nghĩa chống phát xít.

"Cuộc đi tìm chân lý một cách vô tư…(Vô tư đối với một người làm công tác sinh học, câu ấy quả khó nói). Còn đối với chủ nghĩa xã hội thì hẳn rồi, chân lý phải là "Nhân loại" là "Hạnh phúc tối đa cho số đông tối đa" là "Tiến bộ"… Nhưng dù sao, anh vẫn cảm thấy mình là một kẻ có đạo. Ngay cả thời kỹ chiến đấu ở Tây Ban Nha. Ngay cả trong vấn đề Virginia…

Trở lại câu chuyện truy tìm chân lý. Ông Propter nói có lý. Sinh học và các khoa học khác đều chỉ là sự truy tìm. Một khía cạnh của chàn lý. Mà, thật một nửa, tức là dối. Vậy thì trong lúc ta vẫn tin ở một nửa sự thật ta đang nắm, ta phải hết sức vô tư đi tìm cái nửa sự thật còn lại. Ta có đủ sức không? Trong khi chờ đợi thì Virginia…

"Anh không thể yêu em đến thế, nếu như anh không yêu… cái gì nữa nhỉ?". Cho đến nay "Cái gì nữa nhỉ". Đối với anh tức là sinh học là chủ nghĩa xã hội.

Đôi mắt kia xanh lơ, trong suốt, đôi môi kia… Đôi môi kia thì ngây thơ. Nàng dễ thương làm sao, đầy biệt nhãn đối với anh. Anh nhớ lại lúc tối, khi anh hỏi thăm tình hình bác Jo thì nàng ghé tai anh thì thầm:

- Đừng nói nữa. Bác Jo nghe được lại buồn. Ông bác sĩ vừa mới khám cho bác bằng cái ống nghe, dường như bác làm sao ấy mà có khi cũng chẳng làm sao cả.

Không những đẹp. có duyên, ngây thơ mà còn ý tứ, còn biết lo cho người khác nữa. Và nàng tỏ ra quan tâm đến anh suốt một buổi tối, hỏi anh về công việc, kể cho anh nghe về cái thời trẻ, khi nàng sống ở Dregon, nàng yêu cầu anh kể chuyện gia đình anh… Sau cùng thì ông Stoyte tới ngồi cạnh hai người - im lặng, mặt sa sầm như sắp nổi cơn bão, Anh ném cho nàng một cái nhìn dò hỏi, nàng ném trả anh một cái nhìn trợn trừng nó có nghĩa: "Thôi, đi đi". Và một cái nhìn khác đầy van lơn xin lỗi anh, khi anh đứng lên chào tạm biệt. Cái nhìn thông cảm, hiền lành, âu yếm, chỉ nghĩ tới đó anh đã muốn khóc. Anh khóc thật, lòng tràn đầy hạnh phúc trong bóng đêm.

o O o

Đục vào trong tường giữa hai chiếc cửa số là một cái khoang, có lẽ ngày xưa dùng làm tủ sách. Nhưng vì Virginia không mấy ưa sách, cái khoang được trang bị thành một cái trang thờ, che bằng đôi rèm nhung trắng (trong căn buồng này mọi thứ đều trắng) 3. Trong trang thờ, Thánh Mẫu Đồng Trinh đứng bên nhành huệ trắng, mặc áo bằng lụa thật, đầu đội mũ triều thiêu bằng vàng ròng, đeo sáu xâu chuỗi ngọc bích quanh cổ.

Vigirnia mặc bộ đồ pyjama trắng, chân trần, quỳ trước ngôi nhà búp bê thiêng liêng, đọc kinh chiều, cô thấy tối nay dường như Thánh mẫu có vẻ đặc biệt hiền lành phúc hậu.

Ngày mai - cô nghĩ bụng sáng ban mai, cô sẽ xuống dưới nhà nhờ bà hầu phòng giúp khâu một cái áo khoác bằng lụa xanh cho Đức Mẹ. Một cái áo khoác lụa, đằng trước đính cúc vàng - không, một sợi dây chuyền vàng hay hơn, buộc hờ, buông thõng xuống tới chân Đức Mẹ. Ồ! Đấy mới là hết ý! Cô muốn trời sáng ngay lập tức để cô bắt đầu cắt áo.

Lời nguyện sau cùng đọc xong, Virginia làm dấu thánh, đứng lên. Mắt tình cờ nhìn xuống, cô nhận ra ra mất chỗ bong sơn ở hai ngón chân trái. Một phút sau, cô đã ngồi bệt xuống đất, cạnh giường, chân phải duỗi thẳng, chân kia co lại, chuẩn bị tô sơn. Cạnh cô là cái chai đã mở nút, tay cô cầm cái cọ nhỏ. Mùi cồn xông lên nồng nặc át hẳn mùi nước hoa "Chọc giận" cô xức trên người.

Nhớ lại lúc bác Jo đẩy sầm cửa bước vào, cô lại thấy rùng mình, kích động. Rồi khi nghĩ tới Sig với cái ống nghe, chiếc môi trên của cô từ từ nhếch lên thành một nụ cười tinh nghịch. Rồi quyển sách kia - đáng đời bác Jo - Sig tới đọc cho cô nghe từng đoạn từng đoạn. Rồi giữa những đoạn đọc to, Sig tự cho quyền ưu tiên tới ôm chặt lấy cô, cái ấy cũng đáng kiếp bác Jo, ai bảo đi rình rập cô.

Cô nhớ những lúc cô trừng trị Sig. Không phải vì những điều vi phạm, bởi cái đó là đáng đời cho bác Jo (chỉ sau khi bị tấn công, cô mới thấy là đáng đời bác Jo). Cô thấy những điều Sig tự cho phép làm, nhưng điều ấy quả là tuyệt. Về phương diện này, bác Jo chả đi đến đâu - thật ra có thể nói là bác Jo đi giật lùi, dưới con số không nhé. Bác chẳng bằng ai cho nên khi bác đã qua cái cầu đó thì bất cứ ai kha khá một chút đều làm cô thoả mãn. Không, cô không ghét chuyện bác Jo lắm, cô ghét kiểu làm của bác. Bác chẳng coi cô ra gì cả. Bờm xờm, lúc thường chẳng nói làm gì, lúc ôm ấp hẳn hoi, bác cũng cười cợt, coi cô như gái đứng đường không bằng. Chẳng chút văn hoá, chẳng chút lịch sự gì cả. Chỉ có kiểu cười cười và những chuyện tục tĩu. Có thể là khi đã đời rồi người ta hay thế, nhưng cô không thích.

Cho nên khi nghe đọc quyển sách kia và gần một gã đàn ông quyến rũ như Sig thì cô thấy quả là nên thơ thật. Nên thơ như trong xinê ấy, dưới ánh trăng, trong điệu nhạc Swing, lắc lư, với những cái hôn hít để rồi cuối cùng, người ta không thấy là mình đã phạm tội, điều làm cho Đức Mẹ Đồng trinh buồn lòng lắm… Virginia thở dài não ruột và lập tức gương mặt cô liền lấy lại vẻ

bình thản của thiên thần. Rồi cô lại thở dài, chau mày, lắc đầu. Phải chi Sig dịu dàng một chút, đừng có tỉnh táo quá, đừng có sống sượng quá! Sig làm mất cả thơ mộng, làm cho người ta phát bực. Thật đáng tiếc cho cả hai.

Lớp sơn đầu chắc đã khô. Cô thổi lên ngón chân, bắt đầu tô lần thứ hai. Đằng sau cô, cánh cửa phòng bỗng mở rất nhẹ và khép lại cũng rất nhẹ.

- Bác Jo đấy ư? - Cô hơi ngạc nhiên hỏi, nhưng vẫn không ngửng lên, tiếp tục sơn.

Không có tiếng trả lời, chỉ nghe tiếng bước chân bước tới gần.

- Bác Jo phải không? - Cô lại hỏi và quay lại.

Bác sĩ Obispo đứng sau lưng cô, người hơi khom xuống.

- Sig! - Giọng Virginia chỉ còn là một tiếng thở dài. - Ồ, anh làm cái gì vậy?

Bác sĩ Obispo nở một nụ cười chế giễu, nụ cười thèm thuồng cực độ, đồng thời lại là nụ cười tò mò, nhạo báng.

Tôi nghĩ là chúng ta có thể tiếp tục buổi học Pháp văn…

- Anh liều thật! - Cô lo lắng nhìn ra phía cửa.- Lão ta ở phòng bên kia, ngay tnrớc mặt. Lão có thể ập vào…

Nụ cười của bác sĩ Obispo biến thành một tiếng cười gằn khinh bỉ.

- Cô đừng lo cho bác Jo.

- Lão giết chết anh đấy, nếu lão bắt gặp anh ở đây!

- Lão không thể bắt gặp tôi. Tôi vừa tiêm cho lão một liều thuốc ngủ. Hồi kèn phán xét cuối cùng, đại bác nổ, cũng không đánh

thức được lão giờ này!

- Ồ. anh tởm quả! -Virginia hầm hầm nói, nhưng rồi cô lại phì cười. Phần vì cô đã hết sợ, phần vì cô nghĩ đến bác Jo đang ngáy phì phò ở ngay cạnh họ, trong khi Sig đọc cho cô nghe cái chuyện ấy.

Bác sĩ Obispo rút trong túi ra quyền "Nhật tụng La Mã" và lấy điệu bộ quân tử:

- Cô cứ làm việc. Công việc của người đàn bà thì có bao giờ dứt… Cô cứ coi như tôi không có ở đây… Để tôi tìm đoạn đọc dở.

Rồi tặng cho cô một nụ cười dâm đãng, Obispo ngồi ghé lên cái giường kiểu cổ và bắt đầu lật sách. Virginia mở miệng định nói câu gì, cô duỗi chân, khép chặt lại như đề phòng một sự vi phạm nào đó nhưng thật ra là để thỏa mãn một nhu cầu còn cấp bách hơn nữa. Sơn khô từng mảng, phải nhanh chóng tô đều, nếu không, ngón chân sẽ lên màu nham nhở. Cô chấm bút vào chai sơn và tiếp tục tô màu với sự tập trung cao độ của một họa sĩ vẽ chân dung.

Bác sĩ Obispo ngẩng đầu lên nói:

- Tôi rất phục cái kiểu cách của cô đối với Peter lúc tối. Cô tán suốt buổi với hắn làm cho lão già phát khùng lên vì ghen. Cái cú đó phải nói là bậc thầy, hay phải nói là bậc bà?

Virginia trịnh trọng nói:

- Peter là một chàng trai dễ thương.

- Nhưng hắn bất lực - Obispo nói, và với điệu bộ vừa lịch sự vừa cố tình tỏ ra khiếm nhã, hắn ta nằm trườn ra trên giường, tự tiện như ở nhà mình.

- Nếu không thì làm sao hắn lại yêu cô bằng kiểu ấy - Hắn cười

sằng sặc - Tội nghiệp thằng bé. Hắn coi cô như một thiên thần, một thiên thần be bé ở trên trời, có cánh, có thụ cầm, còn trinh hoàn toàn, mười tám cara, ba mươi sáu rubi, chế tạo tại Thụy Sĩ. Ý nghĩ của một thằng bất lực, thứ thiệt…

- Anh đợi đấy. Tôi sẽ trị cho anh một trận - Virginia vẫn không ngẩng lên vì công trình nghệ thuật đang ở giai đoạn hoàn tất.

Obispo không để ý lời đe, sau một lúc im lặng, hắn nói:

- Ngày xưa tôi coi thường văn chương. Bây giờ tôi không dám coi thường nữa! - Và lấy lại giọng của một văn sĩ đọc bản thảo của chính mình, hắn nói tiếp. - Ôi, bài học của một áng văn chương vĩ đại! Biết bao sự thật thâm trầm trong quyển sách này: Một kho đạo đức!

- Ồ, câm mồm! - Virginia nói.

- Khi tôi nghĩ đến món nợ đối với Dante và Goethe! Nhờ Goethe, tôi biết rằng khi con cái đọc sách cho nhau nghe, thì chúng nên tống cho bố già một liều thuốc ngủ như bác sĩ Faust đã làm.

Móng chân đã tô xong. Tay vẫn giữa bàn chân ở tư thế che chở lớp sơn, Virginia giận dữ nước với ông khách quý:

- Tôi cấm ông không được gọi bác Jo là bố già!

- Được, vậy thì xin gọi bố lão già vậy.

- Ông ta còn hơn anh gấp vạn lần. Anh chưa đứng tới gót chân ông ta đâu - Virginia thấy là mình đang nói thực. - Tôi, tôi thấy là bác Jo rất bảnh!

- Cô thấy là bác Jo rất bảnh. Nhưng chỉ mười lăm phút nữa thôi, cô sẽ ngủ với tôi.

Hắn vừa cười vừa nói và vẫn nằm sấp nguyên chỗ cũ, hắn với

tay nắm lấy hai cánh tay Virginia, ở chỗ dưới đôi vai một chút. Virginia kêu lên, vùng vẫy.

- Coi chừng hỏng sơn trên ngón chân đấy! - Hắn nói và lợi dụng lúc Virginia lưỡng lự, hắn chồm tới chỗ mùi hương "Chọc giận" đang nồng nàn hắn áp chặt mồm vào cái cổ thon dịu…

Virginia ngoảnh đầu, văng ra một câu chửi tục, đồng thời cô cảm thấy một cơn ngứa ngáy tế nhị và dễ chịu tuôn ra song song với câu chửi.

Lần này bác sĩ Obispo hôn lên mang tai cô, rủ rỉ:

- Cô có muốn tôi nói cho cô nghe là tôi sẽ làm gì cô không nào?

Cô trả lời hắn là một thằng chó đểu, nhưng hắn vẫn cứ nói hết, nói kỹ vào tai cô.

Một hồi sau, Virginia mở rnắt, cô thấy trong phòng đèn đã tắt. Ở đầu đằng kia, trong căn nhà búp bê rực sáng, Đức Mẹ Đồng Trinh đang nở một nụ cười khoan dung giữa làn hoa huệ trắng.

Cô kêu lên một tiếng thẹn thùng và cứ thế, cô đâm đầu chạy tới kéo hai bức rèm lại. Đèn trong điện thờ tự động vụt tắt. Quờ quạng trong đêm đen, cô dò bước trở về giường.

Chú thích

(1 - 2)Nhắc lại bài thơ "Người thuỷ thủ già" của Colleridge.

(3)Để ứng với cái tên Virginia - nghĩa là trinh trắng.

Vị Bá Tước Thứ Năm Của Giòng Họ Hauberk

Aldous Huxley
www.dtv-ebook.com

Phần Ii - Chương 1

Vẫn dồi dào tin tức như thường lệ", Jeremy viết cho mẹ trong thư. "Tin tức đủ loại, đủ mọi thời kỳ. Để mở đầu là tin này, liên quan tới vị Bá tước thứ hai. Giữa những lần bại trận dưới trướng Hoàng đế Charles Đệ nhất, vị Bá tước thứ hai làm thơ. Ông ta là một nhà thơ, mẹ ạ, một nhà thơ tồi như hàng ngàn nhà thơ không may mắn khác. Nhưng cũng có lúc khá đạt, như đoạn này con vừa tìm được hôm qua, mẹ đọc thử xem sau:

Một ngọn đèn búp măng

Thế cũng là quá đủ

Tình yêu cần tối tăm

Chẳng cần đôi mắt nữa

Thịt da thừa khả năng

Đèn là môi với răng!

Dễ thương đấy chứ? Nhưng loại này có ít. Phải chi ông ta đừng làm thơ nữa. Nhưng đấy cái tệ ở các nhà thơ, lớn hay nhỏ: họ không chịu khép vali lại, như ta thường nói bây giờ. Hay biết bao nhiêu nếu phần còn lại của Wordsworth là im lặng, hay phần còn lại của Colleridge, của Shelley cũng vậy.

Nhưng vị bá tước thứ năm mới lắm chuyện! Hôm qua con tìm được một quyển sổ ghi chú linh tinh. Trang đầu có cái này:

Huân tước Chesterfield nói với người con trai của ông rằng một "Tôn ông" không bao giờ được sẵng giọng với người hầu, hay

người ăn xin dọc đường. Tôn ông phải thản nhiên nhắc người hầu, phải thản nhiên từ chối kẻ ăn xin hiểu là Tôn ông từ chối, tỏ bằng một thái độ hết sức từ tốn.

Ngài huân tước đáng kính lẽ ra nên nói thêm rằng sự thản nhiên kia làm cho người ta khiếp sợ còn hơn một cơn thịnh nộ, và sự từ tốn kia còn nhức nhối hơn một câu chửi. Nhưng chưa hết. Cái nghệ thuật đối xử này không chỉ riêng đúng với đày tớ và ăn mày. Nó còn là một nghệ thuật rất tế nhị để xúc phạm một người đàn bà gắn bó với ta bằng cách tạm quên đi một thời gian dục tính của ta. Với cách ấy, ta nhiếc mắng thân thể nàng bằng tất cả phép lịch sự của một tôn ông cao quý nhất.

- Mẹ thấy sao? Con sẽ tiếp tục thông bảo với mẹ về những phát hiện tiếp sau trong lĩnh vực này.

Còn tin tức hiện tại thì kỳ cục, lộn xộn, hơi khó chịu. Trước tiên là bác Jo mặt cứ sa sầm suốt mấy ngày nay. Con nghi đó là do con yêu tinh mắt màu lục 1. Còn con yêu tinh mắt màu lam (Dùng danh từ khác tức là cô Maunciple.- Em bé) thì thường đảo mắt nhìn Peter thời gian gầu đây. Cô còn đảo cái gì ngoài đôi mắt không, cái đó không ai biết, nhưng con nghĩ, cô có cái vẻ thẫn thờ xa vắng của một kẻ mộng du, chỉ vì ta thường thấy trên gương mặt những người đàn bà tảo tợn lao vào những cuộc tình nguy hiểm. Gương mặt "Tiền Raphael" 2. Có điều nhân vật của Raphael mặc hàng thước nhung lụa, đằng này "Em bé" chỉ mặc độc một cái quần "soóc'" với cái áo sơ mi cao bồi. Dù sao để bảo vệ danh dự "Em bé", con cần phải nói rằng đây chỉ là một giả thuyết của con, một cách để giải thích gương mặt "Em bé" thôi. Cũng càn nói thêm nó không nhất thiết là do hậu quả mỏi mệt của những cuộc tình. Hoặc giả do "Em bé" bị bố Propter thuyết pháp, nên tình trạng ngơ ngác kia có thể là tình trạng Ngộ kéo dài của Thiền chăng?

Điều đó làm bác Jo nổi cáo với bất cứ ai, nhất là đối với con, vẫn mang tiếng trí thức. Bác Jo ghét sách vở, ghét mọi thứ văn hoá

như bọn Hung Nô có điều khác với Hung Nô là thay vì đốt phá các công trình văn hoá, thì bác Jo tìm cách chiếm hữu. Đối với những kẻ có tài năng, có trí thức, bác thu nhận họ về làm và bác mắng chửi họ chứ không giết chết họ như bọn Hung Nô thường làm (nhưng nếu có dịp và có quyền, chắc bác cũng làm như bọn Hung Nô thôi).

Tóm lại, khi không được ngồi an toàn ở dưới hầm với các Bá tước Hauberk, con phải làm ra vẻ tươi tỉnh, luôn mồm lẩm bẩm "Thùng nước lèo! Thùng nước lèo" để khỏi phải buồn phiền về cái sự thất học của bác Jo. Tất cả chuyện đó khó chịu, nhưng dù sao vẫn chịu được nhờ sự an ủi nơi các bá tước Hauberk, một sự đền bù lớn lao.

Đấy là về mặt trận văn hoá và dâm dục. Về mặt trận khoa học, thì tin tức cho biết loài người chúng ta sắp có khả năng sống dai như cá sấu. Khi viết cho mẹ tin này, con chưa biết con đã có đủ can đảm sống dai như cá sấu không"

Viết đến đây Jeremy bỗng thấy ân hận. Đến tháng tám này, mẹ ông tròn bảy mươi bảy tuổi, dưới cái vẻ lễ độ, tỉnh thành, dưới lớp men rạn của câu chuyện thù tạc khá là rôm rả của bà, ông nhận thấy bà cụ vẫn còn say mê cuộc sống… Tất nhiên, cụ lạnh lùng nhắc đến lúc cụ sẽ ra đi, cụ buông ra những câu đùa về cái chết đã gần kề, về cái tang của cụ. Nhưng ở bên dưới vẻ cười cợt ấy, Jeremy biết, cụ có một quyết tâm sắt đá, bám chắc lấy những cái gì còn lại, tiếp tục làm những gì cụ vẫn làm, nhạo báng cái chết, mặc kệ tuổi già. Nói chuyện cá sấu sợ làm mẹ buồn, Jeremy bèn lấy một tờ giấy khác bắt đầu viết lại đoạn thư.

"Đấy là về mặt trận văn hoá và dâm dục. Về mặt trận khoa học, thì chưa có tin gì mới, ngoài chuyện ông Obispo tỏ ra có cuồng vọng hơn bao giờ hết. Đấy không phải là nhân vật con ưa thích, nhưng cũng khá ngộ nghĩnh, nhất là khi ta muốn bì bõm lội chơi vài phút trong cống rãnh với hắn. Vấn đề trường sinh dường như

đang tiến triển tốt.

Vậy thôi chẳng còn gì để nói nữa. Câu nói như hồi còn bé con viết thư cho mẹ từ nơi trọ học, bằng thứ chữ to như con gà mái để cho chóng hết trang giấy. Chẳng còn gì nói nữa mẹ ạ!

Chú thích

(1)"Sự ghen tuông, con mắt yêu màu lục" (Othello)

(2)Raphael (1483-1520) thường vẽ các nhân vật trần truồng lên tranh rồi mới vẽ phủ quần áo lên cho chi tiết được chính xác. Tiền Raphael là để chỉ các chi tiết ấy (thường là các thánh nam, thánh nữ)

Chương 2

Sáng hôm sau ngủ tới mười giờ. Virginia mới thức giấc, nằm dài trên giường, đầu tựa gối, cô đau đớn thấy mình sống dậy giữa đời thường nhật, xa rời thung lũng đêm và những cái chết trong đêm. Cô đã chết, đã biến thành một kẻ khác trong cuộc tình và bây giờ cô trở lại là cô, mệt mỏi rã rời, là Virginia cùng bác Jo, Virginia yêu Đức Mẹ từ nhỏ. Và thế là tình thế mới đã đến.

Kể từ nay cô chơi nước đôi với bác Jo không chỉ bằng những câu nói dối vụn vặt mà lần này là cố tình, có hệ thống. Và không chỉ với bác Jo, với Peter cũng thế. Cô nói chuyện với anh suốt ngày, đưa đẩy, tình tứ, để bác Jo đừng nghi Sig. Nhưng cô cũng thích bác Jo nghi ngờ Sig về một chuyện gì đó và mong có ngày bác Jo nện cho hắn một cú đấm vào giữa quai hàm, cho hắn đi đời nhà hắn. Rất thích thế! Nhưng trong khi chờ đợi, cô vẫn che chở hắn.

Thế đấy. Bây giờ thì cô lừa dối tất, vâng, lừa dối. Biết như vậy rồi cô thấy buồn và xấu hổ, cô không còn đùa giỡn với mọi sự như trước đây được nữa? Cô tỉnh táo lại, cô thấy mình có lỗi, cô quyết không tái phạm. Nhưng cô vẫn tái phạm, bởi vì tái phạm làm cho cô thấy lần trước cô không có lỗi, lần này mới là có lỗi.

Cứ như vậy, cô không dám nhìn Đức Mẹ nữa. Hơn một tuần nay bức màn nhung trắng luôn luôn buông trước ngôi nhà búp bê thiêng liêng. Nhưng khi thằng khốn nạn Sig xuất hiện, cô thấy choáng váng, cô thấy như xương xẩu cô biến thành cao su và trước khi hiểu mình đang đi tới đâu thì chuyện ấy lại xảy ra. Nhưng cô nghĩ tình trạng này không thể kéo dài, một ngày nào đó, cô sẽ nói vào mặt Sig: "Mày hãy cút đi!". Nhưng từ đây tới đó thì chưa biết

khi nào?

Virginia mở mắt, luyến tiếc nhìn cái điện thờ, giữa hai khung cửa sổ và hai tấm màn nhung che khuất kho báu bên trong, chiếc mũ triều thiên bằng vàng, những vòng ngọc bích, cái áo choàng bằng lụa xanh, gương mặt dịu hiền, đôi tay bé xíu chắp lại. Virginia thở dài não ruột.

Suốt sáng nay, ông Stoyte bận rộn ở Lăng Beverley. Rất trái ý. bởi ông không ưa nghĩa địa, dù là nghĩa địa của ông. Nhưng bổn phận của cái nghề hốt bạc là rất thiêng liêng. Công việc làm buộc phải hy sinh những thành kiến cá nhân. Mà công việc làm ăn ở đây… Lăng Beverley chính là cơ sở kinh doanh bất động sản lớn nhất vùng. Khu đất mua trong thời chiến tranh giá chỉ một ngàn hai trăm đô la một hec ta. Trang bị cơ sở (kể cả đường sá, lăng tẩm, tháp tro, tượng đài…) tốn khoảng hai mươi ngàn đô la một héc ta. Ngày nay, mỗi hecta nhượng lại cho thân chủ xây mộ, trị giá khoảng bốn trăm ngàn đô la. Các lô đất bán ra nhanh đến mức số vốn ban đầu đã hoàn đủ. Từ giờ trở đi là lãi trơn, lãi tròn, là kém tinh chất. Tất nhiên khi dân số tăng nhanh như hiện nay ở Los Angeles, thì chất kem ngày càng béo bở. Dân cư Los Angeles tăng chủ yếu do số người già về hưu, rút khỏi thương trường từ các bang khác ở Hoa Kỳ tới nghỉ ngơi, an trí. Số dân này đem và cho Lăng Beverly món lợi khổng lồ.

Cho nên sáng nay khi Charlie Habakkuk gọi điện thoại mời ông sang bàn kế hoạch mở rộng và tu bổ Lăng, thì ông Stoyte nghĩ không thể từ chối được. Ống phải làm phận sự. Suốt buổi sáng, ngồi trong phòng làm việc việc của Charlie trên đỉnh tháp Phục sinh, hai người vừa hút xì gà vừa tranh cãi. Charlie khoa tay múa chân, thở khói ra đằng mồm lẫn đằng mũi và ông ta nói, ôi, ông ta nói! Giống như những gã Digan đầu đội mũ đỏ ở chợ trời cố nài nỉ anh mua cho bằng được những tấm thảm Đông phương, Charlie nói và nói.

- Thôi khỏi rao hàng! - Ông Stoyte cắt ngang,- Anh quên cái Lăng này của tôi sao?

Charlie trợn mắt nhìn ông Stoyte.

- Rao hàng? Phải rao hàng chứ! Không thì làm sao đơn xin sang nhượng đưa tới tấp như vậy? Bây giờ thì phải mở rộng. Thêm đất, thêm nhà, thêm tiện nghi. To lớn hơn, bề thế hơn? Dịch vụ, tiến bộ kỹ thuật.

Ở trên đỉnh tháp Phục sinh, Charlie triển khai các đề án. Mở rộng gồm có khu Thi sĩ. Sẽ nhận các nhà văn có cỡ. (Kể cả các nhà văn chuyện viết quảng cáo, các tay này thường giàu có và họ thích được chôn chung với các tác giả cỡ lớn). Ở đây sẽ dựng Thánh đường Westminter nhỏ. Thêm hai lò thiêu mới. Một hệ thống phát thanh mới. Ban Wurlilzer- Vĩnh cửu hơn nhàm. Có thể ghi băng một số ca khúc thời danh, xen kẽ vở nhã ca. Rồi những áng văn lâm ly kiểu Lời kêu gọi Gettysburgv xen với "Hãy cười đi, cười đi, thế giới sẽ cười theo bạn".

Rồi cái đề án của ông về hầm mộ Lạy Chúa đề án duy nhất của ông. Hang động nhiều và rộng.

- Ông Stoyte từng thấy hang động ở Carlsbad, ở bang Virginia rồi chứ? Mà đấy chỉ là loại hang thiên nhiên. Còn đây là hầm mộ, như kiểu của các người tử vì đạo ở thời xưa. Lạy Chúa, phải khai thác ý nghĩa tử vì đạo. Ta sẽ dựng một thánh đường tử vì đạo với nhóm tượng các nữ tuẫn đạo giữa bày sư tử. Những Người đàn bà trần truồng giữa bầy sư tử! Tượng Thánh giá chẳng hấp dẫn ai, còn như nhóm tượng này, ông nghĩ sao, ông Stoyte! Sởn tóc gáy!

Ông Stoyte chán ngấy, ngồi lim dim chẳng muốn nghe gì nữa hết. Ông chán ngấy bởi dù sao cái nghĩa địa cũng gợi nghĩ tới cái chết bởi chắc chắn là người ta sẽ chôn ông nơi đó, trong lăng dưới chân chiếc tượng nụ hôn của Rodin. Hầm mộ với Westsminter mini chẳng làm ông bận tâm, ông ậm ừ gật đầu và cuối cùng phê. Mọi

thứ đều được, trừ Thánh đường Tử vì đạo. Ông biết chắc thiên hạ sẽ rất thích, nhưng ông từ chối, Charlie biết, không phải cái gì anh ta cũng đúng hết.

- Chuẩn bị bản đồ và dự đoán cho mọi thứ, trừ chuyện tử vì đạo. Không, tôi không muốn có tử vì đạo!

Gần muốn khóc, Charlie năn nỉ ông hãy đồng ý cho một con sư tử thôi, và một nữ Đồng trinh thôi, tay trói quặt sau lưng. Cộng với dây thừng bao giờ cũng làm cho công chúng hồi hộp. Hai hay ba nữ Đồng trinh càng tốt. nhưng một thôi, cũng được.

- Một thôi, ông Stoyle ạ! - Ổng van nài, tay chắp lại như sắp cầu kinh. - Một thôi!

Ông Stoyte nhất định lắc đầu:

- Không có tử vì đạo ở đây! - Và ông vứt mẩu xì gà đứng lên.

Năm phút sau. Charlie tâm sự với cô thư ký. Thiên hạ sao mà vô ơn. Sao mà ngu ngốc! Nhưng lão Jo sáng nay dường như có điều gì, dường như lão đang mệt. Rồi một ngày nào tới đây, chính là ông - Charlie - ông sẽ lấy làm sung sướng mà chôn lão, tít bên dưới kia, cạnh tháp tro, vùi dưới ba thước đất. Thế là xong đời lão.

Chú thích

(1)Bài diễn văn do Tổng thống Lincoln đọc nhân dịp khai mạc nghĩa trang quốc gia ở Gettysburg năm 1863, trong chiến tranh Nam Bắc ở Mỹ.

Chương 3

Ngồi tựa vào đệm xe để tới gặp Clancy ở thị trấn Baverly. Ông Stoyte nghĩ có lẽ ông khó ở từ vài ba tuần nay rồi. Sáng sáng thức dậy, ông thấy bần thần lười biếng, dường như đầu óc ông mụ mẫm đi. Obispo nói đó là một cơn "cúm hụt" và mỗi tối, bắt ông uống nhiều thuốc viên. Chẳng thấy đỡ chút nào. Mà còn thêm chuyện Virginia. Em bé trở nên kỳ quặc. Em ngồi đó, chẳng để ý đến chuyện gì và khi có ai hỏi câu gì đó, em giật thót người, hỏi lại câu vừa hỏi. Cô bé này hỏng từ ngày cô gần gũi với thằng khốn kiếp Peter Boone. Cô nói chuyện suốt buổi với nó, rủ đi bơi, nhìn kính hiển vi với nó. Có cái gì trong kính hiển vi ấy? Em bé đòi xem kính hiển vi, trời ạ! Những chuyện đó xảy ra đột ngột quá, trước đây ít lâu, cô nào có để ý tới hắn. Cô đối xử với hắn như đối với một con chó bự - dễ thương vậy thôi. Ta vỗ về vào đầu nó một cái và khi nó ngoe nguẩy đuôi, ta chuyển sang chuyện khác. Chẳng hiểu ra làm sao. Nếu quả cô yêu Peter thật thì ông sẽ ném thằng khốn kiếp qua cửa sổ ngay. Nhưng không. Cô chăm sóc hắn như kiểu chăm sóc một con chó nòi hiền lành mà thôi. Làm sao lại nổi khùng với một con bé khi nó bảo con chó nòi hiền lành cho nó xem kính iển vi chứ! Thật điên đầu, không sao hiểu nổi nữa.

Có một điều rất rõ là Bé em trở nên thân thiết với ông quá cái mức ông nghĩ lúc đầu. Lúc đầu ông chỉ có ý định tóm lấy cô, sờ nắn người cô, ăn thịt cô. Ông thích cô vì người cô thơm và ấm, cô trẻ còn ông thì già, cô ngây thơ còn ông thì quá mệt mỏi, chỉ cô ngây thơ là còn kích động được ông thôi.

Lúc đầu chỉ có vậy, nhưng chuyện khác đã xảy ra. Bé em hiền dịu, Bé em ngây thơ mơn mởn. Cái đó không chỉ kích thích mà thôi, mà nó còn có tác động kỳ lạ. Nó làm cho ông cảm thấy như

ông đương xuân, như ông vừa hớp xong một ly Wishky vậy. Chưa hết nó còn làm cho ông cảm thấy mình là người phúc hậu nhất trên đời, như ông đang ở trong nhà thờ nghe cha giảng, hay như ông vừa làm việc thiện, ông vừa cho bé gái một con búp bê nó thích. Huống gì Virginia không phải là cô bé gái bất kỳ nào, Virginia là bé gái riêng của ông. Phu nhân Stoyte không có con, lúc sinh thời bà buồn lắm, nhưng thế tại hóa hay. Nếu có con gái nó lại giống ông - cả nhà Stoyte người nào cũng ụt ịt - hoặc giống bà - cái đó còn tệ hơn. Còn Virginia đây thì mọi cái đâu vào đấy, mọi cái đều "nghiêm chỉnh". Khi có cô bên cạnh, ông cảm thấy đời cũng đáng sống, chả cần phải đi qua cuộc đời này mà hỏi: "Để làm gì nhỉ". Cái lý của mọi sự ở ngay trước mặt ông, đội cái mũ lính thuỷ xinh xinh, hoặc là mặc áo dạ hội dát đầy kim cương vàng ngọc đến dự đêm vui với các bạn trong ngành xinê Hollywood. Đấy cái lý nó ở đấy!

Thế mà rồi ... người ta cướp mất lý do cuộc sống của ông. Bé em không con như xưa nữa. Bé em đi đâu? Tại sao? Tại sao bỏ ông lại một mình. Ông rất già, tấm bia mộ chỉ màu trắng đang chờ ông dưới kia.

"Có chuyện gì vậy Bé em?", nhiều lần ông hỏi. Ông đã chán ngấy, chẳng còn muốn giận hờn, dọa nạt gì hết, ông chỉ muốn Bé em đừng đi mất. "Có chuyện gì vậy Bé em?".

Cô lặng thinh nhìn ông như nhìn hàng ngàn cây số, ở đâu đó, rồi cô nói: Chẳng có gì hết, cô vẫn khỏe, chẳng có gì thắc mắc. Không, ông không thể làm gì hơn được, vì những gì cô cần, thì ông đã cho cô đủ rồi và cô lấy làm sung sướng…

Ông bèn làm như tình cờ nhắc đến tới Peter, cô thản nhiên như không, nói: Ồ, cô thích Peter lắm. Peter là một chàng trai tốt, hơi đần một chút, Peter làm có tức cười, cô thích cười…

- Nhưng mà Bé em ạ, em không còn như trước nữa.-Ông nói mà giọng nghe nghẹn ngào tắc tị. Ông đau khổ thật sự - Bé em không

còn là Bé em nữa…

Câu trả lời vẫn là: Lạ thật, cô không thấy cô thay đổi chút nào.

Lại trở lại từ đầu: Chuyện càng tìm hiểu càng trở nên mù mịt. Cho nên khi cơn bần thần buổi sáng đã qua, ông thường quát mắng đầy tớ, thô lỗ với anh Ăng lê và nổi khùng lên với thằng khốn kiếp Obispo. Ông ăn chẳng thấy ngon miệng, tim ông đập dồn, ông thấy nhói trong dạ dày. Có lần đau quá, ông tưởng bị viêm ruột thừa, nhưng Obispo nói đó là chứng "cúm hụt". Ông nổi xung, ông nói hắn chĩ là tên lang băm mạt hạng không chữa nổi một chuyện nhỏ như vậy. Obispo hứa trong vòng hai ba ngày nữa sẽ chữa cho ông khỏi.

Chìm sâu trong thắc mắc bực dọc như vậy. Ông Stoyt bảo tài xế chạy dọc con đường ngoằn ngoèo vượt đồi Beverly và phía Đông (Clancy ở Hollywood, dọc đại lộ Santa Monica).

Sáng nay, Clancy gọi điện thoại cho ông. Nghe kiểu nói úp mở những tên người nhắc lấp lửng, ông đoán chắc là công việc trôi chảy. Đúng thế, Clancy và "các bạn" đã mua được gần hết phần đất tốt trong thung lũng San Felipe. Giá lúc khác, thì ông Stoyte đã nhảy cẫng lên vì vui sướng, nhưng hôm nay cái chuyện ngồi không mà vơ được một hai triệu đô la chẳng làm ông bận tâm mảy may: Trong cái thế giới ông bị dồn tới, tiền triệu chả đi đến đâu cả. Triệu triệu cũng không làm ông bớt đau khổ. Nỗi đau khổ của một người già mệt mỏi, bị bỏ rơi, một người chẳng có mục đích sống nào ngoài bản thân mình, chẳng có gì ngoài quyền lợi của riêng mình, không bạn bè thân thuộc ngoài một cô gái làm nhân tình, làm vợ bé, một cô gái được khao khát thèm muốn si mê đến cuồng dại. Và thế rồi, cô gái ông hy vọng có thể đem tới một ý nghĩa cho đời ông, cô ấy bắt đầu biến đổi.

Luôn ám ảnh trong đầu ông là bóng dáng sảnh đường hình tròn bằng cẩm thạch, nhóm tượng mà Rodin tạc cho sự thèm muốn, tấm bia mộ chí khắc dòng chữ: Joseph Panton Stoyte, sinh ngày…

mất ngày cùng với dòng chữ ấy, ông nhìn thấy một dòng chữ khác, màu trang kim trên viền đen: "Điều khủng khiếp nhất đời là rơi vào tay vị Chúa còn sống".

Clancy báo tin vui chiến thắng bằng một giọng mưu sĩ. Hắn thì thầm: Tin mừng! Trong vài năm nữa ông sẽ giàu thêm một triệu đô la. Nhưng những triệu đô la đang ở trong một thế giới, còn ông già đau khổ, sợ sệt thì ở một thế giới khác không có đường ăn thông giữa hai thế giới ấy.

Chương 4

Trong suốt hai giờ đồng hồ Jeremy ngồi phân loại sơ bộ liệt kê, lập phiếu cho các tập hồ sơ. Sáng hôm ấy không tìm được cái gì hay, chỉ có sổ sách., chứng từ giao dịch có thể làm tư liệu cho những sử gia kinh tế. Jeremy không thích những thứ ấy.

Tới giờ trưa, chán quá rồi, ông bèn ngừng việc, giải lao bằng cách giở quyển ghi chép bìa nhung của ông Bá tước thứ năm ra xem vậy. Ông đọc:

"Tháng bảy 1780. Khoái cảm gắn liền với đau khổ. Có khi chính vì thực lòng đau khổ mà các bà quả phụ bị nỗi đau của mình làm hại. Các bà không làm sao chống chọi nổi với kẻ tới đưa đám đức ông chồng khi hắn nắm chắc nghệ thuật đi nhè nhẹ tử chỗ chia buồn tới chỗ suồng sã. Bản thân tôi cũng đã cắm sừng một ngài Quận công và hai Nam tước quá cố (một vị mới chiều qua đây thôi) ngay trên chiếc giường các vị vừa được nghi lễ linh đình đưa đến phần mộ".

Mẹ mình mà đọc đoạn văn chương này chắc cụ chết cười… Jeremy bỗng nảy ra ý định gửi cho bà cụ những dòng này bằng điện tín nếu nó không quá dài.

Ông lại đọc tiếp:

"Một xứ đạo, trong đất tôi đang thiếu Cha, bà em tôi liền giới thiệu một Cha xứ trẻ - bà khoe cái tài nói trên của Cha và tôi tin ngay. Tôi bèn nhận Cha về trong đất tôi, rồi thích ở quanh tôi có những vị chủ chăn biết uống rượu, biết đi săn, hay sờ mó con chiên. Một Cha xứ hiền đức quá không biết cách thử thách đức tin con dân mình, cho nên tôi nói với bà em tôi rằng, bằng thứ đức tin

được thử thách như vậy, người ta dễ lên thiên đàng lắm lắm".

Đoạn sau đầy đề tháng ba 1784.

"Gần đây người ta khai quật nhiều hầm mộ cổ. Một thứ bọt nhờn nhờn nhỏ giọt tử vòm xuống hai bên vách. Đấy là do xú khí cô đọng".

"Tháng giêng 1786. Mấy năm liền mà chỉ ghi được có mấy dòng tư tưởng. Chắc là phải sống dai hơn các vị kỳ lão của Cựu ước thì mới viết xong một quyển sách. Thật quá đỗi lười biếng, nhưng tôi lại tự an ủi rằng những kẻ đương thời của chúng ta thường đáng khinh quá, không đáng để ta mất thì giờ giáo dục hay giải trí họ".

Jeremy lật qua luôn ba trang ghi về đề tài chính trị và kinh tế. Ở trong đó ngày 12 tháng ba 1787, ông thấy một đoạn thú vị:

"Chết là mọi hành động ít trí tuệ nhất của con người, có thể nói như vậy! Nó còn tùy thuộc thể xác hơn cả hành động làm tình, có những trường hợp hấp hối giống như người táo bón rặn trên bô. Hôm nay tôi trông thấy M.B chết".

"31 tháng giêng 1788. Cách đây năm mươi năm, ngày này tháng này tôi ra đời. Từ sự cô đơn trong lòng mẹ, chúng ta bước ra sự cô đơn giữa đồng loại để rồi lại trở về sự cô đơn trong nấm mồ. Trong suốt cuộc đời ta, ta luôn tìm cách làm dịu bớt nỗi cô đơn. Nhưng gần gũi, chung đụng không hề là hòa đồng, Một đô thị đông dân chỉ là một cộng đồng của những nỗi cô đơn. Chúng ta trao lời, nhưng là trao từ nhà ngục này sang nhà ngục khác, chẳng bao giờ dám nghĩ rằng lời ta nói ra được người khác hiểu như ta hiểu.

Chúng ta kết hôn và thế là có hai cô đơn thay có một, chúng ta đẻ con và thế là có hàng lũ cô đơn. Chúng ta lặp lại động tác làm tình nhưng ngay cả ở đấy cùng không có hòa đồng. Sự đụng chạm thân thiết nhất củng chỉ là sự đụng chạm trên bề mặt. Tôi đã nhìn thấy một đôi nam nữ tội đồ ở nhà tù Newgate ngủ với nhau qua

chấn song. Chúng ta cũng vậy, ăn nằm với nhau qua hai chấn song của hai nhà tù thân xác.

Đau khổ cũng như khoái cảm, không thể chia sẻ, chỉ có thể cảm nhận hay áp đặt. Khi ta bố thí cho kẻ khó hay ân ái với người tình, ta chẳng bao giờ làm vì họ, mà chỉ vì ta. Lý do ta làm điều ác cũng giống lý do ta làm điều thiện: đấy chỉ là phát huy quyền uy của ta. Đấy là điều chúng ta thường cố làm và làm như vậy ta lại càng cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết.

Thực tại cô đơn giống nhau ở mọi người, không hề giảm bớt, có chăng chỉ là do quên lãng hay là do ảo tưởng. Nhận thức cô đơn tương ứng với nhận thức về quyền lực. Trong mọi trường hợp, ta càng nắm nhiều quyền lực, ta lại càng thấy lắm cô đơn. Tôi đã hưởng quá nhiều quyền lực trong đời tôi"

"Tháng sáu 1788. Hôm nay thuyền trưởng Payey mới báo cáo công việc với tôi. Đấy là một con người béo tốt. vui tính, phàm tục, cười hô hố ngay cả trước mặt ông chủ. Tôi hỏi về chuyến buôn nô lệ vừa qua. Ông mô tả tỉ mỉ cách thức tên nó lệ dưới khoang, dùng thang để buộc họ, thức ăn của họ, cách thức cho họ dạo chơi trêu bong khi tối trời (lúc ấy phải giăng lưới dể phòng ngừa những vụ tự tử). Thuyền trưởng mô tả cảnh trừng phạt những kẻ nổi loạn, những bày cá mập bơi theo tàu, bệnh sút móng vả các bệnh khác, lớp da trần lở lói của nô lệ nằm trên ván sàn nhớp nhúa, mùi hôi thối dưới khoang (ngay cả những thuỷ thủ táo tợn nhất cũng bị ngất xỉu dưới đó). Cái chết tàn nhẫn và chớp nhoáng, nhất là ở vùng xích đạo.

Khi ông ta đứng dậy ra về, tôi tặng ông một cái hộp đựng thuốc lá bằng vàng, ông trố mắt kinh ngạc và tíu tít cảm ơn. Hộp thuốc lá giá trị sáu mươi ghi-nê. Ba chuyến sau cùng, thuyền trưởng đem về cho tôi sáu chục ngàn ghi-nê Quyền lực và của cải trên đời này rõ ràng tương ứng với khoảng cách của ta đối với các phương tiện vật chất làm ra của cải. Càng xa cơ sở bao nhiêu, càng có nhiều

quyền lực bấy ấy nhiêu. Mỗi một bất trắc xảy ra cho sĩ quan thì người lính phải trải qua trăm bất trắc, mỗi một ghi-nê người lính được hưởng thì ngài sĩ quan được hưởng một trăm ghi-nê.

Nô lệ làm việc ở đồn điền được trả lương bằng bữa ăn hàng ngày cộng thêm roi vọt, ngoài ra chẳng có gì khác. Thuyền trưởng Pavey chịu đựng gian khổ hiểm nguy trên mặt biển, ông ta sống không hơn một chủ tiệm tạp hóa hay một chủ quán rượu. Toi chẳng mó tay vào việc gì cả ngoài việc mó vào hàng chồng giấy bạc ở ngân hàng, từng đám mưa vàng rơi xuống đầu tôi để đền bù công ăn không ngồi rồi của tôi.

Trong cuộc đời này, mọi người đều có thể chọn ba kiểu sống mà chỉ có ba mà thôi.

Kiểu thứ nhất, ta nên làm như mọi người; Đừng đểu cáng quá, đừng khốn nạn quá và hãy che đậy bản chất thối tha của ta bằng một kiểu ngông nào đó.

Kiểu thứ hai: Hãy bắt chước những thằng ngông thực sự, rũ sạch thối tha để trở thành con người đạo đức.

Kiểu thứ ba: Hãy học làm một kẻ khôn ngoan. Biết làm mình thối tha, cho nên ta hãy sử dụng luôn sự thối tha ấy, học tập quy luật của nó, vượt lên trên những thằng đồng loại ngu hơn ta.

Về phần tôi, tôi đã chọn kiểu thứ ba.

"Tháng bảy 1789. Nếu mọi người nam và mọi người nữ, khi ân ái lại cũng gào lên như mèo, tôi thiết nghĩ chắc chẳng có người dân Luân Đôn nào chợp mắt khi đêm đến".

"Tháng bảy 1789. Ngục Bastille thất thủ. Ngục Bastille muôn năm.

Mấy trang sau dành viết về cách mạng. Jeremy lật qua. Năm 1794, vị bá tước thứ năm đặc biệt chú ý tới sức khỏe của mình,

Ông viết:

"Tôi nói với những người tới thăm tôi rằng tôi vừa ốm dậy và bây giờ tôi đã khoẻ. Thực ra không phải như vậy. Đối với tôi bây giờ, mọi thứ đều là khá muộn. Ốm đau, mệt mỏi, chết. Tên tuổi của tôi với vài ba kỷ niệm. Đấy là tất cả những gì còn lại. Về một sinh vật đã sống một cuộc đời. Coi như tôi đã chết rồi. Như là một bản chúc thư gởi lại cho bạn bè. Một mớ ngôn từ chẳng có ý nghĩa gì, một kỷ niệm về tôi thế thôi".

"1794. Khi một người giàu có ốm nặng, anh ta giống như một chiến sĩ bị thương, bị bỏ rơi một mình trong bãi sa mạc. Bầy diều hâu mỗi lúc một sà xuống thấp hơn. Bầy chim chóc và lợn chó hôi thối mỗi lúc một thêm siết chặt vòng vây. Những kẻ thừa kế của một người giàu có sắp chết cũng làm như vậy, hoặc hơn vậy.

Khi tôi nhìn gương mặt của người cháu và tôi đọc được sự sốt ruột ẩn dưới cái vẻ ân cần thăm hỏi của hắn, thì lập tức máu tôi lại sôi lên, tôi lại thấy người khoẻ thêm một chút. Tôi muốn sống thêm một chút để tước đoạt lại nguồn hạnh phúc của hắn (hắn hy vọng bệnh tôi tái phát, hắn nghĩ tôi đang nằm trong tay hắn)"

"1791. Cuộc đời là một tấm gương. Hình ảnh ta nhìn thấy trong đó là hình ảnh của chính ta".

"Tháng giêng 1795. Tôi thử ứng dụng cách chống già của vua David 1, nhưng tôi thấy cách ấy chưa đủ. Thân nhiệt không thể đối lưu, chỉ có thể bùng cháy. Khi tia lửa sắp lụi tàn, thì có đưa bùi nhùi vào cũng không thể làm bừng lên thành ngọn lửa được

Các vị Cha cố nói là nhờ có một người chịu đau khổ thay ta mà ta được cứu rỗi. Có thể như vậy. Nhưng tôi dám nói rằng đi tìm khoái cảm giùm cho người khác là chuyện không thể có".

"Tháng bảy 1796. Những cái hồ trong đất Hauberk được các thầy tu đào từ thời Mê tin quanh ngôi nhà hiện nay, xưa vốn là

Thánh đường. Thời vua Charles đệ nhất, ông cố ba đời của tôi cho đính vào đuôi năm mươi con cá chép niên biểu của người. Giờ còn độ hai mươi con, tôi vẫn đếm mỗi khi chúng nghe chuông báo hiệu, trồi lên mặt nước đớp mồi. Nhiều con khác còn to hơn nữa có lẽ sống sót từ thời vua Henry giải tản các cộng đồng Thiên Chúa. Nhìn chúng tung tăng dưới làn nước, tôi thường ngạc nhiên về sức vóc cũng như sự nhanh nhẹn của chúng. Những con to nhất có lẽ sống từ khi quyển "Ảo mộng" 2 ra đời, những con bé hơn có thể là những kẻ đương thời của tác giả "Thiên đường đã mất" 3. Vị này tìm cách thanh minh, cho thái độ của Chúa đối với loài người, có lẽ ông ta nên tìm cách giải thích thái độ của Chúa đối với loài cá chép, thì thiết thực hơn.

Bọn triết gia thường làm mất thì giờ của họ và độc giả bằng những bài luận về sự bất tử của linh hồn, bọn luyện đan mất bằng bao thế kỷ để tìm ra nước thần hoặc hòn đá trường sinh.

Trong khi đó bao nhiêu ao hồ kinh rạch, bọn cá chép sống gấp ba lần nhà hiền triết Platon hay gấp nửa tá lần tuổi thọ của nhà luyện đan Paracelse. Bí mật cuộc sống trường tồn không thể tìm trong các trang sách mọt, cũng không ở trong vàng lỏng ngay cả thiên đường cũng không. Nó nằm giữa đống bùn, nó chờ người câu giỏi".

Bên ngoài hành lang, chuông báo giờ ăn trưa. Jeremy xếp quyển vở của vị bá tước lại. Bước ra thang máy. Ông mỉm cười nghĩ tới lúc nói cho con lừa khoác lác Obispo biết rằng những ý nghĩ độc đáo của hắn về trường sinh đã có người phác họa từ thế kỷ 18.

Chú thích

(1)Khoả thân nhảy múa cho vợ xem. David - vua thứ hai của người Do thái (1010 trước Công nguyên).

(2)Khảo luận chính trị của Thomas More viết năm 1516.

(3)Tập thơ của John Milton (1606-1674) viết về sự phản loạn của người đối với Chúa, xuất bản năm 1674.

Chương 5

Vắng ông Stoyte, bữa ăn trưa náo nhiệt hẳn lên. Đày tớ yên chí phục vụ không sợ bị la rày. Jeremy yên chí nói chuyện mà không lo bị cụt hứng. Bác sĩ Obispo có thể kể mọi thứ chuyện nhảm nhí và Virginia có thể tự do cười bằng thích. Một phần con người cô không muốn cười để cho Sig đừng tưởng lầm là cô mê chuyện hắn, phần còn lại không cười không được bơi vì câu chuyện quả là tức cười, thêm nữa cô khoái vì trưa nay cô đỡ phải đóng kịch với Peter để cho bác Jo xem. Khỏi phải lừa bịp. Được một lần cô thật sự là cô. Khổ một nỗi, cái con người của cô ấy thực là thảm hại. Một cái "tôi" xương cốt mềm như cao su mỗi khi tên Sig sáp lại gần. Một cái "tôi" không giữ nổi lời hứa ngay cả với Đức Mẹ. Tiếng cười của cô vụt tắt.

Chỉ mình Jeremy đau khổ triền miên vì Obispo, vì sự vui nhộn của Virginia và cũng vì thủ đô Tây Ban Nha thất thủ. Hy vọng chiến thắng chủ nghĩa phát xít thế là tiêu tan. Anh chẳng bao giờ gặp lại các bạn chiến đấu. Chưa hết, chuyện Virginia cười vui chẳng nói làm gì, suốt cả bữa ăn cô chẳng ngước nhìn anh lấy một lần.

Mới đây thôi, cô còn tìm mọi cách để trò chuyện cùng anh, gợi chuyện Tây Ban Nha với anh, cả chuyện sinh học nữa. Cô đòi xem kính hiển vi làm cho anh luống cuống không lắp được thanh gương. Rồi anh gượng nhẹ đặt lên đấy tấm lông ruột cá cho cô xem. Trong lúc ngồi vào chỗ của anh, ghé mắt nhìn mớ tóc vàng của cô xõa quanh ống kính, để lộ bờ vai trần, trinh trắng làm anh ngạt thở. Anh phải có gắng lắm mới giữ mình không đặt lên đấy một nụ hôn.

Những hôm sau, anh không muốn cố gắng giữ mình nữa, nhưng cái phần đứng đắn trong con người anh lại thắng và anh lại cố gắng giữ mình.

Nhưng vài tuần nay, anh đã đổi ý kiến hay đúng ra là anh đã hết ý kiến. Tính tình Virginia thay đổi thế nào ấy. Từ thái độ trẻ con, ầm ĩ, bộc tuệch, cô trở nên lặng lẽ, khó hiểu. Không còn những câu đùa cợt nữa mà là một thái độ dễ thương, không phải là kiểu dễ thương đối với một người mà cô muốn làm cho chết mệt, cô dễ thương như một cô em, như một Maxơ. Peter nhớ tới maxơ dòng Ơn phước ở bệnh viện Géronne Tây Ban Nha. Người nữ tu trẻ ấy có đôi mắt to trên gương mặt trái xoan lai lái, giống như Đức Mẹ trong tranh. Kiểu người đang hạnh phúc không phải vì những chuyện xảy ra quanh minh, mà vì một cai gì ở bên trong, một cái gì khác thường mà đẹp, mà thiêng liêng, chỉ riêng mình cảm thấy. Maxơ dường như chẳng còn nghe thấy tiếng máy bay gầm rú trên đầu, cũng chẳng hoảng sợ khi nhìn một cái chân bị cưa. Hẳn là maxơ nhìn mọi vật ở tầm cao mà cụ Propter gọi là tầm cao vĩnh cửu. Ở tầm người, ta thấy sợ hãi, ta giận dữ, hoặc có bình thản thì cũng là thứ bình thản cố gắng. Còn maxơ thì bình thản như thiên thần, không phải cố gắng gì cả. Thời ấy, Peter khâm phục mà không hiểu. Bây giờ nhờ cụ Propter, anh vừa hiểu vừa khâm phục.

Đấy, đấy là gương mặt mà Virginia gợi anh nhớ tới trong mấy tuần qua. Có một sự chuyển hướng từ ngoài vào trong, từ thái độ tự nhiên sang thái độ kín đáo. Cô không còn là trẻ con nữa, đó là một người em gái. Thế mà có lúc em gái quên hẳn anh - nữ tu Dòng Ơn phước tự quên hẳn mình đi - đến mức nghe những chuyện tởm lợm của Obispo lại toét miệng cười. Nhưng sau cái cười, gương mặt Virginia lại trở nên xa xôi, bí mật. Nữ tu Dòng Ơn phước sực nhớ tới mình cũng nhanh như khi tự quên mình: Chuyện ấy thì chịu, Peter không sao hiểu nổi.

Chương 6

Jeremy hơi thất vọng, bác sĩ Obispo chẳng hề cụt hứng khi nghe nói giải pháp của ông ta đã có người biết từ thế kỷ 18. Khi hai người cùng xuống thang máy. Ông nói:

- Tôi muốn biết chút ít về vị Bá tước thứ năm ấy. Anh nói là ông ta còn sống đến chín mươi tuổi?

- Hơn chín mươi. Chín sáu hay chín bảy thôi, tôi không nhớ rõ. Chết trong một vụ bê bối mới ghê chứ!

- Bê bối loại gì?

Jeremy e hèm, tay sờ đỉnh đầu:

- Thì loại thông thường…

- Anh muốn nói rằng lão già chơi trống bỏi?

- Lão vẫn chơi trống bỏi. Về vụ này, nhà văn đương thời Greville có nhắc trong một tập chép. Lão chết vừa đúng lúc. Người ta định truy tố lão.

- Về tội gì?

Jeremy nháy mắt, e hèm, chậm rãi:

- Tội hưởng lạc có xu hướng gây nguy hại đến tính mạng người khác,

- Lão giết người?

- Không hẳn là giết mà là làm hư hại thân thể.

Bác sĩ Obispo hơi thất vọng, nhưng ông ta lại tự an ủi, nghĩa là ở tuổi ngoài chín mươi mà còn làm hại được thân thể người khác đã là khá quá. Ông ta vớ lấy cuốn sổ.

- Để tôi xem kỹ thêm.

- Anh có thể sử dụng cuốn sổ ấy. - Jeremy lễ phép nói.

Obispo cảm ơn, hai người bước vô căn phòng Jeremy làm việc.

- Chữ hơi khó đọc, Để tôi đọc to cho anh nghe tiện hơn,- Jeremy nói và đọc tiếp đoạn bỏ dở lúc đi ăn trưa.

"… Nó nằm trong đống bùn, nó chờ tay câu giỏi…"

Bác sĩ Obispo cười rú lên:

- Định nghĩa khoa học đấy. Khoa học là gì? Khoa học là cái trong vũng bùn - câu sự bất tử và nhiều thứ nữa tình cờ xuất hiện trong bùn đen, đấy là chức năng của khoa học.

Jeremy tiếp tục đọc:

"Tháng 8-1796. Hôm nay cô cháu gái Caroline ba hoa của tôi chê trách cái tính khí mà cô gọi là bất thường của tôi. Một người đối xử nhân đạo với ngựa trong chuồng, nai ngoài bãi, cá trong hồ như tới thì nên rộng rãi hơn đối với Người đời…

Tôi trả lời rằng cái tên gọi "Con người" là một tên chung để chỉ những tính khí bất thường chứa trong các sinh vật hai chân, không có lông vũ, còn những tên riêng như Caroline, John… vân vân… là dành cho những tính khí bất thường riêng biệt. Tính khi bất thường ư? Loại tính khí bình thường chỉ là loại bình thường trong bất thường. Nói rõ hơn, tính khí bình thường là loại bất bình thường không vượt quá những giới hạn nào đó.

Tôi nhắc Caroline hãy tự xét lại mình. Xem xét lại mình, xem

xét kiểu tính khí bình thường như cô. Cô hỏi gì khi cô thưa với Cha xứ về vấn đề Chúa trên trời và cô làm gì với các cô hầu phòng trẻ. Cô nghĩ gì giữa buổi lễ chầu sáng chủ nhật và lúc ngủ với chồng ở đêm thứ bảy. Nghĩ gì các đêm thứ năm lúc ngủ với một Tử tước trẻ mà tôi xin giấu tên? Tôi chưa chấm dứt câu hỏi cuối cùng cô cháu gái Caroline của tôi đã bỏ chạy mất".

- Tội nghiệp Caroline! - Bác sĩ Obispo cười nói.

Jeremy đọc tiếp:

"Tháng chạp 1796. Sau ca ứ huyết phổ lần thứ hai, tôi hồi phục chậm hơn lần trước và khó khăn hơn. Tôi bị treo lơ lửng trên vực thẳm bằng một sợi chỉ"

Bác sĩ Obispo cong ngón tay búng tàn thuốc:

- Tấn bi kịch về thuốc men. Như hây giờ, tôi sẽ trị cho ông ta bằng Clorua thiamin với một ít Teslosteione thì ông ta sẽ khỏi ngay. Trên đời này hàng đống văn thư tuyệt tác sở dĩ còn đến chúng ta là do kết quả của trị liệu sai lầm, anh cố thấy không?

Ta nằm dài như trẻ thơ mệt mỏi

Và ta khóc, quên đi sự đời rắc rối…

- Tuyệt cú! Những ngày ấy người ta biết cách trị chứng viêm màng phổi mãn tính thì làm gì có hai câu thơ đó của Shelley! Nằm dài như một đứa trẻ mà khóc, mà quên đi cả sự đời. Đấy chính là hội chứng rõ rệt nhất của chứng viêm màng phổi mãn tính ấy! Và còn nhiều nhiều vị nữa hoặc bị nhiễm độc, hoặc nhàm thuốc, hoặc nghiện ngập cái gì đó, tôi có thể làm cho họ viết khác đi một trời một vực khi họ được tôi chuẩn trị. - Obispo nhìn Jeremy với nụ cười của một con sói.- Nào tiếp xem lão già xoay trở ra làm sao?

"Tháng chạp 1795- Jeremy đọc to.- Lũ chó heo lởn vởn quanh tôi để ra vẻ săn sóc làm cho tôi bực bội đến mức hôm qua, tôi

quyết định chấm dứt chuyện đó. Khi tôi bảo Caroline và John hãy để tôi yên, hạ tiến lên, nói họ còn quý tôi hơn cả bố đẻ. Tôi nói hôm nay nếu họ không đi, tôi sẽ cho người ném họ xuống đường. Sáng hôm sau từ trên cửa sổ, tôi nhìn thấy họ lên xe".

Đoạn sau đó ngày 11 tháng Giêng 1797.

"Sinh nhật năm nay gợi cho tôi những ý nghĩ đen tối hơn tất cả năm trước. Nhân ngày đẹp trời, tương đối ấm áp, tôi ngồi lên ghế bắt bọn người nhà khênh ra hồ.

Chuông gióng, lũ cá chép nhào lên đớp mồi. Xem cá ăn là thú vui duy nhất còn lại của tôi. Bọn cá chỉ tranh giành nhau khi đói, nghĩa là tùy lúc, còn con người thì tranh cướp nhau thường xuyên có tính toán. Tranh cướp nhân danh tôn giáo, chính trị, to mồm nói triết học để che giấu sự dốt nát của mình.

Tôi nhìn lũ cá xô đẩy tranh cướp nhau, giống như một bày thày tu giành quả thực, và tôi ngẫm nghĩ về câu hỏi khó giải đáp trước nay tôi thường đặt. Tại làm sao con người phải chết khi bảy mươi tuổi còn một con cá thì vẫn thanh xuân sau khi sống đến hai ba trăm năm. Đã có lúc tới nghĩ do chúng sống trong nước, nhưng nhiều loài sống trong nước vẫn chết sớm và nhiều loài chim không sống trong nước vẫn sống lâu hơn người.

Có lúc tôi lại nghĩ hay à do cách chúng ăn nằm và cách chúng sinh nở. Nhưng cũng không đúng. Két đực và quạ đực không rắc tinh như cá trống mà chúng đạp mái. Còn voi cái thì không đẻ trứng mà mang thai như người. Tại sao chúng vẫn sống lâu. Vậy ta phải tìm nguyên nhân cái chết của loài người ở chỗ khác.

Chỉ có những giả thiết này nghe lọt tai. Một là thức ăn của bọn cá chép, cá mè có chất gì đó chống lão hoá. Hai là chất chống lão hóa nằm đâu đó trong cơ thể con cá. Có thể là trong bao tử hoặc ruột, gan. Đối với loài vật có đời sống ngắn, ta phải nghĩ rằng chúng thiếu chất chống lão hóa. Có thể đưa các chất ấy vào cơ thể

con người được không? Nhưng các bộ tộc ăn cá cũng như dân vùng biển ăn nhiều cá, sao không thấy họ sống lâu? Là vì con người nấu chín thức ăn, làm biến hóa các chất chống già. Chỉ vậy thôi.

Bác sĩ Obispo kêu lớn:

- Trời ơi! Cái lão già ấy định ăn sống ruột cá ư?

Jeremy ranh mãnh đảo mắt xuống dưới trang, rồi lại đảo mắt lên đầu trang kể tiếp.

- Đúng vậy, - Jeremy nói. - Anh nghe tiếp nhé.

"Tôi thử nuốt ba lần, không nuốt được. Lần thứ tư nuốt được nhưng ọe ra ngay. Lần thứ chín, thứ mười mới nuốt được chút ít mà không mửa.

- Gan cùng mình! - bác sĩ Obispo nói. - Chẳng thà tôi hứng một trận bom còn hơn.

Jeremy vẫn tiếp tục đọc:

"Đã mấy tháng nay, tôi bắt đầu thấy hiệu quả, và mỗi ngày tôi nuốt khoảng sáu once 1 ruột cá tươi vừa mới mổ.

Bác sĩ Obispo lắc đầu:

- Lũ cá ăn chìm chứa nhiều ký sinh trùng hơn bất cứ loài vật nào khác, chúng ăn bùn! Nghe mà sởn tóc gáy.

- Đừng lo. - Jeremy nói - Vị tôn ông đáng mến này ngày càng khỏe ra. Tháng ba thì ông hoàn toàn phục sức, ông ăn ngày càng thấy ngon miệng, trí nhớ sáng ra và khả năng phiếm luận thêm dồi dào. "Khả năng phiếm luận!" Sướng thật! Màu thời đại đấy, anh có thấy không?

Jeremy lặng lẽ đọc và sau một lúc, ông nói:

- Ngay trong tháng tư, ông Bá tước đã cưỡi được ngựa - mỗi ngày một giờ sau bữa trưa, trên lưng con ngựa nâu. Liều lượng ruột cá tăng lên đến mức mười once một ngày!

Bác sĩ Obispo đứng phắt dậy, đi ngang dọc trong căn phòng.

- Trời ơi! Đâu phải chuyện đùa. Vấn đề đã rõ ruột cá tươi; lòng ruột cá; sự miễn nhiễm độc tố do sterol và sự hồi xuân! Sự hồi xuân trong tay ta!

Vị Bá tước có dè dặt hơn anh. Hãy nghe đây. "Tôi khỏi bệnh nhờ cá chép, nhờ tiết xuân hay nhờ Medicatrix Naturan nhờ trị liệu thiên nhiên? Tôi chưa dám chắc do cái nào".

Bác sĩ Obispo gật đầu:

- Tinh thần khoa học đấy!

Jeremy tiếp tục đọc:

- Nếu giả thiết của tôi là đúng, thì trong một thời gian nữa không những sức khoẻ hồi phục mà còn có thể hưởng thụ một nguồn sinh lực nào đó đã mất sau tuổi thanh xuân".

- Ông ta khá thật đấy. Tôi muốn bác Jo cũng nhìn vấn đề một cách khoa học như vậy. - Rồi bỗng nhớ lại những liều thuốc ngủ, và sự ngây thơ của bác Jo, Obispo nói:

- Nhưng không nên. Bác Jo hồi xuân bất tiện lắm. - Rồi ông ta cười một mình.

Jeremy nói:

- Tới tháng chín ông ta cưỡi ngựa ba giờ liền không thấy mệt, bắt đầu đọc lại thơ văn Hy Lạp. Sau đó cho đến năm 1799 không thấy ông ta ghi thêm gì nữa.

- Đồ lười! Đúng lúc vấn đề trở nên hấp dẫn thì lại dừng 2, bỏ

chúng ta trong bóng tối.

Jeremy nãy giờ vẫn tiếp tục đọc thầm, bèn ngẩng đầu lên cười:

- Chưa đâu, anh nghe tiếp.

Tháng năm 1799. Có một loại đàn bà rất đặc biệt. Không những trong số người lẳng lơ mất nết mà ngay cả trong giới thượng lưu đức hạnh. Họ không ưng một sự thỏa mãn tầm thường, họ tìm một sự thỏa mãn hòa đồng nghe nói, mà thiên nhiên không phú cho cơ thể họ, bởi với một gã si tình, loại người này là nguy hiểm nhất hạng! Cầu trời từ nay về sau tôi đừng gặp phải những của nợ như tôi đã gặp trong mùa xuân này ở Bath".

Jeremy đặt cuốn vở xuống hỏi:

- Anh có còn thấy ông lão bỏ anh lại trong bóng đêm nữa thôi?

Chú thích

(1)Một once khoảng 30 gram. Mỗi ngày nuốt 180 gram ruột cá.

(2)Lúc Bá tước 60 tuổi.

Chương 7

Cái máy mài điện xoay tít tờ giấy nhám trên tấm ván với tiếng rít chói tai. Ông Propter nghiêng người trên bàn mộc, mải làm việc nên ông không nghe tiếng chân Peter đang tiến tới sau lưng. Nửa phút trôi qua, chàng đứng lặng nhìn ông già đẩy tới đẩy lui tấm ván trước mặt. Mùn gỗ bám trên đôi mày rậm và một vết dầu dính trên mặt ông. Nhìn trộm một lúc rồi Peter lên tiếng.

Ông già ngẩng lên, tắt máy mỉm cười:

- Peter đấy ư? Hãy giúp một tay làm cho xong cái ghế này. A mà quên, cậu đang đau tim kia mà, cái bệnh thấp khớp tai quái.

Peter đỏ mặt, anh vẫn thường mặc cảm với sự lóng ngóng của mình:

- Ông không bắt tôi chạy thi bốn trăm mét chứ? Tôi làm việc được mà. - Anh nói và xắn tay áo.

- Được không?

- Được quá đi chứ!

- Vậy thì tôi thu dụng cậu. Mà không, tôi nhận cậu vào chân thợ dự bị.

Peter cảm động. Anh biết rằng ông lão coi anh như con, như cậu học trò yêu. Hai người lặng lẽ làm việc, anh đánh bóng tấm ván còn ông Propter thì khoan mộng Anh gợi chuyện quyển sách anh vừa mới đọc của giáo sư Pearl viết về dân số. Mười sáu cư dân trên một ki lô mét vuông diện tích hành tinh. Tức là sáu héc ta một

đầu người. Bỏ đi ba héc ta hoang can, còn lại ba héc ta đất trồng. Với phương tiện canh tác trung bình một người có thể sống nhờ nông sản trên một héc ta. Còn dư đến hai héc ta. Vậy mà một phần ba dân số trên trái đất - thế giới thứ ba như người ta thường gọi - vẫn bị đói. Thế là thế nào?

- Tôi ngỡ là cậu đã tìm ra câu trả lời ở Tây Ban Nha?

Jeremy cười lắc đầu. Ông Propter chỉ tay ra thung lũng.

- Đất đai khí hậu vùng này, nhất là sang năm khi nước tưới về tới, thì mọi sự đều có thể làm được tất! Một thị trấn độ một ngàn dân, với độ một ngàn năm trăm héc ta đất đai, và một ít hợp tác xà sản xuất, hợp tác xã tiêu thụ, vùng này hoàn toàn có thể tự túc về lương thục. Độ hai phần ba nhu cầu khác được sản xuất tại chỗ. Một số sản phẩm phụ để đổi chác những gì còn thiếu. Có thể tràn ngập lãnh thổ bằng những thị trấn nhỏ kiểu đó không? Nếu như… - Ông già cười buồn - Nếu như các ngân hàng lớn cho vay và nếu ta có đủ người thông minh, đạo đức để làm cho chính quyền dân chủ hoạt động. Chắc chắn là ta không được ngân hàng cho phép vay. Vì chắc ta cũng chẳng tìm được những người có khả năng.

Ông Propter nói thêm. - Tiến hành công tác xã hội bằng đội ngũ những người bất tài là điều rất tai hại. Hãy thử xem các cộng đồng do Robert Owen thành lập, và nhiều người nữa… cà chục cuộc thử nghiệm rồi, đều thất bại. Vì sao? Vì không có cán bộ. Lạc quan tếu là thế.

- Ta không được phép lạc quan sao? - Peter hỏi.

Ông Propter mỉm cười:

- Có người đặt máy bơm để hút nước trong một cái giếng sâu hai mươi mét 1. Cậu nghĩ sao về người ấy? Anh ta lạc quan ư?

- Đấy là một thằng ngốc.

- Tôi cũng nghĩ thế. Tập hợp một đám bát nháo vả hy vọng tổ chức được một cơ cấu xã hội tốt hơn, đấy không phải là lạc quan mà là ngu dốt.

Im lặng một lúc rồi Peter nói:

- Như tôi, nghĩ cho cùng cũng là một thằng lạc quau đấy chứ?

- Lạc quan ở một phía nhưng lại bi quan ở một phía.

- Thí dụ?

- Trước tiên, lạc quan trong vấn đề cải tạo xã hội, khi nghĩ rằng cái thiện có thể sản xuất hàng loạt. Cái thiện là một sản phẩm tinh thần, chỉ có thể sản xuất đơn chiếc. Tất nhiên khi con người không nhìn ra cái thiếu, cùng chẳng muốn làm việc cho cái thiện thì dù có cơ sở xã hội gì gì đi nữa, cái thiện cũng không xuất hiện được. Đấy!

- Thế còn bi quan ở mặt nào?

- Ở mặt nhận định và bản chất con người.

Peter ngạc nhiên:

- Về bản chất con người, tôi nghĩ là tôi quả lạc quan đấy chứ?

- Cậu lạc quan ở chỗ nghĩ rằng với tầm cỡ hiện nay, con người có thể kiến tạo một xã hội tốt đẹp hơn. Không thể được đâu, họ không làm nổi đâu. Nhưng cậu lại không tin rằng con người có thể vượt qua tầm cỡ con người. Nói chung lạc quan và bi quan của cậu đều có chỗ ngồi trong các tôn giáo lớn đấy. Đây nhé. Sách Tân ước nói gì? Nghe bi quan lắm.!. "Nhiều kẻ được gọi nhưng ít kẻ được nhận… Kẻ không có gì cũng sẽ bị tước nốt những gì nó có.

Bởi ta nói với các con cuộc đời nghèo cực các con đang sống đây, rồi cũng sẽ bị mất đi… Không có đường lên nước trời cho

những kẻ không được thẳng ngay được như các Thày cả và các Thày chủ tế". Thày cả và chủ tế là ai? Là các công dân ưu tú, là trí thức trụ cột của xã hội. Người bình thường làm sao hơn được họ. Mặc dù vậy và chinh vì vậy, mà Chúa Jesu đã gọi họ là một ổ rắn độc (Tội nghiệp cho tiến sĩ Mulge! Ông ta mà gặp Chúa cứu thế chắc ông ta rầu lắm!) Đấy mặt bi quan của bài học Kinh thánh. Kinh Phật, Kinh Ấn giáo cũng vậy, tuy có hệ thống hơn, uyên bác hơn. Chúng sinh cỡ trung bình, loại làng nhàng, chẳng còn hy vọng gì ở nước trời nữa đầu: Họ đã bị lên án!

- Ở các nhà thờ Tân giáo cũng chẳng hơn gì. Peter nói.

- Chẳng hơn gì thật. Chút ít nhân văn đầu thế kỷ 20 thêm thắt vào giáo lý cứu rỗi của thế kỷ 19. Chủ nghĩa nhân văn không công nhận cuộc sống đời đời, còn giáo lý cứu rỗi bác bỏ thuyết nhân quả và cho rằng có một vị ở trên trời tha thứ hết, thu xếp hết. Nhà thờ tôn giáo giống như gia đình chồng ăn mặn vợ ăn chay, nhưng họ vét sạch đĩa chẳng để lại tí nào cho con cái.

Ông Propter dừng một lúc rồi cười nói:

- Hãy gieo, rồi các con sẽ gặt! Các con không báng bổ Chúa - Nhưng từ lâu rồi, câu chuyện nhân bản ấy, loài người chẳng thèm nghe nói tới nữa. Họ bất chấp bản chất sự vật, họ nghĩ có thể tùy tiện làm gì cũng được. Lắm lúc tôi muốn viết giúp họ một quyển sách, kiểu sách dạy nấu ăn, nhan đề: "Một trăm lẻ một cách thức bảng bổ Chúa". Tôi sẽ viện ra một trăm lẻ một bằng chứng rút ra từ lịch sử và từ xã hội hiện đại để chứng minh cho họ thấy: Cứ nhắm mắt làm liều không quan tâm tới thực tế thì rồi sẽ hỏng kiểu đấy. Theo như hiện tình bây giờ, quyển sách sẽ chia thành nhiều phần, ví dụ như: "Cách báng bổ Chúa trong Nông nghiệp", "Cách báng bổ Chúa trong Chinh trị", "Cách báng bổ Chúa trong Giáo dục", "Cách báng bổ Chúa trong Triết học", "Cách báng bổ Chúa trong các vấn đề Kinh tế" vân… vân… Đấy sẽ là một quyền sách nhỏ thú vị. Nhưng đọc chắc mệt - Ông Propter nói thêm.

Chú thích

(1)Bơm ly tâm chỉ hút được nước ở độ sâu 7 mét, nếu sâu hơn nữa phải dùng các loại bơm cao áp.

Chương 8

Ông Bá tước thứ năm ghi trong sổ tay là năm chín mươi mốt tuổi ông có thêm hai người con ngoài giá thú. Ghi bằng những dòng chữ ngắn gọn, tỉnh khô, rất xứng với kiểu nói của các tôn ông quý tộc. Đoạn này nằm giữa đoạn thuật lại một cuộc tiếp xúc với Công tước Wellington và một đoạn nhận xét về nhạc Mozart.

Một trăm hai mươi năm sau khi sự việc xảy ra... bác sĩ Obispo, vốn không phải là một tôn ông người Anh liền vỗ đùi la lớn, làm như chính ông ta đã lập thành tích ấy.

- Ba nhé! Thưa quý vị! Ba! Quý vị thấy thế nào?

Jeremy thuộc hạng con nhà dòng dõi Ăng lê tỉnh bơ nói:

- Kể cũng khá. - Và ông tiếp tục đọc:

"Năm 1820, bá tước lại bị ốm, nhưng không nặng lắm. Ông chữa trị bằng ruột cá chép tươi và sức khỏe lại hồi phục, theo kiểu ông nói "sức khỏe của một gã trai tơ". Năm kế đó, lần đầu tiên, sau một phần tư thế kỷ, ông tới thăm vợ chồng cô cháu gái. Caroline đã trở thành một bà lão. John đầu đã hói, hom hem như ông cụ.

Nghe tin Bonaparte vừa chết, Bá tước triết lý: Một con người thèm khát danh vọng và quyền lực, thèm được kích động, mà lại chỉ biết thoả mãn những cái đó bằng cách tiến hành chiến tranh và tranh giành quyền lãnh đạo thì quả là ngu xuẩn. Trong hòa bình và trong lĩnh vực gia dụng, cũng có những chiến công tương đương với chiến công của Alecxand Đại đế và của Bonaparte.

Trong lĩnh vực này người ta nói: tiến công vào tình yêu, chiếm

lĩnh một con tim, chiếm lĩnh thân thể một người đàn bà. Những cách nói hùng hồn mà dễ thương làm sao!

Càng suy nghĩ kỹ. ông càng thấy chiến tranh và mưu đồ đế quốc là điều xấu, xấu vì ngu, ngu vì vô ích, bởi chẳng phải tốn quá nhiều đau khổ, nhọc nhằn, người ta vẫn cứ chiến thắng, vẫn cứ đô hộ được ở đằng sau bức màn the của một quận chúa hoặc trên ổ rơm của một cô gái nông thôn.

Rồi tới lúc nào đó, ta cảm thấy thú vui này trở nên nhạt nhẽo, cũng như các vị anh hùng thời cổ thấy nhàm chiến thắng đòi phải chiếm thêm nhiều lục địa mới, thì lúc ấy ta có thể trả thêm một đồng bạc hoặc chả phải trả thêm gì hết như tôi đã từng làm. Lúc ấy ta có thể dùng roi, dùng cùm, dùng bất cứ cách nào để hành hạ đối phương. Kẻ xâm chiếm cũng như người bị xâm chiếm đều thêm một chút đau đớn, một chút nhục thể trong cuộc tình. Nó như một món gia vị, như một chiến lợi phẩm phụ thêm.

Tôi cho rằng, khi một người chỉ chuyện tâm làm tiền thì đó là kiểu ăn vô tội nhất. Chuyên tâm làm tình càng vô tội hơn. Nếu gã Bonaparte kia có chút ít đạo đức, thì gã sẽ tìm cách thỏa mãn nhu cầu đô hộ của hắn trong các phòng khách và phòng ngủ ở đồng quê xứ Corse, hắn sẽ được nhắm mắt yên lành trong gia quyến, và hàng trăm ngàn người vô tội ở đây vẫn còn sống, còn lành mạnh để mà truy tìm hạnh phúc.

Tất nhiên là họ sẽ dùng mắt, dùng tay, dùng cuộc đời họ một cách ngu xuẩn, cũng giống như những kẻ chưa bị Bonaparte sát hại còn sống đến bây giờ với chúng ta. Dù cho Đấng tối cao có vỗ tay hoan hô Bonaparte đã thanh toán giùm ra khỏi mặt đất lũ giòi bọ ấy, nhưng về phía mình, lũ giòi bọ lại nghĩ khác. Ở cương vị là một người bình thường chứ không phải là Đấng tối cao, tôi xin đứng về phía giòi bọ.

Bác sĩ Obispo mơ màng suy nghĩ. Ông nói:

- Anh có để ý thấy là phần đông chúng ta, ngay cả những thằng đểu cáng trơ trẽn nhất, cũng tìm mọi cách làm ra vẻ lương thiện. Ngay cả lão già này cũng thế. Thế mà lão lại bỏ công viết lách, để khoe rằng lão đạo đức hơn Bonaparte, tất nhiên thực tế mà nói, lão có khá hơn, nhưng phí công để mà nói ra điều đó quả là buồn cười.

- Nhưng cùng chưa thấy ai dám nói thực như lão.

- Cho nên buộc lòng lão phải nói vậy! Tôi định nói ra điều đó. Trong thực tế ta khó gặp Iago. Bao nhiêu người trên đời này làm tất cả mọi việc xấu xa, mà Iago đã làm, nhưng họ không chịu cho mình là hèn hạ. Họ thêu dệt lên một thế giới ngôn từ để chứng minh rằng những điều xấu xa của họ là đứng đắn. Tôi nghĩ lão già ăn ruột cá này không nằm trong đám đó, nhưng không, lão cũng như bọn kia thôi. Tôi có hơi thất vọng về lão đấy.

Jeremy lặng im, đọc tiếp:

"Năm 1823, Bá tước có nói chuyện với thi sĩ Colleridge. Ông cho rằng kiến thức của thì sĩ sâu quá nên cũng đục quá. Sâu nên đục - đặc tính của đầm hồ. Văn chương thì nên trong trẻo, đừng sâu quá, để cho người đời dễ dàng vén quần lội qua, không sợ chết đuối giữa dòng.

Năm 1824, Bá tước than phiền về đạo luật vừa ban hành cấm buôn nô lệ. Vậy là mỗi năm ông bị thiệt mất tám chín ngàn ghi-nê.

Năm 1826, dù thu nhập giảm sút ông vẫn không đành bỏ qua, xuất tiền mua bức "Hành hạ Thánh nữ đồng trinh" của Murillo.

1827 là một năm thua thiệt về tiền nong do cái chết của cô hầu phòng gây ra, chi tiết không nói rõ. Sổ chỉ ghi một món tiền lớn cho gia đình cô gái sau vụ phá thai.

Một thời gian sau, ông lại bị ốm. Ông mô tả tỉ mỉ tình trạng sa

sút ở cơ thể, đặc biệt là ở mắt và môi. Điều trị bằng ruột cá một thời gian nữa, ông lại bình phục, tâm trí lại vui vẻ. Năm 1828 ông làm một chuyện du lịch tới Athènes, Constantinople và Ai Cập.

Năm 1831, ông thương lượng mua một ngôi nhà gần Farnham.

- Có lẽ là ngôi nhà hai bà gái già sau cùng của họ Hauberk đang ở. Ngôi nhà chứa những c ái này - Jeremy nói và chỉ hai mươi bảy thùng tài liệu. Ông đọc tiếp:

"Ngôi nhà cũ, tối tăm, không tiện nghi nhưng được cái là nằm giữa một khu vườn rộng, bên triền đồi, cạnh con sông Wev. Bờ sông nơi đây vách dựng đứng, nền đá nham vàng, mềm, dễ đào. Vì vậy ở bên dưới thềm nhà có những tầng hầm ngầm rất rộng. Hầm đào dễ đã đến trăm năm. Ngày xưa có lẽ dùng để chứa hàng lậu đưa từ bờ biển Hampshire vào. Người chủ nhà lúc đó sợ trẻ con lạc vào những căn hầm ngoắt ngoéo bên dưới, đã cho xây tường bịt bớt đi một số, nhưng số còn lại vẫn rộng thênh thang như những hầm mộ cổ. Dưới những tầng hầm ấy, một người đàn ông chắc chắn có thể làm theo mọi sở thích dù sở thích có quá quắt tới đâu đi nữa".

Jeremy liếc lên đầu tập sách:

- Hơi ghê rợn anh thấy không?

Bác sĩ Obispo nhún vai:

- Chẳng có chỗ trú nào là an toàn cả. Bởi không có chỗ trú như anh vừa đọc đó cho nên tôi...- Câu nói nửa chừng buông lửng. Obispo nghĩ chắc mình không thể tiếp tục cho lão già Stoyte uống thuốc ngủ mãi như vậy được. "Quỷ bắt thằng già đi cho rồi!".

Jeremy nói:

- Vậy là Bá tước mua ngôi nhà, cho tu bổ lại theo kiểu gôtic. Ông đặt một căn phòng dưới tầng hầm, đằng sau một hàng hiên

dài ngoắt ngoéo. Dưới hầm ông tìm ra được một cái giếng nước ngọt, một đường ăn ngầm thông ra bờ sông. Nền đất khô ráo thoáng mát.

- Hắn làm cái quái gì ở đó? - Obispo hỏi.

- Làm sao tôi biết được? - Jeremy lướt nhanh phần còn lại. - Hiện giờ thì lão đang đọc một bài diễn văn ở Thượng viện Anh.

- Về vấn đề gì?

- Anh nghe đây: "Vào những ngày đầu của Cách mạng Pháp tôi đã làm cho mọi phe phái ở Anh phải phát khùng. Tôi nói: "Ngục Bastille thất thủ! Ngục Bastille muôn năm!" Bốn mươi ba năm đã trôi qua sau cái sự kiện dở hơi ấy là lời chuẩn đoán của tôi quả là chính xác, Những điều tàn bạo mới xuất hiện. Những điều tàn bạo cũ được phục hồi. Bây giờ thì tôi có thể nói: "Những kẻ ăn trên ngồi trước đã chết! Những kẻ ăn trên ngồi trước muôn năm!"

Quảng đại quần chúng không thể tự giải phóng, họ bất tài, không điều khiển nổi vận mệnh của chính mình, cho nên chính phủ bao giờ cũng thuộc về cường quyền bạo lực. Tôi khinh bọn quý tộc, bọn địa chủ, nhưng họ tự khinh họ còn hơn tôi nữa. Họ nghĩ là quyền bầu cử sẽ tước mất sức mạnh và đặc quyền của họ, còn tôi thì nghĩ, với một chút khôn ngoan quỷ quyệt mà trời phú cho họ quá nhiều thì họ cứ yên chí mà ngồi trên đầu thiên hạ. Cho nên bọn dân đen cứ việc bầu cử một trò bầu cử chẳng qua chỉ là một trò múa rối xem không mất tiền do người cai trị tổ chức để làm yên tâm kẻ bị trị"

- Trong một cuộc bầu cử hiện thời, chắc ông ta khoái chí biết chừng nào! Này, cái năm ông ta bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Để xem... - Jeremy nhẩm tính rồi nói: - Chín mươi bốn tuổi.

- Chín mươi bốn! Nếu không phải nhờ ruột cá, tôi không biết là

lão nhờ cái gì nữa?

Jeremy im lặng đọc tiếp:

"Đầu năm 1833, ông tới thăm vợ chồng cô cháu gái nhân dịp sinh nhật Caroline sáu mươi tám tuổi"

- Không nói gì tới cái hầm ngầm nữa sao?

- Không, cô quản gia ốm và ông ta chữa cho cô ta bằng ruột cá.

- Tuyệt! Rồi sao nữa?

Jeremy lắc đầu:

- Trang sau nói về Milton.

- Thi sĩ Millon?

- Ông nói đọc văn chương Milton, ta thấy rõ tôn giáo sống là nhờ lạm dụng ngôn từ.

- Có thể ông ta có lý. Đọc tiếp đi. Cô quản gia rồi ra sao?

- Chắc chắn cô còn sống". - Jeremy nói. Tôi thấy có một đoạn ngắn ghi là khi đàn bà tận tụy thái quá, ta dễ thấy nản.

- Nản! Kiểu nói quý phái! Tôi có biết những người đàn bà bám dai như đỉa đói, làm ta ngất ngư.

Dường như ông ta cũng không chủ tâm chung thủy lắm, đoạn này đang nhắc tới một cô gái lai da đen tên là Priscilla. Đây: "Cô gái tuyệt vời! Nàng ngu như một con mọi và hiểm độc như một mụ đàn bà Á châu!"

- Vẫn chua thấy nói về sức khỏe của Kate, cô quản gia.

- Ông ta còn gì nói nữa. Chắc ông ta nghĩ rằng chuyện đó phải

như vậy.

- Tôi hy vọng ông ta sẽ trở thành một nhà khoa học. Bác sĩ Obispo thở dài nói.

Jeremy bật cười:

- Anh lo làm quái gì cho các vị Bá tước thứ năm và các vị Nam tước thứ mười một! Bọn họ trở thành nhà khoa học để làm cái gì chứ?

Jeremy lật sang trang khác, ông kêu lên:

- Ôi khủng khiếp! Ông ta đọc quyển "Phân tích hiện tượng tâm linh" của James Mill 1. Ở tuổi chín mươi lăm! Điều đó còn dễ sợ hơn là có một cô quản gia và một cô nhân tình trẻ. Đoạn văn viết:

"Thằng ngu bình thường chỉ là một thằng hèn và dốt. Muốn làm một thằng ngu cỡ lớn phải hiểu biết rộng và có nhiều tài năng. Ta phải công nhận như vậy đối với ông Bentham và lũ đồ đệ của ông. Sự điên khùng của họ bao giờ cũng ở tầm cỡ khổng lồ. Còn quyển "Phân tích của ông Mill thì đúng là một lâu đài đồ sộ của sự ngu dốt". 2

Đoạn kế tiếp nói về Hầu tước De Sade. À nhân thể, đến bao giờ anh mới trả lại tôi mấy cuốn sách?

Obispo nhún vai:

- Bao giờ cũng được. Tôi không cần dùng nữa.

Jeremy mừng rỡ đọc tiếp:

"Hầu tước De Sade là một tài năng lớn nhưng rủi thay, ông ta là người mất quân bình. Theo ý tôi, một tác giả sẽ đạt tới trình độ tuyệt đỉnh nếu anh ta hội đủ được ưu điểm của Hầu tước với ưu điểm của Butler và Sterne.

- Hầu tước cộng với giám mục cộng với mục sư!... - Jeremy trầm ngâm. Một quyển sách khá hấp dẫn đấy!

Jeremy đọc tiếp:

"Tháng mười 1833. Càng thụt sâu xuống sự sa đọa, ta càng hưởng cái thú được ngắm đỉnh cao trí tuệ của ta. Hành vi sa đọa chấm dứt, ta lại leo về đỉnh cao cũ và lại càng thấy thích thú".

- Khá đấy! - Jeremy khen - Tới đâu rồi? À đây!

"Người Cơ đốc giáo nói nhiều về đau đớn, nhưng họ chưa đạt tới cốt lõi vấn đề. Đặc điểm của đau đớn chính là vô tận. Lạc thú thì không thế. Lạc thú có giới hạn, một toan tính vượt giới hạn đều biến lạc thú thành đau đớn. Cho nên người thực sự hưởng lạc là người tìm đau đớn chứ không phải tìm lạc thú. Tặng nhau một khối lượng lạc thú có giới hạn là hành vi của con người. Áp đặt sự vô tận mà ta gọi là sự đau đớn, đó là công việc của Chúa, đó là thiêng liêng".

- Lão khốn kiếp! Khi về già lại nhào vô thần học. Hắn gàn gần giống cụ Propter nhà ta! - Obispo châm một điếu thuốc.

Jeremy bỗng kêu lên:

- Nghe đây! Nghe đây!: "11 tháng ba 1834. Kate lơ đễnh cho con bé Priscilla trốn khỏi căn hầm riêng dùng để giam nó. Mấy tuần nay tôi dùng thân thể nó để tiến hành những nghiên cứu riêng. Nó đã trốn thoát. Vậy là danh giá của tôi, ngay cả tính mệnh tôi nay đã nằm trong tay nó".

- Dường như đây là câu chuyện anh nói với tôi lúc đầu. Chuyện bê bối cuối đời của lão. Cái gì xảy ra vậy?

- Có thể là cô gái bỏ trốn đã tố giác lão. - Jeremy vẫn dán mắt vào trang giấy. - Nếu không tại sao tự dưng lão lại ghi "quân chó đẻ" vào đây!

"Trình độ nhân văn của loài người tỷ lệ nghịch với số lượng người. Nói một đám đông nhân đức cũng giống như nói một ngọn thác hay một cơn giông nhân đức. Một quân chó đẻ, đàn ông hay đàn bà về phương diện đạo đức trí tuệ, tất nhiên có trình độ cao hơn là một bày heo chó một chút".

Bác sĩ Obispo ngửa đầu cười vang:

- Tuyệt tác! Tuyệt tác! Loài thú sống như người-bậc-thấp rồi trở thành người. Điều đó chứng minh rằng thực ra người chỉ là loài thú-bậc-cao! Tuyệt tác! - Obispo xoa hai tay vào nhau,- Nào xem sao nữa.

- Thì cảnh sát tới. Rồi tòa án ra lệnh truy tố lão. Nhưng người ta còn nể tuổi tác, địa vị của lão, nhất là để tránh nổ ra một vụ bê bối trong dư luận về dòng họ quý tộc... Người ta đi gọi vợ chồng cô cháu gái. John đã bảy mươi hai tuổi, Caroline đã phải đeo tóc giả.

- Một buổi họp mặt gia đình thú vị. Vị Bá tước không cho biết thêm ý gì nữa?

Jeremy lắc đầu:

- Ngày mười bảy tháng Ba, người ta cho lão biết lão sẽ thoát nếu lão đồng ý ký vào giấy giao lại tài sản cùng lợi tức rồi vào nhà thương tư để điều trị.

- Hơi cứng rắn đấy.

- Lão từ chối vào buổi sáng ngày 18.

- Ghi cho lão một điểm.

Jeremy đọc.

"Những nhà thương tư là những nhà tù đặc biệt ngoài tầm kiểm soát luật pháp, cảnh sát cũng không được vào, nói gì đến các cuộc

thăm viếng nhân đạo của các nhà từ thiện. Bọn tra tấn, bọn cai ngục được thuê thực hiện việc trả thù cho cá nhân hay cho gia quyến.

Bác sĩ Obispo khoái chid vỗ tay cười sằng sặc:

- Thêm một nét tiêu biểu của con người. Những cuộc viếng thăm từ thiện! Tuyệt vời! Cũng tuyệt vời như Thống chế Goering tõ giác chuyện hành hạ súc vật! Rồi sau đó?

- Vợ chồng người cháu nói là ông sẽ bị tòa xử, bị lưu đày. Ông trả lời thà lưu đày còn hơn là vào nhà thương tư.

"Thế là hai đứa cháu quý hóa của tôi thất vọng. Họ hứa là tôi sẽ được đối xử nhân đạo trong cái nhà thương ấy. Tôi nói là tôi không đồng ý. John nhắc tới danh dự của anh ta. Tôi nói cái đó không cần. Hai người van tôi hãy vì tiếng thơm của gia tộc mà chấp nhận yêu cầu của họ. Tôi nói là tôi không cần tiếng thơm của gia tộc, nhưng tôi không để bị tòa xử trước công chúng, tôi nói là tôi sẵn sàng chấp nhận một giải pháp hợp tình hợp lý. Giải pháp nào áp đặt tôi phải chịu sự chi phối của họ thì tôi không chấp nhận. Còn như lời hứa danh dự của họ thì tôi không coi là một sự bảo đảm. Do vậy tôi không ưng thuận vào một nơi có bác sĩ và người canh được thuê để giết tôi. Tôi từ chối mọi sự thu xếp, đặt tôi vào tầm tay họ mà không đặt họ vào tầm tay tôi".

- Nguyên lý ngoại giao có đặc trong một câu! - Bác sĩ Obispo nói - Giá Chamberlain hiểu điều đó thêm một chút trước khi tới Munich 3. Hai việc cũng chẳng khác gì nhau. Bởi việc làm của các chính khách chả có gì là quan trọng. "Chủ nghĩa yêu nước" của bọn tư bản tạo ra ít nhất là một cuộc chiến tranh cho mỗi thế hệ. Xưa đã vậy, tương lai chắc cũng sẽ như vậy. Nhưng lão già làm thế nào thực hiện nguyên tắc ấy. Lão nằm trong tay họ, làm cách nào để họ nằm trong tay lão?

- Tôi cũng không biết nữa! Nhưng ông ta lại lao vào triết lý.

- Ngay lúc ấy? Ngay khi sắp bị truy tố! Khiếp thật!

Jeremy đọc:

"Có một thời, tôi đã nghĩ là mọi nỗ lực của loài người đều hướng về một điều nằm đâu đó ở khoảng giữa thân thể người đàn bà. Ngày nay tôi lại nghĩ trong hoạt động của bọn đàn ông và trong sự quyết định tư tưởng...".

- Ông ta không trở lại sự việc cụ thể nữa sao? Tính lão vẫn thế... Không, đây rồi!

"20 tháng Ba. Ngày hôm nay Robert Parsons, viên quản lý của tôi từ Luân Đôn đem về ba rương tiền vàng và giấy bạc cộng chung là hai trăm mười sáu ngàn bảng, tiền bán lại chứng khoán, tư trang, tác phẩm nghệ thuật của tôi. Kể cũng thiệt vì phải bán gấp, nếu không tôi có thể thu khoảng ba trăm năm chục ngàn bảng nữa. Dù sao số tiền cũng dư để chi dụng.

- Chi dụng gì nhỉ? - bác sĩ Obispo hỏi.

Jeremy im lặng một lúc rồi lắc đầu. - Chẳng còn hiểu ra làm sao nữa. Chuyện quải quỷ gì thế này? Anh nghe đây!

"Đám tang tôi sẽ cử hành xứng với địa vị và đạo đức của tôi. John và Caroline phản đối các khoản chi quá lớn, nhưng tôi đã quyết là đám tang của tôi phải trị giả không dưới bốn nghìn bảng.

Điều đáng tiếc duy nhất là tôi không được chui ra khỏi trú ẩn để dự tấn hài kịch xót thương này và ngắm gương mặt vờ đau đớn của hai vị nam nữ Bá tước mới. Hôm nay tôi và Kate chui xuống căn phòng chuẩn bị dưới hầm ngầm và sáng mai mọi người sẽ hay tin về cái chết của tôi. Xác một kẻ ăn xin đã được bí mật đón về, cái xác ấy sẽ được đặt vào cỗ áo quan thay tôi.

Sau khi đưa đám, nam nữ Bá tước mới sẽ tới ở tại lâu đài của tôi ở Gonister, giao lại ngôi nhà này cho Parsons. Anh này vừa là

người canh gác vừa là người lo cái sống cho chúng tôi. Vàng và tiền do anh ta đưa về đã được chôn ở một vị trí bí mật chỉ mình tôi hiết. Đã thoả thuận là mỗi năm vào ngày một tháng năm tôi sẽ cho người đưa tới cho John hoặc Caroline, hoặc trong trường hợp họ chết trước tôi, thì đưa cho người thừa kế của họ năm ngàn bảng. Tôi đã tạo cho họ một thế đứng để nhận mối tình thương yêu của tôi, mối tình mà họ chẳng thấy bao giờ".

Jeremy ngẩng đầu nói còn hai trang trắng là hết quyển sổ nhưng không còn một chữ nào nữa.

Im lặng hồi lâu. Bác sĩ Obispo đứng lên đi đi lại lại trong căn phòng. Cuối cùng anh ta nói:

- Chẳng còn ai biết lão già khốn kiếp này sống thêm bao nhiêu năm nữa nhỉ!

Jeremy lắc đầu:

- Chẳng còn ai! À có thể... Có thể là hai bà gái già...

Bác sĩ Obispo dừng lại trước mặt Jeremy, rồi anh ta bỗng dưng đập mạnh xuống bàn hét:

- Tôi phải tới nước Anh ngay lập tức!

Chú thích

(1)James Mill, một triết gia, chính trị gia và là hjc trò của J. Bentham.

(2)Nguyên văn "là rạp Colysée của sự ngu dốt". Colysée: Sân vận động to đẹp nhất La Mã hoàn thành năm 80 sau CN, có thể chứa 100.000 khán giả.

(3)Cuộc thương nghị tay tư ở Munich ngày 29-9-1938 giữa Hitler, Benito Mussolini, Chamberlain và Édouard Daladiermở

đường cho bọn Nazi chiếm Tiệp Khắc.

Chương 9

Ngày hôm ấy, viện điều dưỡng trẻ em cũng không an ủi ông Stoyte. Các cô y tá đón ông với nụ cười thân thiết nhất, viên bác sĩ nội trú ông gặp ngoài hành lang, khom người cung kính như thường lệ. Bọn trẻ ốm dậy reo "Bác Jo! Bác Jo!". Khi ông dừng lại trước giường bệnh, gương mặt chúng bừng lên trong chốc lát. Như thường lệ, chúng vẫn reo lên khi nhận quà bác đem tới. Điều này còn cảm động hơn: có đứa lặng đi vì sung sướng, vì ngạc nhiên, vì chúng không tin là có chuyện đó.

Đi qua các căn phòng kế tiếp, cũng như trong các phòng trước, ông nhìn những tấm thân lở lói vì ung nhọt. Những gương mặt quắt queo, nhẫn nại chịu đau đớn, những thiên thần bé bỏng đang hấp hối, những đứa bé ngây thơ quằn quại. Những con quỷ nhỏ, đầu bù mũi tẹt, bình thường có lẽ quấy phá như giặc, nhưng giờ đang nằm yên bất động vì đau đớn.

Thường ngày, những cái đó làm ông thấy mình quả là đức độ, làm ông muốn phát khóc, đồng thời muốn la lên vì tự hào: tự hào thấy mình là con người, tự hào đã làm nhiều việc thiện, đã cho lũ trẻ cái bệnh viện đẹp nhất California, tất cả những gì đẹp nhất mà đồng tiền có thể mua được.

Nhưng hôm nay thì mọi hứng cảm đều không có; ông không thấy muốn khóc, muốn la. Ông không thấy tự hào hay băn khoăn thương cảm. Không thấy cái hạnh phúc tuyệt vời do hai thứ ấy trộn vào nhau tạo thành. Ông chẳng thấy gì cả, chẳng có gì cả, ngoài cái cảm giác khổ não nó đeo đẳng ông suốt ngày nay từ cái Lăng tới Clancy tới bàn giấy của ông trong thành phố. Trên chuyến về đồng quê, ông nghĩ sẽ được an ủi ít nhiều khi tới viếng 10 trẻ

ốm, giống như người hen suyễn nghĩ trước tới liều Adrénaline hoặc như gã nghiện thuốc phiện nghĩ tới cữ hút đã quá giờ. Nhưng niềm an ủi không đến. Lũ trẻ đã vồ hụt.

Ông gác cổng, quen như mọi bữa, nở một nụ cười đưa tiễn, nói vài câu về lũ trẻ. Ông Stoyte ngơ ngác lắc đầu chẳng nói gì, tiếp tục bước.

Ông gác cổng nhìn ông chủ đi xa dần: "Ơ, quái! Cái gì thế kia!" Và ông nhớ mãi khuôn mặt ông Stoyte lúc ấy.

Ông Stoyte trở về lâu đài với cảm giác đau đớn như lúc ra đi sáng nay. Ông lên lầu 14 cùng với bức Vermeer; Virginia không có trong phòng khách. Ông xuống lầu 10; không thấy cô ở phòng bida. Ông buông mình xuống lầu 2; cô không có ở chỗ người làm móng tay, cũng không thấy ở chỗ bà đấm bóp. Tự dưng nổi cơn ghen, ông tụt xuống tầng hầm thứ 3, cắm đầu chạy thẳng vào phòng thí nghiệm, cả cô, cả Peter đều không có ở đó; căn phòng vắng tanh. Một con chuột kêu chút chít trong lồng và bên trong bể nước, con chép già từ từ lướt trong bóng tối ra ánh sáng rồi từ ánh sáng lướt trở về bóng tối lờ mờ.

Ông Stoyte bước trở lại thang máy, giam mình trong cuộc đời thường nhật mà một người Hà Lac từng ấp ủ, từng hết sức dịu dàng nâng lên tầm toán học. Ông Stoyie ấn vào nút sau cùng, nút thứ 23.

Lên tới nơi, ông Stoyte kéo cánh cửa trong của thang máy và nhìn qua khung tò vò của cánh cửa ngoài.

Nước trong bể bơi hoàn toàn tĩnh lặng. Bên trên bức tường chắn, dãy núi đã khoác vẻ huy hoàng của ánh chiều vàng pha tía. Bầu trời xanh trong, không một áng mây. Trên chiếc bàn sắt có cái mâm nhỏ đặt rượu và mấy cái ly. Đằng sau bàn là cái đi-văng thấp ông Stoyte vẫn nằm phơi nắng. Virginia nằm ườn nơi đó, như người bị gây mê, đôi môi hé mở, một cánh tay buông thõng, bàn

tay xòe trên mặt đất, ngửa lên trời như một cánh hoa bị ném, bị bỏ quên, hờ hững. Obispo ngồi cạnh cô, như danh y Claude Bernartf bên con bệnh. Hắn chăm chú nghé nhìn gương mặt cô, nửa như cười cợt, nửa như tò mò quan sát.

Cơn giận trào lên như sóng cuộn trong lòng ông Stoyte. Cơn giận suýt nữa làm hỏng ý định giết người của ông. Ông cố ghìm lại để không hét lên, không nhảy xổ ra khỏi thang máy. Ông vung tay lên, mồm xùi bọt mép. Ông sờ tay vào túi áo vét-tông. Cái túi rỗng, ngoài chiếc mõ bằng gỗ và hai bịch kẹo cao su còn sót lại sau khi phân phát đồ chơi cho lũ trẻ. Lần đầu tiên từ vài tháng nay ông quên khẩu súng ngắn.

Trong vài giây, ông Stoyte phân vân không biết nên làm gì. Chạy thẳng ra dùng tay không quật chết thằng kia? Hay phải trở xuống tìm súng? Ông quyết định tìm súng. Ông nhấn nút. Cái thang máy lặng lẽ chìm sâu xuống đáy giếng. Ông Stoyte trợn trừng mắt nhìn bức Vermeer mà chẳng thấy gì hết. Từ trong thế giới hình học tuyệt mỹ của mình, người đàn bà mặc áo xa tanh xanh dừng chơi thụ cầm. Nàng ngoảnh nhìn ra cửa sổ, qua bức màn nhung, qua mặt nền lát gạch ô đen trắng, nàng nhìn cái thế giới xấu xí hỗn loạn mà ông Stoyte và những kẻ đồng loại của ông đang sống.

Ông Stoyte chạy về phòng mình, mở ngăn kéo lục lọi giữa những đống khăn mặt lộn xộn của ông mà chẳng thấy gì hết. Ông đã nhớ ra, khẩu súng ngắn sáng nay ông không bỏ túi áo mà bỏ trong túi quần. Lúc huấn luyện viên thể dục tới, ông rút nó ra xếp vào trong ngăn kéo bàn giấy, nơi ông làm việc.

Ông Stoyte co cẳng chạy tới thang máy, xuống bốn tầng, nhào vô phòng làm việc. Khẩu súng để trong ngăn kéo trên cùng, bên trái, ông đã nhớ ra.

Ngăn trên và tất cả các ngăn khác đều khóa.

- Con chết tiệt! Con chết tiệt! - Ông Stoyte gầm lên, giật mạnh

cái núm ngăn kéo.

Cô Grogram, thư ký riêng của ông, vốn cẩn thận, bao giờ cũng khóa bàn tủ trước khi ra về. Không ngớt mồm chửi rủa cô Grogram cũng ngang với thằng chó chết trên nóc nhà kia, ông Stoyte rảo bước tới thang máy. Cửa thang máy đóng, ở đâu đó người ta đang dùng, ông nghe tiếng rò rè của động cơ. Trời ơi, phải chờ tới chừng nào?

Ông Stoyte rú lên câu gì nghe không rõ. Chạy dọc hành lang, quay phải, quay trái, chạy tới trước cái thang máy dự phòng. Ông giật cửa. Cửa đóng. Ông nhận nút gọi. Chẳng nghe thấy gì hết. Thang máy dự bị cũng có người đang dùng.

Ông Stoyte quay ngoắt lại, chạy dọc hành lang, vượt qua một cánh cửa lửng, rồi một cái nữa, tới cầu thang, cầu thang xoắn trôn ốc quanh cái giếng sâu sáu mươi lăm mét. Ông Stoyle chạy nhào lên, nhảy hai bậc một. Lên được hai tầng ông đã hết hơi. Ông lại chạy tới thang máy. Thang dự bị vẫn chưa rảnh. Chiếc kia trả lời, từ từ hạ xuống, dừng lại trước mặt ông. Cánh cửa mở ra. Ông nhào vào ca bin.

- Con đĩ! - Ông Stoyte luôn mồm chửi. Và từ cô thư ký chuyển sang bác sĩ Obispo - Thằng chó đẻ!

Thang máy dừng. Ông Stoyte nhào ra, chạy dọc hành lang tới phòng của cô Grogram. Phòng vắng ngắt. Ông nghĩ có thể tìm ra xâu chìa khóa. Nhưng không, ông không tìm được. Nó ở chỗ khác. Ở đâu? Ông giận xùi bọt mép. Ông rút ngăn kéo, hất tung đồ đạc xuống đất. Ông ném tung hồ sơ sổ sách xếp ngăn nắp trên kệ. Ông ném cái máy ghi âm. Ông hất nlào kệ sách, hất nhào lọ hoa, hất nhào bể cá vàng cô Grogram đặt trên bệ cửa sổ. Đuôi cá quẫy như một vết mực tầu loang trên nền gạch. Ông Stoyte vớ lấy lọ hồ thẳng cánh ném vào lũ cá đang ngoắc ngoải.

- Con đĩ! Con đĩ! - Ông hét lên. Rồi tự dưng ông nhận ra xâu

chìa khóa treo cẩn thận trên móc, cạnh lò sưởi, ở đúng chỗ ông thường thấy nó hàng ngàn lần. Ông vớ lấy xâu chìa khóa, gầm lên - Con đĩ!

Ông lao ra cửa, thuận tay xô luôn cái bàn cạnh đường đi. Cái máy đánh chữ đặt trên đó đổ ầm xuống đất cạnh đống giấy má bừa bộn, hồ dán và cá vàng. Cho đáng đời con đĩ! Ông Stoyte vẫn còn nổi xung về cô thư ký. Ông chạy ra thang máy.

Chương 10

Peter bước lên đồi, vừa đi vừa ngẫm nghĩ về những điều vừa trao đổi cùng ông Propter. Mặt trời đã xuống thấp về phía lâu đài. Barcelone thất thủ. Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Đức, Mỹ cũng đáng thất thủ, chúng thất thủ ngay trong thời kỳ chúng đang vươn lên, chúng phá hoại những cái gì chúng đang xây dựng. Nhưng mỗi một con người chúng ta hoàn toàn có khả năng không để mình thất thủ. Chúng ta hoàn toàn có khả năng chống cái ác, nó không thể là điều bắt buộc đối với ta.

Mặt trời đã lặn. Buổi hoàng hôn dường như là hiện thân của sự bình yên, sự bình yên không cần phải tìm hiểu gì hết. Peter đưa mắt nhìn xa về phía dãy núi chập chùng. Phải từ giã một tầm nhìn huy hoàng như thế này thật đáng tiếc. Anh đi lần vào tòa lâu đài, tới thang máy, mở cửa vào với bức Vermeer. Anh nhấn nút trên cùng.

Lên cao, lên sân thượng. Niềm yên tĩnh của đất trời đang ở trên ấy.

Thang máy dừng. Anh mở cửa bước ra khỏi ca bin. Bể bơi yên lặng ngời sáng. Anh nhìn từ mặt nước lên bầu trời, rồi anh vòng bể bơi tới bức tường chắn để nhìn xuống cánh đồng bên dưới.

- Cút đi! - Tiếng ai nghe nghẹn ngào.

Peter giật nẩy người quay lại. Anh nhìn thấy Virginia nằm dài trong bóng tối lờ mờ dưới chân anh.

- Cút đi! Không ngửi được!

- Xin lỗi cô. Tôi không biết. - Anh lúng túng nói.

- A! Anh đấy ư? - Cô gái mở mắt về mặc dầu trời đã nhá nhem tối, anh vẫn nhận ra là cô đang khóc.

- Tôi tưởng là Obispo. Hắn vừa mới đi tìm lược cho tôi. - Cô lặng im một lúc rồi nói - Peter, tôi đang khổ chừng nào!

- Đau khổ? - Câu ấy cùng với giọng ấy đã phá hủy hoàn toàn sự yên tĩnh của đất trời. Anh băn khoăn ngồi bên cạnh cô trên chiếc đi-văng (dưới cái khăn tắm, anh thấy rõ cô chẳng có tí quần áo nào che thân) - Đau khổ?

Virginia đưa tay che mặt và cô khóc nức nở.

- Tôi không thể nói được ngay cả với thánh nữ Đồng trinh nữa. Không thể nói được. Xấu xa quá...

- Em yêu! - Anh van vỉ nói, như thể anh van vỉ cô hãy sung sướng. Anh đưa tay lên vuốt ve mái tóc cô - Em yêu!

Bỗng có tiếng động ầm ầm ở đầu kia bể bơi. Tiếng chân chạy, tiếng gầm nghe không rõ câu gì. Ông Stoyte đâm sầm chạy tới, tay cầm cái gì như là một khẩu súng.

Peter vừa đứng lên thì ông Stoyte nổ súng.

Mấy phút sau Obispo xuất hiện, tay cầm cái lược. Hắn thấy ông già đang quỳ gối, tay cầm chiếc khăn mặt, thấm máu giữa hai vết thương trên đầu Peter. Lỗ đạn vào rất bé, rõ nét, lỗ ra to toang hoác.

Quỳ trong bóng đêm bức tường chắn, Em bé cầu kinh.

- Đức bà Maria đầy ơn phước, cầu cho chúng con là kẻ có tội bây giờ cho đến giờ lâm tử. Amen. - Cô tiếp tục cầu nguyện nhanh nhanh giữa hai tiếng nấc. Chốc chốc cô lại co thắt người nôn oẹ.

Lời nguyện dừng lại một chút, rồi cô lại tiếp tục ở chỗ vừa dừng:

-... có tội. Bây giờ cho đến giờ lâm tử Amen. Đức bà Maria đầy ơn phước...

Obispo mở miệng toan nói câu gì nhưng lại ngưng bặt, rồi lại lẩm bẩm:

- Lạy Chúa! - Hắn lặng lẽ đi vòng bể bơi, cẩn thận nhặt khẩu súng đút túi. Rồi hắn gọi ông Stoyte. Lão già giật nảy người, vẻ mặt sợ hãi, nhăn nhúm, ông quay lại, và khi nhìn thấy Obispo, ông tỏ vẻ mừng rỡ:

- Ơn Chúa, anh đấy ư? - Rồi ông chợt nhớ đấy chính là người mình định giết. Nhưng tất cả chuyện ấy đã xảy ra từ hàng triệu năm rồi, cách đây hàng triệu cây số. Sự việc gần gũi, khẩn cấp, không phải là Em bé, không phải là cuộc tình, không phải là ân oán mà là cái sợ. Và Cái kia, đang nằm trước mắt.

- Anh phải cứu lấy nó. Anh nói với nó là do rủi ro. Tôi sẽ trả tiền cho nó, bao nhiêu cũng được... Miễn là vừa phải - Thói quen làm ông buột miệng - nhưng anh phải cứu nó. Ông gắng sức từ từ đứng lên và chỉ cho Obispo chỗ ông vừa ngồi.

Obispo lập tức lùi lại. Ông già Stoyte người đầy máu, và hắn thì hắn không muốn làm hỏng bộ đồ mới, giá bảy mươi lăm đô-la của hắn.

- Cứu nó? Ông điên à? Hãy nhìn những mảnh sọ dưới đất kia kìa!

Trong bóng tối, đằng sau hắn, Virginia không ngừng cầu kinh, không ngừng sụt sịt. Nghe thấy thế, cô liền kêu lên liên tục:

- Ở dưới đất! Ở dưới đất!...

Obispo nổi giận quát:

- Câm mồm! Biết chưa!

Tiếng kêu của Virginia chấm dứt, rồi vài giây sau là tiếng nôn ọe, rồi tiếng cầu kinh lại liên tục:

- Đức bà Maria đầy ơn phước, cầu cho chúng con là kẻ có tội bây giờ cho đến giờ lâm tử Amen. Đức bà Maria đầy ơn phước cầu cho chúng con là kẻ có tội...

Bác sĩ Obispo đứng trên chân trái, giở cao mũi giày phải, trỏ vào cái xác chết, nói với ông Stoyte:

- Nếu cần phải cứu ai đó, thì người ấy chính là ông đấy nhé! Cái xác kia sẽ đi cùng với ông đấy. Treo cổ hoặc là tù chung thân.

- Nhưng đó một tai nạn. - Ông Stoyte hổn hển nói - Tôi muốn nói rằng những chuyện kia... chỉ là một sự nhầm lẫn. Tôi không có ý định giết hắn. Tôi có ý định... - Ông đừng bặt mồm ngáp như muốn nuốt xuôi những câu định nói.

- Ông có ý định giết tôi. Giết tôi! - Obispo nói và hắn cười. Nụ cười hung hãn mỗi khi hắn cảm thấy khó chịu trước một câu khôi hài định nói. Biết là lão già không dám làm gì, hơn nữa khẩu súng đang nằm trong túi hắn, hắn kéo dài câu đùa và nói:

- Nói chung, kết quả chuyện rình rập thường là thế.

Im lặng kéo dài. Virginia vẫn lẩm bẩm:

-... bây giờ cho đến giờ lâm tử Amen. Đức bà Maria đầy ơn phước...

- Tôi không hề có ý định. - Ông Stoyle nói - Một cơn điên, thế thôi. Tôi không làm chủ được cơn điên...

- Ông sẽ nói chuyện đó với tòa án.

- Tôi xin thề, tôi không biết. Thực ra là... - Giọng ông Stoyte

chuyển từ khàn khàn sang những tiếng kêu the thé rất tức cười. Mặt ông tái mét vì sợ.

Bác sĩ Obispo nhún vai.

- Có thể như vậy. Nhưng không biết cũng chẳng giảm được tội. - Hắn lại đứng trên một chân để có thể ghếch mũi giày sang trọng về phía cái xác chết.

- Vậy anh bảo tôi phải làm gì? - Ông Stoyte sợ quá, giọng nói như là hét.

- Sao hỏi tôi chuyện đó?

Ông Stoyte định cầm lấy cánh tay Obispo trong một cử chỉ van lơn. Hắn lùi ngay lại:

- Đừng chạm vào người tôi! Ông hãy nhìn tay ông kìa!

Ông Stoyte nhìn hai bàn tay. Ngón tay ông to bè như những củ cà rốt đẫm máu; máu khô đọng dưới móng dẻo quánh như đất sét.

- Lạy Chúa, ôi, lạy Chúa! - Ông lẩm bẩm...

-... cho tới giờ lâm tử Amen. Đức bà Maria đầy ơn phước...

Nghe tiếng "lâm tử" ông lão Stoyte rùng mình như bị roi quất:

- Obispo - Ông hổn hển nói - Obispo! Nghe tôi nói đây. Anh hãy cứu tôi ra khỏi tình cảnh này. Hãy cứu tôi!

- Sau khi ông định giết tôi? - Mũi giày hai màu vàng trắng lại chỉ về hướng cũ như lần trước.

- Đừng để người ta bắt tôi...

- Tại sao không?

- Đừng! - Đừng để bắt tôi! - Ông Stoyte gần như la lớn.

Bác sĩ Obispo cúi xuống cái đi-văng xem có máu ở đó không, rồi hắn kéo quần, ngồi xuống đấy, giọng có vẻ ngọt ngào:

- Đứng mãi mỏi cả chân.

Ông Stoyte van nài:

- Tôi sẽ thu xếp. Anh đừng tiếc công. Tôi biếu anh bất cứ thứ gì. Bất cứ thứ gì anh đòi hỏi.

Lần này trong giọng nói ông lão không thấy có hơi hướm "miễn là vừa phải" nữa.

- À, bây giờ ông nói nghe được đấy! - Bác sĩ Obispo nói.

-... đầy ơn phước, cầu cho chúng con là kẻ có tội bây giờ cho đến giờ lâm tử Amen. Đức bà Maria đầy ơn phước cầu cho chúng con kẻ có tội bây giờ... - Bé em vẫn lẩm nhẩm cầu kinh.

- Ông nói nghe được đấy! - Bác sĩ Obispo nhắc lại.

Vị Bá Tước Thứ Năm Của Giòng Họ Hauberk

Aldous Huxley
www.dtv-ebook.com

Phần Iii - Chương 1

Có tiếng gõ cửa ở phòng làm việc của Jeremy. Ông Propter bước vào, Jeremy nhận thấy ông vẫn nguyên bộ com-lê đen hôm đưa đám Peter, ca-vát đen. Ăn mặc kiểu thành thị như vậy trông người ông bé hẳn đi, không như khi ông mặc bộ đồ lao động. Dường như ông ít là ông hơn. Gương mặt tiêu biểu cho cá tính ông, đường nét gân guốc, chai xạm nắng gió. Gương mặt của một pho tượng đặt cao trên cổng tây của một Thánh đường. Gương mặt ấy diện áo cổ cồn khá là chướng mắt.

- Anh không quên chứ? - Khi hai người siết tay nhau, ông hỏi. Jeremy không trả lời, chỉ tay lên cái áo vét-tông đen với cái quần kẻ ô màu xẩm treo trên vách. Họ được mời tới dự buổi khai mạc đại giảng đường mà ông Stoyte vừa cho xây dựng tặng Viện đại học Tarzana.

Ông Propter nhìn đồng hồ đeo tay.

- Còn ít thời gian nữa. Có tin tức gì hay? - Ông hỏi và ngồi xuống.

- Cũng chẳng có gì. - Jeremy trả lời.

Lúc này ở đây chắc dễ chịu hơn. Khi lão Jo tội nghiệp với mấy người kia vắng mặt...

- Vâng. - Jeremy nói - Mình tôi với lũ tranh lỉnh kỉnh trị giá trên mười hai triệu đô-la. Tha hồ ngắm nghía cho bằng thích.

- Nhưng giá các tác giả của chúng mà có mặt ở đây với anh, chắc anh lại nghĩ khác. Những Greco, Rubens, Timer với

Fraangeliso ấy…

- Lại trời, xin miễn cho chuyện ấy. - Jeremy đưa hai tay lên trời.

- Đấy là cái chỗ có duyên của nghệ thuật. Nó chỉ phô ra những phần dễ thương nhất của những con người có năng khiếu nhất. Cho nên tôi luôn nghĩ chẳng bao giờ nghệ thuật của một thời đại lại có thể soi sáng cho ta nhìn rõ thời đại ấy. Anh hãy mời một con người ở sao Hỏa tới xem tranh Batticelli, tranh Peruguin với Raphael. Anh ta có thể từ đấy suy diễn ra những cảnh sống của xã hội mà Machiavel mô tả không?

- Chắc chắn là không. - Jeremy nói - Nhưng lại xin hỏi. Những hoàn cảnh xã hội mà Machiavel mô tả có đúng sự thật không? Không phải Machiavel nói sai; những cảnh sống ấy có xảy ra. Nhưng tôi muốn hỏi những người đương thời của Machiavel có thấy nó tởm lợm như chúng ta cảm thấy ngày nay khi đọc Machiavel? Chúng ta nghĩ là ngày ấy dân chúng sống khổ cực; nhưng có đúng như vậy không? Có đúng là dân chúng khổ không? Chúng ta hỏi các nhà làm sử. Tất nhiên họ không thể trả lời chính xác bởi họ đâu có làm được con tính cộng những hạnh phúc và bất hạnh của cuộc đời.

- Vậy thì phải tìm hiểu bằng phương tiện nào?

- Chẳng có phương tiện nào ngoài tác phẩm nghệ thuật. Trở lại ví dụ của ông, Le Peruguin là người đương thời của Machiavel chứ gì. Có nghĩa là trong thời kỳ đau khổ ấy có một người còn cười được, một người còn vui được, chắc cũng có một số nào vui được. Tôi cho rằng tình trạng của đất nước có làm sao đi nữa, nhiều kẻ xơi cơm vẫn cứ thấy ngon miệng như thường.

- Loại đó thì lúc nào cũng ngon cơm, cũng thưởng thức nghệ thuật. Tình trạng của nước Anh có gọi là xấu đi nữa thì người dân vẫn sống khá hơn ở Trung Quốc ở Tây Ban Nha chẳng hạn là nơi không có cơm thì làm sao còn ngon miệng được, nói gì tới nghệ

thuật! Các nhà làm sử cùng lắm cũng chỉ nói được thế này: trong lịch sử loài người, đôi khi ta thấy có nhiều điều vui đồng thời có nhiều nỗi khổ. Lắm lúc thì chỉ thấy khổ. Còn bọn thần học, siêu hình, bọn triết học thì ôi thôi! Ba ngàn năm nay chúng ta đã thu được hàng đống nhảm nhí của họ.

Hai người bước qua sân; chiếc xe của ông Propter đỗ bên ngoài, gần cổng lớn. Ông ngồi trước tay lái, Jeremy trèo lên ngồi bên cạnh. Xe rồ máy, chạy dọc con đường dốc ngoằn ngoèo, lướt qua lũ khỉ, qua bức tượng "Nàng tiên", qua cửa động, chui qua cái bừa mạ ken, lăn bánh qua cầu treo.

- Tôi nghĩ tới anh chàng Peter đáng thương - Ông Propter nói - Cái chết đột ngột quá.

- Tôi không nghĩ là bệnh tim của cậu ta lại quá trầm trọng như vậy. - Jeremy nói.

- Tôi có phần nào trách nhiệm trong cái chết của cậu ta. Hôm qua tôi nhờ cậu phụ giúp tôi trong xưởng mộc. Chắc cậu ấy làm quá sức mặc dù cậu nói là cậu thích làm những việc như vậy. Lẽ ra tôi phải ngăn cậu ta...

Họ im lặng vượt qua viện điều dưỡng và các đồn điền cam. Jeremy nói:

- Cái chết đột ngột, chết yểu có điều gì như là vô lý, vô ích. Một tình trạng đặc biệt vô lý.

- Đặc biệt vô lý? - Propter hỏi - Không, tôi không nghĩ như vậy. Nó không vô lý hơn bất cứ sự kiện nào của xã hội. Ta thấy nó vô lý bởi nó hoàn toàn không phù hợp với điều ta nghĩ.

- Vậy sao?

- Khi ta nói vô lý là ta nói vô lý so với cái gì. Trong trường hợp này "cái gì" đó là quan niệm của chúng ta về cuộc đời. Chúng ta

quan niệm rằng chúng ta là những cá nhân tự do, hành động vì một mục đích. Nhưng lúc nào cũng có những chuyện trái khoáy đối với quan niệm đó. Chúng ta liền gọi chúng là những tai biến, chúng ta cho chúng là vô nghĩa, vô lý, vô lý theo tiêu chuẩn nào? Theo tiêu chuẩn, theo hình ảnh mà chúng ta nghĩ ra. Rủi thay hình ảnh đó chẳng đúng với thực tế chút nào... Đối với một sinh vật luôn luôn bị hoàn cảnh chi phối, chết yểu chả có gì đáng gọi là vô lý, là tai biến cả. Có tai biến là khi một dãy sự kiện xảy ra theo quy luật nhân quả va chạm vào những sự kiện xảy ra theo quy luật tự do. Ta nghĩ đời ta đầy tai biến bởi ta nghĩ rằng đời sống của con người diễn ra trong thế giới tự do. Thực ra không phải vậy. Chúng ta sống trong thế giới cơ học, nơi các sự việc xảy ra theo quy luật xác suất. Điều chúng ta gọi là tai biến, là vô lý chính là bản chất của cuộc đời này.

Jeremy nghĩ tới những chuyện cụ thể của vấn đề ông nói:

- Cái đám tang hôm ấy! Thật là khôi hài. Tôi có nói với ông Giám đốc Lăng Beverly là ông nên lắp những thiết bị để hâm nóng các bức tượng trong nghĩa trang. Sờ tay vào cẩm thạch lạnh nó dễ mất hứng. - Rồi ông làm cử chỉ vuốt ve một hình khối lượn cong.

Ông Propter đang mãi nghĩ tiếp, không nghe rõ nhưng ông vẫn lễ phép mỉm cười gật đầu.

- Rồi bài điếu văn của tiến sĩ Mulge! Mượt mà! Một bài giảng trong thánh đường Anh quốc cũng không hơn được. Kiểu ông ta nói: "Ta là Phục sinh, ta là sự sống!" Như một lời tuyên bố cá nhân, như là ông ta đứng ra bảo lãnh bằng văn bản sẽ bồi hoàn, nếu công việc không kết quả. Bồi hoàn mọi phí tổn mai táng nếu như thế giới bên kia không được như ý muốn.

- Chắc chắn ông ta cũng có tin phần nào, tin chuyện đó có thật mà người đời thì luôn luôn hành động như là không có nó. Nó là vấn đề quan trọng bậc nhất trên đời này nhưng ta chẳng bao giờ nghĩ tới khi còn có dịp tránh né.

Ông Propter nói và cho xe rẽ vào con đường đầy bóng cây của khu đại học Tarzana. Đại giảng đường xuất hiện trong dáng dấp kiến trúc La Mã uy nghi. Ông Propter cho chiếc xe Fort cũ kỹ đỗ dọc dãy Cadillac, Chrysler, Packard bóng loáng. Đội quân nhiếp ảnh đứng trước cổng ngắm kỹ hai người. Họ nhận ra ngay, đó không phải là các chủ ngân hàng, nghệ sĩ điện ảnh, cũng không phải các luật gia, cố vấn các công ty lớn, hay nghệ sĩ, mục sư nào, bèn khinh khỉnh quay nhìn chỗ khác.

Sinh viên đã ngồi vào chỗ. Họ hau háu nhìn hai ông khách được trân trọng đưa đi dọc các hàng ghế đầu để tới chỗ ngồi của các nhân vật quan trọng. Mà quan trọng thật! R. Katzenhlum của hãng phim Abraham Lincoln, một trong những nhân vật trụ cột của tổ chức Tái tạo Đạo Đức; cạnh đấy là ngài giám mục giáo khu Santa Monica; rồi ngài Pescano của ngân hàng Viễn Tây. Nữ Đại công tước Eulalie ngồi cạnh ngài nghệ sĩ Bardolph. Ở hàng sau, hai anh em Blossom nói chuyện với Phó đề đốc Shotover. Chiếc áo cà sa vàng với mái tóc gợn sóng, kề đó là của ngài Swami Yogalinga người sáng lập trường Nhân phẩm. Cạnh ngài là Phó tổng giám đốc Công ty xăng dầu Consol và bà Wagner...

Bỗng chiếc đồng hồ cầm dạo khúc tụng ca Tarzana. Các viện sĩ bước vào, đi hàng đôi, mặc áo thụng, đội mão vuông gắn gù, các tiến sĩ thần học, triết học, khoa học, luật học, văn học, âm nhạc... Họ lê gót bước chầm chậm lên bục cao, nơi hàng ghế bành chờ họ cạnh tấm phông buông.

Tiến sĩ Mulge đứng sau diễn đàn, giữa sân khấu. Trên diễn đàn không thấy sổ sách, giấy tờ gì; tiến sĩ Mulge nổi tiếng ứng khẩu. Diễn đàn chỉ là chỗ để ông tựa người lấy dáng, để ông dang tay nắm lấy hai bên mép, chồm người lên một cách say sưa, đập tay lên nhấn mạnh hoặc bước ra xa, rồi lại quay trở lại một cách hùng hồn.

Đại hồ cầm im bặt. Tiến sĩ bắt đầu bài diễn từ. Tất nhiên bắt

đầu bằng cách nhắc đến ông Stoyte. Ông Stoyte là tấm lòng hào hiệp... sự thực hiện một ước mơ... Sự thể hiện một lý tưởng trong chất liệu đá... Con người của một tầm nhìn... Không có tầm nhìn, quốc gia sẽ tiêu vong... Tầm nhìn về tương lai.. Tarzana... Trung tâm, Lò lửa, Người cầm đuốc... California... Một nền văn hóa mới... Một nền khoa học phong phú hơn, một tinh thần cao cả... (giọng tiến sĩ Mulge luyến láy, chuyển từ âm sắc một cây kèn Basse sang kèn Trompette. Đến đây giọng ông bỗng xúc động trầm xuống, nó có âm sắc của cây kèn Saxo). Than ôi! Không còn có mặt cùng chúng ta hôm nay... Một sự kiện đau đớn, bất ngờ... Bị bứt đi trước ngưỡng cửa cuộc đời... Một công tác viên trong lĩnh vực khoa học - ông dám nói là người đã chiếm một vị trí chọn lọc trong con tim ông Stoyte. Bên cạnh các lĩnh vực văn hóa và xã hội... Sự suy sụp... Coa tim nhạy cảm dưới một vẻ bề ngoài đôi khi cộc cằn... Bác sĩ của anh đã yêu của phải thay đổi không khí...

Nhưng dù thể chất không còn tinh thần anh... Chúng ta vẫn cảm thấy sự có mặt của anh hôm nay... Một sự nhắc nhở chúng ta hôm nay, già cũng như trẻ... Ngọn đuốc của văn hóa... tương lai... lý tưởng... Tính chất con người... Sự nghiệp đã đạt. Trong khu vực khoa học này, Chúa đã tăng cường cho chúng ta sức mạnh. Tăng cường và dẫn lối, tiến tới phía trước... chúng ta mạnh bước.. Cao hơn... Lòng tin và hy vọng. Nên dân chủ... Tự do... Sự nghiệp bất hủ của Washington và Lincoln... Niềm vinh quang của Hy Lạp tái hiện bên bờ sông Thái Bình Dương... Ngọn cờ... Sứ mạng.. Vận mệnh trước mặt... ý Chúa... Tarzana...

Cuối cùng là chấm dứt. Đại hồ cầm lại tấu nhạc. Các viện sĩ lại diễu hành. Khách quý tiếp bước đi theo.

Bên ngoài, trong nắng ấm, Pescagniolo phu nhân cầm tay ông Propter:

- Tôi thấy bài diễn văn của Tiến sĩ Mulge thật là hùng hồn!

Ông Propter khẽ gật đầu:

- Gần như là hùng hồn nhất trong số bài diễn văn tôi được nghe, mà lạy trời, trong đời tôi, tôi đã được nghe biết bao nhiêu là bài diễn văn hùng hồn!

Chương 2

Ngay cả ở Luân Đôn cũng có chút nắng pha loãng - ánh nắng càng rõ nét khi xe vượt qua vùng ngoại ô quang đãng - rồi xe tới quãng nào đó gần Esher thì họ tiến vào một buổi sáng đầu xuân đầy ánh nắng. Ông Stoyte nằm vắt chéo trên đệm sau xe, mình quấn chăn lông thú. Lần này thì tự ông dùng thuốc ngủ chứ không phải do bác sĩ của ông đánh lừa cho uống, nếu ông khó mà tỉnh táo. Ông ngủ gà ngủ gật suốt từ khi rời khỏi khách sạn Ritz, trong tiếng ngáy đứt quãng, bồn chồn.

Về phần Virginia, mấy ngày sương mù ẩm ướt ở Luân Đôn không thể nào làm khuây khỏa nỗi buồn của nàng. Nàng ngồi riêng biệt hẳn trên đệm xe phía trước, gương mặt xanh xao, đôi mắt buồn ảm đạm. Nàng gậm nhấm nỗi đau khổ một mình.

Obispo ngồi sau tay lái (hắn nghĩ không nên đem tài xế theo trong cuộc hành quân này). Hắn huýt sáo hết bài này sang bài khác, lắm lúc hắn hát vang lên. Hắn hát "Ta mơ thấy tòa lâu đài..." Do trời đẹp một phần - mùa xuân, hắn thầm nghĩ - mùa xuân với tháng tư, hoa sim với thanh trà. Những lùm cây xanh. Hắn ngạc nhiên khi nghe người Anh phát âm lẫn lộn.

- Em c-o-ó yêu t-a-a như-ư h-ô-ôm n-a-y? - Hắn lại hát và nhấn ga vượt qua dãy xe nhà binh.

Em bé mở miệng nói:

- Tôi thèm giết chết ông!

- Tất nhiên, và cũng có thể. Nhưng cô chẳng làm gì đâu! Bởi vì c-ô-ô qu-á y-ê-u t-ô-ôi! Thật ra... - Hắn rề rà nói và nụ cười của hắn

càng thêm chó má theo từng lời - Thật ra cô chẳng yêu gì tôi. Cô yêu cái... - Hắn lặng im một lúc - Thôi ta nên thơ mộng một chút. Thơ thì mấy cũng vừa, đúng không nào? Cô yêu cái tình yêu. Yêu đến mức đã tới nước cùng rồi cô vẫn chưa dám làm gì tôi. Bởi lẽ rằng gì thì gì, tôi vẫn là kẻ sản xuất ra tình yêu! - Và hắn lại hát - Ta mơ rằng, bằng một thật ngon, v-ơ-ớ được con gà m-a-ái 1 đẻ trứng v-a-à-n-g!

Virginia bịt tai lại, không muốn nghe giọng hắn, không muốn nghe sự thật. Bởi vì, đúng, hắn nói đúng sự thật. Ngay cả khi Peter chết, ngay cả sau khi cô đã hứa với Đức mẹ Đồng trinh rằng chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra nữa, chẳng bao giờ nữa, thế mà, lạy Chúa, chuyện đó vẫn xảy ra.

Bác sĩ Obispo tiếp tục phịa lời hát: "Một con gà mái ghẹ-ẹ-e".

Virginia nút chặt tai lại. Chuyện đó lại xảy ra mặc dù cô từ chối, mặc dù cô nổi khùng lên với hắn, cô giãy giụa, cô cào cấu hắn; nhưng hắn cười khì, hắn cứ tiếp tục; và rồi cô cảm thấy vùng vẫy mãi mệt quá. Mệt quá và đau đớn quá. Hắn đã thỏa nguyện; có điều ghê tởm hơn là dường như cô cũng muốn thế - không, đấy là nỗi buồn muốn thế - cũng nhờ vậy mà cái khổ có vơi đi trong ít giây, cô quên được vũng máu: cô ngủ thiếp đi được đến sáng hôm sau và cảm thấy khinh mình, thù ghét mình biết chừng nào!

"Vàng ngọc thuộc về ta, của cải thuộc về ta!... - Obispo hát - Và e-e-m có y-ê-ê-u ta như hôm n-a-a-y?..."

- Thôi đi! - Virginia hét lên.

Bác Jo giật mình thức giấc, bác hỏi:

- Cái gì thế?

- Cô ấy không cho tôi hát, bác Jo ơi! - Obispo quay đầu lại nói - Không hiểu tại sao. Trời ơi, giọng hát của tôi quá hay! Rất thích

hợp với số thính giả chọn lọc như trên xe ta hôm nay! - Và hắn cười ầm lên - Cái chuồng khỉ của Em bé. Cái động thiêng. Trời hôm nay đẹp lạ lùng! Vấn đề Sterol với thuật trường sinh đang bước tới quyết định. Ôi ta vui là phải!

Đã gần mười một rưỡi. Họ đã tới nơi. Cổng gài then nhưng chẳng có ai để gọi, Obispo bước xuống mở cửa.

Bên trong bức tường rào, cỏ lan đầy con đường rộng. Khu vườn không người chăm sóc đã trở thành hoang dại. Thân cây bị bão quật đổ từ nhiều năm trước, nằm rữa mục tại chỗ. Những tai nấm to như những chiếc bánh tai heo màu nâu nhạt mọc đầy trên đó. Vườn kiểng phát triển hỗn loạn thành những đám rừng con gai góc. Trên một gò đất cạnh đường, cái điếm hóng mát kiểu Hy Lạp đổ nát tan hoang. Ba người qua một khúc quanh và ngôi nhà hiện ra trước mắt họ, đầu đằng này kiểu Jacob thế kỷ 17, đầu đằng kia kiểu Gôtic thế kỷ 19. Hàng rào thủy tùng mọc rậm đến mức biến thành một bức tường cây xanh lởm chởm. Những ống thép rỉ nát lô nhô trên thảm cỏ hoang, vết tích còn lại của trò ném tạ từ bao nhiêu thế kỷ.

Bác sĩ Obispo dừng xe trước bực thềm và bước xuống. Từ trong đám thủy tùng rậm rạp một bé gái độ bảy, tám tuổi chui ra. Trong thấy cái xe và đám người, em bé định thụt vào, nhưng thấy Obispo đưa tay vẫy, em lại mạnh dạn bước tới.

- Nhìn xem, em có cái gì này! - Em bé nói bằng một giọng Ăng-lê quê mùa và em chìa ra một cái mặt nạ phòng ngạt lật ngửa đựng đầy hoa anh thảo với cúc dại.

Bác sĩ Obispo vuốt ve mái tóc màu râu ngô của em bé.

- Em tên gì?

- Millie. - Em bé đáp và nói tiếp, giọng có vẻ tự hào - Đấy nhé, đã năm ngày rồi em chẳng đi đâu cả.

- Năm ngày?

Millie gật đầu:

- Bà bảo là chờ bà cho đi khám đốc tờ. - Em lai gật đầu và ngước mắt nhìn Obispo với vẻ quan trọng của một người sắp đi thăm quần đảo Bali.

- Ừ bà nói thế là phải. Bà em ở đây ư? - Obispo hỏi.

Em bé lại gật đầu.

- Bà ở trong bếp! - Và tự dưng em lại nói - Bà điếc.

- Thế còn bà Jane? Bà Jane cũng ở đây ư?

Em bé gật đầu và lém lỉnh nói:

- Bác có biết bà Jane làm gì không?

- Bà Jane làm gì?

Em ra hiệu cho Obispo cúi xuống, rồi em ghé vào tai hắn thì thào:

- Bà làm được tiếng rồ rồ ở trong họng.

- Làm sạo được!

- Được, như chim gù ấy. Bà làm sau bữa ăn.

Bác sĩ Obispo vuốt tóc em bé rồi nói:

- Bọn ta muốn tới thăm bà Anne với bà Jane.

- Thăm? - Em bé hỏi gần như là hoảng sợ.

- Em có thể vào nói với hai bà cho bọn ta vào không?

Millie lắc đầu:

- Hai bà không cho đâu. Bà không cho ai vào. Hồi xưa có người vào đưa cái này - Em giơ cái mặt nạ lên - bà Jane đuổi ra. Bà với lấy cái gậy đập vào cái đèn. Choang! Cái đèn vỡ tan, mảnh bắn đầy dưới đất. Buồn cười quá!

- Hay lắm, bọn ta cũng sẽ làm cho em cười.

Em bé ngờ vực nhìn Obispo hỏi:

- Thế là thế nào?

Obispo cúi xuống tai em bé:

- Em để cho bọn ta vào cái cửa hông kia. Bọn ta nhón chán đi nhè nhẹ như thế này này. Rồi bọn ta tới chỗ hai bà ngồi. Bọn ta hù hai bà. Thấ là bà Jane vơ gậy đập vỡ một cái đèn nữa và bác cháu mình lại cười.

- Bà nổi điên lên đấy! Bà đánh em đấy!

- Bọn ta không nói là em cho vào.

- Rồi bà cũng biết.

- Không sợ. Em có thích candies 2 không?

Em bé nhìn Obispo, không hiểu.

- Candies ngon lắm. - Rồi bỗng nhớ ra ở cái xứ chết tiệt này người ta không gọi kẹo là candies như ở Mỹ... - À! Bonbons ngon lắm, bonbons.

Obispo chạy ra xe và quay trở lại tay cầm hộp sôcôla đắt tiền rất đẹp, mua phòng khi Virginia đói đường. Hắn mở nắp cho Millie ngửi rồi đậy lại.

- Cho bọn ta vào, em sẽ được cả hộp này.

Mấy phút sau ba người lọt vào nhà bằng một cánh cửa hông có vòm bầu dục kiểu Gôtic. Căn phòng tối mờ mờ thoảng mùi ấm mốc và băng phiến. Giữa phòng có một bàn bida phủ vải bạt, một chiếc đồng hồ mạ vàng treo trên lò sưởi, một kệ sách xếp bộ Đại bách khoa toàn thư Anh quốc, trên tường treo một bức tranh sơn dầu khổ to vẽ buổi lễ rửa tội vua Edouard VII và năm sáu cái đầu nai.

Tay vẫn cầm cái mặt nạ chứa đầy hoa, Millie rón rén đưa họ đi dọc hành lang, qua một phòng khách tối om, một tiền sảnh, rồi lại một hành lang nữa. Em dừng lại, đưa ngón tay lên môi, chờ bác sĩ Obispo tới, Em thì thào:

- Cửa đây này. Hai bà ở trong đó.

Obispo đưa cho em hộp kẹo. Em giằng lấy và giống như một con mèo tha thịt, em lách qua ông Stoyte và Virginia, men dọc cái hành lang tối om rồi biến mất. Bác sĩ Obispo nhìn con bé rồi quay lại nhìn hai bạn đồng hành.

Họ thì thào bàn tán và đồng ý để mình Obispo vào nhà bếp. Hắn tiến tới mấy bước, mở cửa bước vào và khép lại.

Ở ngoài hành lang Virginia và bác Jo chờ một lúc lâu. Bỗng ở bên trong có tiếng lục đục to dần rồi Obispo xuất hiện. Hắn khép mạnh cửa, thọc chìa khóa vào khóa trái lại.

Ở bên trong, núm cửa bị xoay, bị lắc, tiếng một bà già kêu the thé:

- Gớm thật! - Rồi tiếng gậy nện vào cửa, và tiếng bà lão rít lên - Trả chia khóa đây. Trả ngay đây!

Obispo cho chùm chìa khóa vào túi, khoái chí đi dọc hành lang.

- Hai mụ già gân, lẫm liệt chưa từng thấy! - Hắn nói - Ngồi hai bên lò sưởi như nữ hoàng Victoria bên nữ hoàng Victoria.

Một giọng nữa gào lên tiếp theo giọng thứ nhất. Cảnh cửa bị đập ầm ầm.

- Tha hồ đập! - Obispo nói và một tay đẩy ông Stoyte, tay kia thân mật vỗ vào mòng Em bé - Nào ta đi.

- Nào đi... Nhưng đi đâu? - Ông Stoyte luống cuống hỏi. Ông không thể hiểu nổi ba tên khùng vượt Đại Tây Dương để làm gì, nếu không là để rời khỏi cái lâu đài ấy. Ừ, Phút la căng cái lâu đài ấy đi. Mà không biết rồi ông có còn trở lại hay không nữa? Tắm trong cái bể bơi ấy chẳng hạn. Lạy Chúa, chỉ nghĩ tới đó...

Nhưng tại sao lại sang Anh? Sao không đi Florida hay đi Hawai vào mùa xuân này? Vì Obispo yêu cầu sang Anh, để hắn nghiên cứu cái gì đó. Nói chung ông không thể từ chối Obispo - Bây giờ thì chưa, với lại thần kinh ông, dạ dày ông, những thứ ấy đang lộn tùng phèo. Ông không thể ngủ mà không uống thuốc; gặp một viên cảnh sát trên đường đi, ông giật mình, tim ông đập hẫng hai ba lượt. Ông vẫn nói Chúa là tình thương, không có sự chết, nhưng không ăn thua. Ông già rồi, ông đau yếu, cái chết đang lần dò tới, ngày một gần. Nếu Obispo không nhanh lên, không tìm ra được phương thuốc gì...

Trong hành lang tối, ông Stoyte bỗng gọi giật Obispo lại, ông hỏi:

- Obispo, chắc chắn là không có địa ngục chứ? Anh chứng minh được không?

Obispo cười:

- Làm sao chứng minh được là không có ma? Chứng minh làm sao được!

- Không đùa. Hỏi thật đấy.

- Tôi cũng không đùa. Làm sao tôi chứng minh được.

Trươc đây ông Stove đã nhiều lầu hỏi Obispo về chuyện đó.

Virginia lẳng lặng nghe. Địa ngục thì cô biết là có. Cô biết nó sẽ đến khi ta phạm tội trọng - tỉ như đã hứa với Thánh Mẫu Đồng Trinh rồi lại để chuyện ấy xảy ra nữa. Nhưng Thánh Mẫu thì nhân từ... Với lại đây là tội của Obispo. Tự dưng hắn đâm sầm tới, làm cô quên lời hứa. Thánh Mẫu hiểu cho cô. Nhưng điều ghê gớm là những ngày gần đây; hắn không buộc mà cô vẫn tái diễn chuyện đó. Mà ngay như thế nữa, lỗi cũng chẳng phải ở nơi cô, bởi sau cái chết kinh khủng ấy, cô như người mất hồn, cô..

- Nhưng mà không có địa ngục chứ? - Ông Stoyte vẫn dai dẳng.

- Cái gì cũng có thể có.

- Có thể độ một phần ngàn là không có? Một phần triệu là không có?

Obispo nhún vai:

- Ông hãy hỏi ông Pascal 3.

- Ông Pascal là ai vậy? - Ông Stoyte như người chết đuối vớ phải cọc - Hãy cho tôi gặp ông Pascal?

- Ông ấy chết rồi! Chết rồi, chôn rồi! - Obispo thích chí hét lên. Và hắn nắm tay ông Stoyte lôi đi dọc hành lang.

Tiếng "chết" giáng vào đầu ông Stoyte. Obispo gọi to "Millie! Millie!".

Socôla bê bết trên má, cô bé từ đằng sau cái lọ cắm dù xuất hiện, mồm nhai nhốp nhép.

- Gặp hai bà chưa? - Em hỏi.

Obispo gật đầu:

- Bà tưởng bác là ông dân vệ.

- Đúng rồi - Cô bé nói - Đúng cái ông ấy làm bà nổi giận, bà đập vỡ cái đèn đấy!

- Lại đây Millie! - Obispo vẫy. Cô bé bước tới - Cửa hầm rượu ở chỗ nào?

Millie sợ xanh mặt:

- Cửa hầm khóa chặt lắm.

- Bác biết. Bà Jane đưa chìa khóa cho bác đây này.

Hắn lôi ra ba cái chìa khóa to.

- Ở dưới hầm có ma đấy! - Bé gái thì thào.

- Bác không sợ ma!

- Bà nói ma ghê lắm, khiếp lắm. - Bé gái mếu máo - Bà nói nếu em không đi nhà thờ thì ma bắt em. - Bé gái khóc òa - Nhưng đâu phải tại em.

- Tất nhiên rồi. Chẳng ai có lỗi cả. Nhưng hãy chỉ cho bác cái cửa hầm.

Millie lắc đầu, nước mắt tiếp tục chảy dài trên má.

- Em sợ...

- Em không cần xuống hầm. Chỉ cho bác cái cửa thôi đủ rồi.

- Em không dám.

- Em không ngoan rồi. Chỉ cần đưa bác tới cửa thôi.

Millie tiếp tục lắc đầu. Obispo liền giằng lấy bộp kẹo trong tay em bé.

- Không chỉ thì không được ăn kẹo nữa!

Millie kêu lên, định giằng lại, nhưng Obispo đã đưa cái hộp kẹo cao quá tầm với của con bé.

- Chỉ cửa hầm, bác sẽ cho tất.

Nói rồi Obispo bốc ra mấy thỏi sôcôla, cho từng cái vào mồm:

- Ồ ngon quá! - Hắn vừa nhai vừa nói - Ngọt quá! Nếu em không chỉ cửa hầm, bác sẽ ăn hết chỗ kẹo này. - Hắn nhai thêm thỏi nữa - Tội nghiệp bé Millie quá! Chẳng còn kẹo đâu! - Hắn lại bốc mấy thỏi nữa.

- Không, không!

Mỗi lần một cái kẹo biến mất giữa hàm răng của Obispo, con bé lại kêu lên. Cuối cùng, giống như một tội nhân bị tra tấn bắt đầu cung khai, em nói:

- Thôi để em chỉ cho! Để em chỉ!

Obispo vốn rành nguyên lý ngoại giao bèn giao hẹn:

- Đưa tới cửa hầm mới có kẹo.

Millie ngần ngừ một lúc, rồi cầm tay Obispo đưa đi.

Họ rời hành lang, ông Stoyte và Virginia theo sau, bước qua phòng khách, lại ra một hành lang khác, qua phòng bida, bước vào một phòng sách lớn. Tủ sách căng một tấm màn nhung màu đỏ, nhưng qua kẽ hở phía sau ánh sáng vẫn lờ mờ chiếu tới.

- Lạy Chúa tôi! - Ông Stoyte bỗng kêu lên làm mọi người giật mình. Chúng ta đang làm chuyện gì vậy?

Bác sĩ Obispo chẳng thèm để ý, hỏi Millie:

- Cửa ở đâu?

Con bé giơ tay chỉ khe sáng lờ mờ. Obispo kéo màn. Bộ "Rao giảng toàn tập" ba mươi ba quyển của Đức Tổng giám mục Stilingfleet thực ra là bộ sách giả. Cái cửa ẩn đằng sau khoang kệ. Obispo tra chìa vào ổ khóa, nghĩ phục cái tài ma giáo của vị Bá tước thứ năm quá!

- Đưa kẹo đây! - Millie giơ tay đòi.

- Khoan đã. - Obispo thử chìa. Lần thứ hai thì mở được cửa - Đây kẹo đây! - Hắn đưa hộp kẹo cho con bé và xô cánh cửa ra. Con bé hét lên một tiếng vớ lấy hộp kẹo rồi co cẳng bỏ chạy.

- Cái gì sôi sục trong đầu tôi? - Bác sĩ Obispo đưa mắt ước lượng chiều sâu của các bậc thang trong bóng tối dưới chân - Cái sôi sục trong đầu óc tôi chính là Địa ngục đấy. Hiện giờ thì ông chưa tới đó đâu, còn bao lâu nữa, thì chỉ có Chúa biết. Ồ may quá, đèn đây rồi.

Hai cái đèn cũ kiểu mắt bò đặt trên kệ ngay cạnh cửa. Bác sĩ Obispo cầm lấy một cái, lắc lắc, để sát mũi ngửi. Có mùi dầu. Hắn bật quẹt thắp cả hai, đưa cho ông Stoyte một cái. Hắn cầm đèn đi trước, thận trọng dò bước xuống hầm.

Cầu thang khá sâu, đưa xuống một cái hầm tròn có bốn ngách đào trong đá nham vàng. Họ bước vào một ngách, đi dọc theo hành lang hẹp, lọt vào một căn phòng có hai ngách mới. Họ chọn một ngách, lần dò bước tới một cái kho chứa đồ đạc linh tinh, không có lối ra. Họ kiên nhẫn quay lại cái hầm tròn, lần theo ngách thứ hai. Nhiều bậc thang, nhiều căn hầm nhỏ. Một trong những căn hầm

này trát vữa, và một bàn tay nào đó vạch lên đấy những hình vẽ dâm tục ăn mặc kiểu thế kỷ 18. Họ tiếp tục theo cầu thang ngắn, bước vào một căn phòng rộng hình vuông có lỗ thông hơi khoét xiên rất sâu vào vách đất, tận cùng bằng một lỗ ánh sáng hình bầu dục xa tít tắp. Đi hết. Họ lại quay trở lại. ông Stoyte lầu bầu chửi rủa, nhưng Obispo cứ cắm đầu đi tới.

Họ thử ngách thứ ba. Một hành lang, rồi ba căn phòng nhỏ. Căn sau cùng có hai ngách, một ngách đi lên bị xây bít, ngách kia đưa xuống một hành lang. Độ mười lăm mét, có lỗ trổ về bên trái. Obispo cầm đèn chui vào. Một căn hầm xây vòm. Ở phía trong cùng, một bức tượng Thần Vệ Nữ trần truồng bằng cẩm thạch đứng trên bệ đá đỏ. Ông Stoyte nhìn bức tượng hồi lâu rồi nói:

- Làm thế nào họ đưa được cái này xuống đây hả, Obispo?

Ông quay lại nhưng không thấy Obispo đâu tự dưng ông thấy nổi da gà và ông ù té chạy.

Obispo không thèm nghe gì hết, hắn quày quả bước đi, lòng đầy háo hức.

- Rồ dại! Hết sức rồ dại. - Ông Stoyte chạy theo Obispo. Một lũ vô đạo! Quân vô đạo!

Bác sĩ Obispo quay lại nói:

- Để nghĩ xem Ta có thể mua cái này cho Lăng Beverly đấy bố ạ! - Hắn nhe răng cười, cái cười của chó sói. Ồ gì thế này. - Hắn kêu lên.

Ba người từ trong bước ra một cửa hầm rất rộng, ở giữa có một bức tường thấp xây tròn, một khung sắt treo ròng rọc. Obispo nhớ lại một đoạn trong sổ tay của Bá tước! - Hắn kêu lên, rồi hắn cắm đầu chạy dọc theo đường hầm.

Cuối đường hầm là một cánh cửa bằng gỗ sồi có khóa. Hắn đút

xâu chìa khóa, cắm vào ngoáy bừa. Cửa mở. Một căn phòng vuông nhỏ, một cánh cửa nữa ở cuối phòng. Obispo nhào tới đó. Cửa khóa.

- Thịt bò hộp! - Ông Stoyte kêu lên khi soi đèn dọc bức tường. Ngoài này, trên những ngăn kệ dài, chai lọ, lon hộp lỉnh kỉnh! Ông đọc - Tôm Biloxi. Dứa hộp. Đậu Hà Lan hầm.. - Ông quay vào phía Obispo nói - Đã bảo mà. Quận vô đạo! Quân trộm cướp!

Em bé rút trong túi ra chiếc khăn tẩm dầu thơm "Chọc giận" Cô bịt mũi.

- Mùi gì khiếp quá! - Cô nói phều phào qua chiếc khăn lụa - Khiếp quá!

Trong lúc đó bác sĩ Obispo liên tục chọc các chìa khóa vào ổ. Cuối cùng cửa mở, một làn khí nóng ùa vào, căn phòng lập tức tràn đầy mùi hôi thối nồng nặc.

- Lạy Chúa tôi! - Ông Stoyte kêu lên. Virginia ọe trong chiếc khăn. Bác sĩ Obispo nhăn mặt bước dọc theo luồng khí hôi. Cuối hành lang là một cánh cửa thứ ba có chấn song sắt giống như xà lim tử tội. Hắn giơ cao đèn soi vào bóng tối đầm đìa xú uế.

Ông Stoyte và Virginia đứng bên ngoài bỗng nghe một tiếng kêu ngạc nhiên. Một hồi lâu im lặng, rồi trận cười hung bạo khoái trá của Obispo nổi lên. Từng đợt, từng đợt, vang rền, sang sảng, tiếng cười vang ra, dội lại, đi về trong khoảng không gian hạn hẹp. Bầu không khí âm ỉ nóng, thối hoăng, rung lên trong trận cười chát chúa, trận cười của một thằng mất trí.

Ông Stoyte vượt con đường hầm. Virginia theo đằng sau. Tiếng của Obispo bắt đầu làm ông khó chịu. Ông giận dữ la lên:

- Cái gì vậy hả trời?... - Ông dừng lại giữa câu rồi ông thầm thì - Cái gì thế kia?

- Một con khỉ dạng bào thai! - Obispo cắt nghĩa và bỗng hắn dừng lại, cười sằng sặc, người gập đôi lại như bị một cú đấm vào bụng.

- Lạy Mẹ Đồng Trinh! - Virginia nói trong chiếc khăn tay.

Qua chấn song, ánh đèn tạo nên một thế giới của những hình thù và màu sắc ma quái. Bên mép chiếc giường thấp, ở trung tâm cái thế giới ấy, một người đàn ông ngồi nhìn ra ánh đèn, đôi mắt trợn trừng thô lố, đôi chân trần đầy lông lá rậm rạp xù xì. Chiếc áo sơ-mi cáu bẩn, rách toác. Trên bộ ngực rộng, một dải lụa vắt chéo, ngày xưa có lẽ màu xanh. Cổ đeo chiếc huy hiệu bằng vàng. Hắn ngồi xổm, lưng còng, đầu vừa thụt giữa hai vai, vừa chúi về phía trước. Bàn tay to tướng hết sức vụng về gãi lên vết lở giữa đám lông ở bắp chân trái.

- Một con khỉ bào thai đã đủ thời gian trưởng dục. Cái nút bí mật thế là đã tháo gỡ. - Obispo nói và hắn cố nhịn cười. Nhìn mặt nó kìa! - Hắn chỉ tay qua chấn song. Phía trên đám lông lá bù xù ở gò má là cặp mắt màu xanh trong hố mắt sâu hoắm. Không có lông mày. Dưới làn da nhăn nheo bẩn thỉu, mảnh xương trán dồ ra như một mảnh ván.

Bỗng từ trong bóng tối, thêm một nhân vật nữa nhô ra ánh sáng. Mặt bé choắt, loáng thoáng ít lông, do đó ngoài cái trán dồ ta còn phân biệt được sự biến dạng kỳ dị của xương quai hàm và xương gò má. Cái đầu nhô trước ra vùng ánh sáng, thân người ra sau, mặc một cái áo khoác lòa xòa bằng vải kẻ ô, cổ đeo xâu chuỗi mặt đá.

- Một người đàn bà! - Virginia nói và cô lại nôn ọe khi nhìn cặp vú tong teo lòng thòng trên ngực người kia.

Obispo cười rú lên.

Ông Stoyte nắm vai hắn lắc mạnh, hỏi:

- Ai vậy?

Obispo chùi nước mắt. Trận cười đã qua, hắn im lặng thở. Lúc hắn mở miệng định trả lời thì động vật mặc áo sơ-mi giơ bàn tay to tướng tát vào mặt động vật mặc áo khoác một cái. Động vật mặc áo khoác rú lên vì đau đớn và giận dữ, rồi chạy vụt ra khỏi vùng ánh sáng. Từ trong bóng tối vọng ra một hồi léc chéc nghe gần như là tiếng chửi.

Obispo lên giọng để át tiếng ồn ào, hắn nói:

- Kẻ đeo huân chương Thánh Georges kia chính là đệ ngũ Bá tước dòng họ Hauberk. Còn kia là bà quản gia.

- Họ mắc bệnh gì vậy?

- Chẳng bệnh gì cả. Thời gian ấy thôi. - Bác sĩ Obispo nói.

- Thời gian?

- Con cái kia thì không rõ. Còn con đực tức là vị bá tước trước mặt ta thì... để xem... ông ta vừa đúng hai trăm lẻ một tuổi hồi tháng giêng năm nay.

Từ trong bóng tối, tiếng the thé vẫn vọng ra, tiếng chửi nghe gần như có mạch lạc.

Bá sĩ Obispo tiếp tục giải thích:

- Sự phát triển rất chậm của cơ thể trong trường hợp này, quy luật của sự tiến hóa ngược chiều... Một con giả nhân càng nhiều tuổi, nó càng ngớ ngẩn... Lông ruột cá chép... Vị bá tước thứ năm đã phát minh trước hắn phương thuốc trường sinh. Không có sự nhiễm độc do sterol thì không có lão hóa, không có cái chết, chưa biết chừng... Nhưng mà... Đây, con giả nhân ở dạng bào thai đã đủ thời giữ để trưởng dục! Đây, trò chơi khôi hài thú vị nhất thiên nhiên!

Vẫn ngồi nguyên không động đậy, đệ ngũ Bá tước đái luôn xuống đất. Trong bóng tối tiếng kêu léc chéc lại cất lên. Bá tước quay về phía đó gầm gừ trong cổ họng những câu dâm tục ngọng nghịu lãng quên.

- Bây giờ thì chẳng cần phải thí nghiệm nữa. - Bác sĩ Obispo nói - Ta có thể kết luận được rồi. Bác Jo có thể dùng phương thuốc này ngay. Ngay tức thời.

Ông Stoyte không nói gì. Phía bên kia chấn song, đệ ngũ Bá tước đứng lên, vươn vai, gãi, ngáp dài, rồi quay lại, tiến hai bước về phía ranh giới giữa ánh sáng và bóng đêm. Nữ quản gia lại léc chéc, tiếng kêu mỗi lúc mỗi nhanh nhanh thúc giục.

Vờ như không thấy gì, Bá tước dừng lại, giơ tay vuốt dải băng cài trên ngực, tay kia vân vê cuống huân chương Thánh Georges, mồm lẩm nhẩm một thứ tiếng từa tựa tiếng hát, một kỷ niệm của khỉ về khúc hát Xêrênat của Don Juan mê gái chăng? Động vật mặc áo khoác rên rỉ, có vẻ lo ngại, lùi sâu trong bóng tối.

Bỗng dưng, bỗng một tiếng rú mạn rợ, đệ ngũ Bá tước nhào tới trước, giã từ vùng ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn dầu, biến vào trong bóng tối trước mặt. Có tiếng chân bước gấp, một loạt gầm gừ, rồi một tiếng kêu, nhiều tiếng rú nữa, rồi không còn tiếng léc chéc the thé mà chỉ còn là tiếng gầm gừ hổn hển trong bóng tối, những tiếng rên nho nhỏ.

Ông Stoyte phá tan sự yên lặng, ông hỏi Obispo:

- Anh ước lượng khoảng bao nhiêu năm thì tới tình trạng kia? Nghĩa là... Chắc nó không xảy ra tức khắc... Phải có thời gian dài để con người... con người biến đổi. Mà tôi thấy dường như họ cũng không có vẻ gì làm phiền nhau quá đáng - tất nhiên theo kiểu của họ. Anh thấy thế nào, Obispo?

Bác sĩ Obispo lẳng lặng nhìn ông Stoyte rồi ngửa đầu cười sặc

sụa.

Chú thích

(1)Gà mái: tiếng lóng là gái điếm.

(2)Kẹo: tiếng Mỹ. Người Anh gọi kẹo là Sweet hoặc Goodies hay Bonbons như Pháp.

(3)Blaise Pascal (1623-1662) Nhà khoa học, nhà tư tưởng, tu sĩ Pháp, tác giả tập khảo luận "Tư tưởng" với câu viết nổi tiếng: "Con người không có khả răng chứng minh có Chúa hay là không có Chúa. Nhưng hãy cứ tin, rồi ta sẽ có tất cả".